

## Thay Lời Kết

### Man.yôshuu, áng thơ của cuộc đời

Tại sao khi đọc Man.yôshuu, người ta lại dễ dàng cảm động? Bởi vì thơ thời Vạn Diệp chính là tấm gương phản chiếu cuộc đời. Sômonka nói về sự sống, banka nói về cái chết. Có gì quan trọng hơn với con người ngoài sự sống và sự chết nhất là khi cái chết chỉ là điểm hẹn cuối cùng trong quá trình cuộc đời.

Tranh ngôi đoạt vị, thắng thì sống mà thua phải chết, vui khi được yêu, buồn lúc bị hờ hững, thương chồng, thương vợ, thương con, nhớ về quê cũ xa vời, bưng sống lại lúc xuân về, tê tái nhìn thu ra đi, yêu mến lẫn khiếp sợ trước thiên nhiên hùng vĩ nhưng bất trắc...tất cả đều là hình ảnh và tâm trạng trong cuộc sống của con người Nhật Bản cổ đại, suy rộng ra, của nhân loại nói chung.

Sức mạnh của Man.yôshuu nằm trong tay trên hai nghìn nhà thơ vô danh, sau đó đến một tập thể thi nhân hữu danh nhưng sự tích về họ cũng đã nhòa nhạt trước sức công phá của thời gian. Cầm đầu cuộc hợp xướng không tiền khoáng hậu ban đầu đã phát ra từ đồng hoang, vọt lên tự lòng đất Yamato ấy là những nhạc trưởng tài ba như Hitomaro và Yakamochi vậy.

Qua những trang sách trên, tuy nội dung chỉ chứa đựng được chừng một phần mười tác phẩm, kẻ viết những dòng này hy vọng quý độc giả sẽ cảm thấy được phần nào vì sao dân tộc Nhật Bản đã xem Man.yôshuu như một quốc bảo.

## **PHU LUC:**

### **Danh sách những nhà thơ tiêu biểu thời Van Diệp:**

Ngoài tập thể đông đảo những nhà thơ vô danh, sau đây là một số thi nhân còn để lại tên tuổi, phần lớn là nhân vật trong triều đình, quý tộc cũng như quan lại địa phương. Họ đã đóng vai trò cơ bản trong việc hình thành Man.yôshuu. Con số thơ nêu ra theo từng tên tác giả là thơ còn được ghi chép lại trong thi tập nói trên.

Tên những thi nhân quan trọng hàng đầu sẽ được in đậm.

### **Hàng A (tên bắt đầu bằng các âm A, I, U, E, O):**

#### **Aki no Ôkimi:**

Tước vương Aki. Dòng dõi Hoàng tử Shiki, trực hệ Thiên hoàng Tenji. Có lấy một người uneme là bà Yakami no Uneme xứ Inaba nhưng bà mang tội bất kính bị đuổi về quê. Nhân việc ấy, ông có làm thơ than thở. Thơ ông chịu ảnh hưởng thơ thất tịch của Yamanoue no Okura, phong vị cổ xưa và nhạy cảm trước đổi thay của thiên nhiên. Để lại 1 trường ca 3 đoản ca trong Man.yôshuu.

#### **Asada no Muraji Yasu:**

Asada Yasu. Người nhập cư từ Bách Tế (Kudara) trên bán đảo Triều Tiên. Làm quan ở Dazaifu với Ôtomo no Tabito. Có cả thơ ngũ ngôn trong Kaifuusô. Có 4 đoản ca.

#### **Abe no Asomi Hironiwa:**

Abe no Hironiwa. Làm quan to dưới triều Jitô, sống lâu (74 tuổi), được thoát hiểm trong cuộc biến loạn của Hoàng thân Nagaya. Có 4 bài tanka trong Man.yôshuu và 2 bài ngũ ngôn trong Kaifuusô.

#### **Abe no Asomi Mushimaro:**

Abe no Mushimaro. Bà con bên mẹ với Ôtomo no Sakanoue no Iratsume. Hay làm thơ tặng đáp với bà. Làm quan hàng ngũ phẩm. Có 5 đoản ca.

#### **Abe no Iratsume:**

Công nương Abe. Đọc là A Bội. Thường bị nhầm với người cùng tên (An Bội) nổi tiếng hơn. Có 5 đoản ca.

#### **Arima no Miko:**

Hoàng tử Arima. Con trai Thiên Hoàng Kôtoku. Bị mẹ con Thiên hoàng Saimei - Hoàng tử Naka no Ue ghép vào tội mưu phản và xử giảo ở con dốc Fujishiro. Hai bài

đoản ca về tập tục “buộc nhánh tùng” và “bữa cơm trên đường lữ thứ” dường như làm trước khi chết, rất nổi tiếng, nhưng có thuyết cho là tác phẩm của người đời sau để thương tiếc ông.

#### Ikusa no Ôkimi:

Tước vương Ikusa. Có thuyết cho là một tên khác của vương tử người Bách Tế là Hôshô (Phong Chương) hay một người trong hoàng tộc bên đó nhập cư. Có 1 trường ca 1 đoản ca.

#### Ishikawa no Iratsume:

Công nương Ishikawa. Nhân vật cùng tên xuất hiện trong 12 bài thơ của Man.yôshuu nhưng có thể là 4 hay 7 người khác nhau. Có thơ tặng đáp với các hoàng tử (Ôtsu, Kusakabe), đại thần và thiền sư. Có thuyết cho là vợ của Ôtomo no Yasumaro và là mẹ của Sakanoue no Iratsume nữa. Nói chung, thơ thông minh sắc sảo và thiên về duyên ái. Có 9 đoản ca.

#### Ishinokami no Asomi Otomaro

Ishinokami no Otomaro. Làm quan hàng ngũ phẩm, có lần bị đi phối lưu ở Tosa vì mang tội ngoại tình với vợ góa của Fujiwara no Umakai. Sau được phục chức và làm quan đến tam phẩm. Có 3 trường ca 1 đoản ca.

#### Ishikami no Asomi Maro

Ishikami no Maro. Sau được đổi sang họ Ishikawa. Lão thần hai triều Tenmu và Jitô, làm quan đến chức Dainagon, từng đi sứ Tân La và đứng đầu sứ phủ Dazai. Chết năm 78 tuổi, truy tặng tước nhất phẩm. Có 1 đoản ca.

#### Ichihara no Ôkimi

Tước vương Ichihara. Con trai Aki no Ôkimi. Có công trông coi việc xây dựng chùa Tôdaiji. Một trong nhóm thi nhân chung quanh Ôtomo no Yakamochi và Yuhara no Ôkimi. Có thuyết cho là một trong những người biên tập Man.yôshuu. Có thơ thất tịch. Để lại 8 đoản ca.

#### Iwanohime no Ômisaki

Hoàng hậu Đá. Hoàng hậu của Thiên hoàng Nintoku và là mẹ của 3 thiên hoàng Richuu, Hanzei và Ingyô. Có 4 bài thơ khóc Nintoku khi ông mất nhưng bị ngờ rằng là tác phẩm người đời sau. Tương truyền là người hay ghen, đau khổ vì chồng chia sẻ tình yêu với người khác. Trên nguyên tắc, có 4 đoản ca.

#### Oku no Himemiko

Công chúa Oku. Tên viết theo chữ Hán là Công chúa Đại Bá hay Đại Lai. Con gái Thiên

Hoàng Tenmu và Công chúa Ôta (em gái Nữ Thiên Hoàng Jitô). Bà là chị ruột của ông hoàng xấu số Ôtsu. Là công chúa trinh nữ đi tu thay cho thiên hoàng ở đền Ise. Trong Man.yôshuu có 6 bài đoản ca bi ai thống thiết chung quanh cái chết của cậu em trai.

### Ôtsu no Miko

Hoàng tử Ôtsu. Con trai Tenmu và Ôta, em trai Oku. Nổi tiếng thông minh tài tuấn, tính rộng rãi, không câu chấp, biết chiều hiền đãi sĩ nhưng đó là mầm tai họa. Chết thảm dưới tay Nữ thiên hoàng Jitô, bà dì ruột, vốn muốn giữ ngôi báu cho con trai mình là Hoàng tử Kusakabe. Thơ tuyệt mệnh nhắc đến “vịt trời ao Iware no ike” là một bài thơ đẹp nhưng có thuyết cho là người đời sau giả thác, cũng như trường hợp lâm hình thi “Kim ô lâm tây xá” bằng chữ Hán thấy trong Kaifuusô. Có truyền thuyết về tranh chấp ái tình với Kusakabe về người đẹp Ishikawa no Iratsume (qua bài “giọt mưa trên núi” mà người ta cho là mô phỏng bài Hán thi nhan đề Sơn lộ). Nhìn chung, thơ hào phóng, khoáng đạt. Có 4 đoản ca.

### Ôtomo no Sakanoue no Iratsume:

Công nương Sakanoue. Thường gọi suông là Sakanoue. Con gái Ôtomo Sukune Yasumaro và mệnh phụ Ishikawa, em gái Tabito và Tanushi. Hai con gái là Sakanoue no Ô-otome và Oto-otome, rể cũng là cháu gọi bằng cô là Ôtomo no Yakamochi. Người tài hoa và đa tình. Nữ thi nhân số một thời Vạn Diệp. Lúc trẻ lấy Hoàng tử Hozumi, khi ông chết được Fujiwara no Maro cầu hôn. Sau đó làm vợ Ôtomo no Sukunamaro có thêm 2 con gái. Được xem là nhà thơ nữ lớn nhất thời Vạn Diệp. Thơ phần lớn nói về luyến ái (tình đơn phương, tình hận, tình già, tình mẹ con, tình gia đình, vv...). Để lại 6 trường ca, 78 đoản ca và 1 thiên đầu ca.

### Ôtomo no Sakanoue no Ôtome

Tiểu thư Ôtomo no Sakanoue. Con gái Ôtomo no Sukunamaro và Sakanoue no Iratsume. Chị (một cha khác mẹ) của Tamura no Ô-otome và (chị ruột) Sakanoue no Oto-otome. Em họ và vợ Ôtomo no Yakamochi. Thơ phần lớn là thơ trao đổi với Yakamochi nhưng có thuyết cho là do mẹ viết thay. Lời thơ trung hậu đoan trang. Có 11 đoản ca.

### Ôtomo no Sukune Ikenushi<sup>1</sup>

Ôtomo no Ienushi. Bạn đồng liêu có thời làm dưới quyền Yakamochi ở Etchuu. Thường có thơ phú xướng họa với ông ta. Can dự vào cái án mưu phản của Tachibana no Naramaro và bị bắt giam. Sau đó hành tung không rõ. Thơ Ikenushi có dấu vết ảnh hưởng của Trung Quốc từ Văn Tuyền, tác phẩm mà người Nhật gọi là Monzen. Có 4 trường ca 24 đoản ca.

### Ôtomo no Sukune Sukunamaro

<sup>1</sup> Sukune và Asomi đều là tiếng tôn xưng các trọng thần trọng xã hội cung đình thời cổ. Sukune là hàng thứ 3 trong tám thứ bậc (yakusa no kabane hay bát sắc tính) trong khi Asomi (gọi tắt là Ason) thuộc hàng thứ hai. Yakusa no kabane gồm có: 1 mabito, 2 asomi, 3 sukune, 4 imiki, 5 michinoshi, 6 omi, 7 muraji, 8 inagi.

Ôtomo no Sukunamaro. Em trai Ôtomo no Tabito và cha của Tamura no Ô-otome và Sakanoue no Ô-otome. Làm quan đến ngũ phẩm, trấn thủ địa phương Bizen. Đòi thơ không rõ. Có 2 tanka.

Ôtomo no Sukune Surugamaro:

Ôtomo no Surugamaro. Là con gái thứ hai của Sakanoue no Iratsume là Oto-otome. Làm quan trấn thủ Echizen, can dự vào cái án mưu phản của Tachibana no Naramaro. Tuy nhiên sau phục chức trấn thủ vùng Oku kiêm tham nghị. Chết được truy tặng tòng tam phẩm. Có 11 đoản ca, thường là thơ tặng đáp với Ô-otome.

Ôtomo no Sukune Tanushi:

Ôtomo no Tanushi. Em trai Tabito. Có tiếng là người đẹp trai và phong nhã. Liên hệ xa gần với Ishikawa no Iratsume ít nhất trên phương diện văn chương. Thơ chịu ảnh hưởng Văn Tuyển. Chỉ có 1 đoản ca trong Man.yôshuu.

**Ôtomo no Sukune Tabito:**

Ôtomo no Tabito. Thường gọi suông là Tabito. Con của Ôtomo no Yasumaro và bà Kose no Iratsume, chồng Ôtomo no Iratsume, anh của Tanushi, Sukunamaro, Inagimi, Sakanoue no Iratsume, cha của Yakamochi và Fumimochi. Lãnh chức đại tướng quân chinh phạt nhiều nơi, sau bị tá thiên xuống phủ Dazai ở Kyushuu. Chủ nhân thi đàn trên đảo. Chịu ảnh hưởng Trung Quốc từ Lan Đình Tự (Vương Hy Chi) đến Du Tiên Quật. Sau biến cố Hoàng thân Nagaya, vì nghi ngờ có can dự, dòng họ Ôtomo mất ưu thế trong triều. Phong lưu, hay thơ, hay rượu, thích thưởng hoa mơ và nghe hát. Có thơ chữ Hán trong Kaifuusô. Trong Man.yôshuu có 1 trường ca 63 đoản ca.

Ôtomo no Sukune Fumimochi:

Ôtomo no Fumimochi. Con trai Tabito, em Yakamochi. Chết sớm, Yakamochi từ Etchuu có làm thơ ai điếu. Trong Man.yôshuu có 12 đoản ca.

Ôtomo no Sukune Miyuki:

Ôtomo no Miyuki. Anh Yasumaro tức vai bác Yakamochi. Làm quan đến chức Dainagon và Udaijin. Có 1 đoản ca.

Ôtomo no Sukune Momoyo:

Ôtomo no Momoyo. Làm quan lục phẩm nhưng không rõ thuộc gia đình nào. Từng coi binh bị và làm việc ở Dazaifu. Có viết tỉ dụ ca. Để lại 6 bài đoản ca trong Man.yôshuu.

**Ôtomo no Sukune Yakamochi:**

Ôtomo no Yakamochi. Thường gọi suông là Yakamochi. Con trai Tabito, không biết mẹ

là ai. Từng trấn thủ Etchuu và Inaba, sau lên chức Chuunagon, hàng tam phẩm. Mất năm 68 tuổi. Vì vụ Fujiwara no Tanetsugu bị ám sát nên bị xoá tên trong sổ nhà quan nhưng sau được ân xá. Ông là nhà thơ lớn và người biên tập Man.yôshuu. Nội dung thơ ông cao sang, thanh thoát nhưng ẩn chứa nỗi buồn cô độc. Hình thức đa dạng từ tặng đáp, luyến ái, phú đến thơ điếu tang. Có công sưu tập thơ miền đông và thơ lính thú. Cuộc đời nhiều bóng hồng. Lâm phải khổ cảnh vì những vụ án chính trị liên quan đến người trong gia tộc. Nhiều thơ nhất trong Man.yôshuu: 6 trường ca, 46 đoản ca, 25 triền đầu ca và 1 liên ca.

#### Ôtomo no Sukune Yasumaro

Ôtomo no Yasumaro. Thường được gọi là quan Dainagon ở Saho, nơi ông có phủ đệ. Ông là quan văn (Dainagon) kiêm võ (Daishôgun). Bố của Tabito và Sakanoue no Iratsume, ông nội Yakamochi. Đứng về phe chiến thắng (Tenmu) trong cuộc loạn Nhâm Thân nên hoạn lộ thông suốt. Có 3 bài đoản ca trong Man.yôshuu.

#### Ôtomo no Tamura no Ô-otome:

Tiểu thư Ôtomo no Tamura. Chị em một mẹ khác cha với Sakanoue no Iratsume. Thi nhân thế hệ thứ 4 của thời Vạn Diệp. Nhiều thơ luyến ái. Trong Man.yôshuu có 9 bài đoản ca.

#### Ôhara no Mahito Imaki:

Ôhara no Imaki. Cha là Hoàng tử Hozumi, mẹ là Sakanoue no Iratsume. Nhưng có thuyết khác cho là không phải. Ông làm quan chính lục phẩm ở vùng Kazusa (tỉnh Chiba bây giờ). Nhân liên can loạn Fujiwara no Nakamaro bị tước hết chức phận nhưng sau được phục hồi. Chủ yếu làm thơ trên chiếu tiệc, hiếm thấy bài hay. Có 9 đoản ca.

#### Ono no Asomi Oyu:

Ono no Oyu. Làm quan tòng ngũ phẩm. Có dự yến hoa mơ ở phủ Dazai với Tabito. Chết lúc đang làm quan tứ phẩm. Thơ ca tụng cảnh kinh đô phồn hoa. Có 2 bài đoản ca.

#### Omi no Ôkimi

Tước vương Omi. Nihon shoki chép là ông bị phối lưu đi Inaba dưới triều Tenmu nhưng lời giới thiệu trong Man.yôshuu cho biết bị đi đày ở Irago trong xứ Ise. Thơ có ca từ bi thương của người trên bước lưu ly. Trong Man.yôshuu có 1 bài đoản ca nhưng người ta e rằng ông là nhân vật không có thực và thơ là do người đời sau chép nhầm vào.

### **Hàng Ka (tên bắt đầu bằng các âm Ka, Ki, Ku, Ke, Ko):**

#### Kagami no Ôkimi

Quận chúa Kagami. Con gái tước vương Kagami no Ôkimi và là chị của bà Nukata no Ôkimi, nhưng lại có thuyết cho rằng bà là con gái Thiên Hoàng Jômei. Có thấy thơ bà tặng đáp với Thiên Hoàng Tenji và Fujiwara no Kamatari, công thần của ông. Được xem như là người vợ chính thức của Fujiwara no Kamatari. Nhân vật của thời kỳ đầu của Vạn Diệp. Có 4 đoản ca.

### **Kakinomoto no Asomi Hitomaro:**

Kakinomoto no Hitomaro. Thường gọi suông là Hitomaro. Họ Kakinomoto là chi nhánh của họ Wani nổi tiếng. Thời trước đã làm quan triều Ômi dưới trướng Tenji. Là thi nhân cung đình hoạt động từ triều Tenmu đến Monmu. Tuy chức tước không cao nhưng thơ hay, giỏi về thơ điệu tang (banka về Hoàng tử Takechi, Hoàng tử Hinamishi tức Kusakabe, Công chúa Asuka...) và trường ca, nhưng các đoản ca, phản ca (khóc vợ, thơ tòng giá tức tháp tòng ngự du, thơ hoài cổ, thơ vịnh cảnh, thơ tuyệt mệnh...) đều tài tình và tinh vi. Nhà thơ lớn nhất thời Vạn Diệp. Có tập thơ riêng Kakinomoto no Hitomaro Kashuu chép thơ của mình và thơ thu thập từ người khác. Phong cách hùng tráng. Đã hình thành những kỹ thuật tu sức (rhetorics) chính của thơ waka như makura kotoba, jô kokoba, taiku .... Có 18 trường ca và 66 đoản ca.

### **Kasa no Asomi Kanamura:**

Kasa no Kanamura. Đại diện cho thế hệ thứ 3 của thời Vạn Diệp. Giỏi về thơ tòng giá (theo xa giá) như những bài ca tụng cảnh sắc cố đô Yoshino, kinh đô Naniwa, các vùng Kii, Harima. Cũng có thơ tiễn sứ thần sang nhà Đường từ cương vị phụ nữ (nói thay cho người khác). Có 8 trường ca và 22 đoản ca trong Man.yôshuu.

### **Kasa no Asomi Maro:**

Kasa no Maro. Tên thật của Sami Mansei (sa di Mansei), gốc người vùng Kibi (tỉnh Okayama bây giờ). Có công khai thông đường sá nên được phong ấp, làm quan tòng tư phẩm. Sau xuất gia lấy hiệu là Mãn Thệ (Mansei). Được cử xuống vùng Tsukushi (Kyuushuu) coi việc đúc tượng Quan Âm nên thường đi lại với thi đàn của Dazaifu. Tham dự những buổi tiệc vịnh mai. Thâm giao với Tabito. Để lại 7 đoản ca.

### **Kasa no Iratsume:**

Tiểu thư Kasa. Không rõ có liên hệ nào với dòng họ Kasa của Kasa Asomi, Kasa no Kanamura, Kasa no Maro hay chăng? Có thể là con gái một trong những ông ấy. Từ năm 733 trở đi, có quan hệ duyên ái với Yakamochi. Trong quyển 4 đã có đến 24 bài tặng đáp Yakamochi. Tình cảm đối với ông ta có thể chia làm nhiều thời kỳ: khát vọng yêu đương, phẫn uất, tâm sự hoảng loạn đau khổ, chia tay rồi đứng đưng khi gặp lại. Lời hay, ý đẹp, thí dụ bóng bẩy. Có 29 đoản ca trong Man.yôshuu.

### **Kasuga no Kura no Obito Oyu:**

Kasuga no Kura no Oyu. Có lẽ là tên của tăng nhân Benki (Biện Cơ), người đã hoàn tục. Làm quan tòng ngũ phẩm. Có thơ trong Kaifuusô và 6 bài đoản ca trong Man.yôshuu.

### Kadobe no Ôkimi:

Tước vương Kadobe. Dòng dõi hoàng tộc, tước vương. Từng làm quan trấn thủ các vùng Ise và Izumo. Có 5 bài đoản ca.

### Kawashima no Miko:

Hoàng tử Kawashima. Một người con của Thiên hoàng Tenji. Cùng với Hoàng tử Kusakabe ghi chép các Đế Kỷ và Thượng cổ chư sự. Chết năm 691 lúc 35 tuổi dưới đời Jitô. Có thuyết cho rằng ông đã dự vào mưu phản của Hoàng tử Ôtuo, sau lại đổi ý, đi đầu cáo triều đình. Có 1 đoản ca.

### Kawabe no Asomi Azumahito:

Kawabe no Azumahito. Làm quan dưới chức ngũ phẩm, trấn thủ vùng Iwami. Nổi tiếng giọng tốt, hát và tụng kinh hay. Có 1 đoản ca.

### Ki no Asomi Kahito:

Ki no Kahito. Bố của Ki no Iratsume, một nhà thơ có liên hệ tình cảm với Yakamochi. Thiện về thơ vịnh cảnh và ca ngợi các di tích địa phương. Có 11 đoản ca và 1 thiên đầu ca.

### Ki no Iratsume:

Công nương Ki. Con gái Ki no Asomi Kahito, vợ của Akino no Ôkimi, một hoàng tử cháu nội của Hoàng tử Shiki. Sau ly hôn với Akino, hình như đi lại với Yakamochi. Có thơ ngụ ý oán hận người chồng cũ đem lòng yêu một người đàn bà khác là nàng Yakami no uneme. Cũng có thơ vịnh mai và tặng đáp bạn bè. Để lại 12 đoản ca trong Man.yôshuu.

### Ki no Himemiko:

Công chúa Ki. Con gái Thiên hoàng Tenmu. Em một mẹ với Hoàng tử Hôzumi. Theo những lời chú thích trong thi tập, bà có thể là vợ của Hoàng tử Iwata nhưng từng đi lại với Hoàng tử Takayasu. Hoàng tử Yuge cũng có thơ gửi bà, chứng tỏ đời bà nhiều rắc rối về tình cảm.

### Kume no Asomi Hironawa:

Kume no Hironawa. Làm quan nhỏ, từng thất phẩm, từng nhậm chức ở vùng Etchuu. Có lúc trông coi việc thuế, Hay làm thơ trên chiếu tiệc của Yakamochi. Đề tài chính là chim cuốc, hoa đào, lá đỏ. Cùng với Yakamochi và Inenushi là bộ ba chủ trì tao đàn vùng Etchuu.

### Kume no Senji



Thiên sư Kume, thường được nhắc đến như là người từng làm thơ tặng đáp với nàng Ishikawa no Iratsume. Có 3 đoản ca.

#### Kura no Imiki Nawamaro

Kura no Nawamaro. Giao du với Yakamochi thời cùng ra nhậm chức ở Etchuu. Thơ làm trong yến tiệc hoặc dạo chơi. Có 4 đoản ca.

#### Kurumamochi no Asomi Chitose

Kurumamochi no Chitose. Thi nhân cung đình thế hệ thứ ba, có người cho là phụ nữ chứ không phải đàn ông. Nhiều thơ từng giá trong các cuộc ngự du ở Yoshino, Naniwa, Suminoe no hama ...nhưng có thác ngự tâm tình riêng tư phần nhiều là tình yêu trai gái. Có 2 trường ca và 8 đoản ca.

#### Genshō Tennō

Nữ thiên hoàng Genshō (Nguyên Chính). Tên húy là Công chúa Hidaka (Hidaka no Himemiko) Con gái Hoàng thái tử Kusakabe và Nữ Thiên hoàng Genmei. Cháu gọi Thiên hoàng Tenji bằng ông nội và là chị Thiên Hoàng Monmu. Tức vị thiên hoàng năm 715 để giữ âm cho người đáng phải lên ngôi (Shōmu, con Monmu và là cháu của bà) đang bị bệnh. Nhường ngôi cho Shōmu năm 724. Ngự chế thường là thơ ngự du hay làm vào dịp thăm viếng quần thần. Có 1 trường ca và 7 đoản ca (trong đó 1 trường ca và 2 đoản ca có nguồn gốc không chắc chắn)

#### Genmei Tennō

Nữ thiên hoàng Genmei (Nguyên Minh). Tên húy là Công chúa Ae (Ae no himemiko). Con gái Thiên hoàng Tenji, mẹ gốc gia đình quyền thần Soga. Vợ Hoàng thái tử Kusakabe, mẹ của cả Thiên hoàng Monmu lẫn Nữ thiên hoàng Genshō. Lên ngôi năm 707 vì con là Monmu mất sớm và cháu (sau là Shōmu) còn thơ dại. Dưới thời bà Kojiki hoàn thành (712). Bà cũng là người đã xuống chiếu cho soạn các Fudoki. Nhường ngôi cho Genshō năm 715. Có thơ nhớ người chồng đã khuất (Kusakabe) nhân khi từng giá Nữ thiên hoàng Jitō (mẹ chồng và chị khác mẹ) đi chơi xứ Kii, thơ huấn dụ binh sĩ, thơ hoài hương (sau khi thiên đô). Có 3 đoản ca.

#### Kōken Tennō

Nữ thiên hoàng Kōken (Hiếu Khiêm), con gái của Thiên hoàng Shōmu và Hoàng hậu Kōmyō, húy Abe. Lên ngôi 2 lần, lần đầu mang tên Kōken (nổi ngôi Thiên hoàng Shōmu), lần sau mang tên Shōtoku (Xứng Đức, sau khi Thiên Hoàng Junnin bị bắt đi đày). Nổi tiếng vì việc sủng ái tăng Đạo Kính (Dōkyō) đến độ muốn đưa ông ta lên ngôi. Ngự chế làm lúc tiền sứ giả sang nhà Đường, trong những cuộc tuần du địa phương hay thăm quần thần. Có 1 trường ca 2 đoản ca.

**Hàng Sa (tên bắt đầu bằng các âm Sa, Shi, Su, Se, So, Za, Ji, Ze, Jo, Zo):**

### Saimei Tennô:

Nữ thiên hoàng Saimei (Tề Minh). Hoàng hậu của Thiên hoàng Jōmei, mẹ của hai Thiên hoàng Tenji và Tenmu. Chị em cùng một mẹ của Thiên hoàng Kōtoku. Trước kia đã lên ngôi lấy hiệu là Kōgyoku (Hoàng Cực) nhưng vì vụ biến loạn đảo chánh họ Soga, muốn tránh tiếng mới nhường ngôi cho em là Kōtoku trước khi trùng tội để mở đường cho con trai là Tenji. Có để lại 1 trường ca và 8 đoản ca nhưng có khi là do người khác như quận chúa Nukata làm thay.

### Saeki no Sukune Akamaro:

Saeki no Akamaro. Có thuyết cho rằng họ Saeki cùng tổ tiên với họ Ôtomo. Qua lời thơ thường thấy hình ảnh của một người đàn ông trung niên còn chạy theo các cô gái trẻ. Có 3 đoản ca.

### Sakaibe no Ôkimi:

Tước vương Sakaibe. Con trai Hoàng tử Hozumi hay là con trai Hoàng tử Naga (cả hai đều là con Tenmu). Ông thừa hưởng văn hoá đại lục, từng lấy cảm hứng từ tác phẩm phong tình đời Đường là Du Tiên Quạt, lại có cả 2 bài thơ chữ Hán trong Kaifuusô. Để lại 1 đoản ca.

### Sano no Otogami no Otome:

Nữ quan Sano. Không ai rõ gốc gác, chỉ biết bà là nữ quan coi về vật tư trong cung. Chuyện tình cảm đoán giữa bà và một vị quan trẻ tuổi Nakatomi no Yakamori là đề tài cho nhiều bài thơ tặng đáp khi hai người phải biệt ly vì ông bị lưu đày. Thơ giàu cá tính và bộc trực dù đôi khi không tránh được thậm xưng. Tất cả là 23 đoản ca.

### Shiki no Miko:

Hoàng tử Shiki là con trai Thiên hoàng Tenji và là cha của Thiên hoàng Kōnin (tức hoàng tử Shirakabe), các hoàng tử Yuhara, Enoi, Kasuga, công chúa Unakami. Từng làm quan nhị phẩm dưới triều Jitō và có tham gia minh ước không tranh ngôi ở Yoshino khi Thiên hoàng Tenmu triệu tập. Thơ trong sáng, uyển chuyển nhưng đầy ngụ ý về việc bị cánh Tenmu loại ra khỏi quyền lực trung ương. Có 6 đoản ca.

### Jitō Tennô:

Nữ thiên hoàng Jitō (Trì thống). Con gái thứ hai của Thiên hoàng Tenji và một hoàng phi họ Soga, sau cùng với em ruột là công chúa Ôta làm vợ của Tenmu, chú ruột mình. Mẹ Hoàng thái tử Kusakabe. Lúc Tenmu băng lên nối ngôi để giữ chỗ cho con. Kusakabe lại vô phúc mất sớm, lại giữ chỗ cho cháu nội. Chính trị cứng rắn, thẳng tay trừ đối lập nhưng có khả năng nắm chính quyền. Có thơ khóc chồng (Tenmu), thơ vịnh cảnh Kaguyama nổi tiếng và thơ vấn đáp với người hầu (bà Shii) bộc lộ tính hài hước. Có 2 trường ca 4 đoản ca.

### Shôtoku Taishi:

Thái tử Shôtoku (Thánh Đức). Con trai Thiên hoàng Youmei (Dụng Minh). Mẹ người họ Soga. Gọi Nữ thiên hoàng Suiko bằng cô, lại là rể của bà. Phụ tá Suiko trị nước, đặt ra 12 bậc quan chức và 17 điều hiến pháp. Có thơ khóc người vô danh chết bên đường ở núi Tatsutayama nhưng thuyết khác cho là thơ giả thác (thơ người khác đem gán cho ông). Một đoản ca.

### Shômu Tennô:

Thiên hoàng Shômu (Thánh Vũ), con trai Monmu (Văn Vũ) và Fujiwara no Miyako. Mẹ là Kômyôshi cũng là người họ Fujiwara. Con gái là Nữ thiên hoàng Kôken (tức Shôtoku khi trùng tộ). Sùng kính Phật giáo, đã cho xây chùa Tôdaiji. Có thơ tặng quần thần, thơ trên chiếu tiệc, thơ hỏi thăm tin tức lẫn thơ tình, nhiều khi ở vị trí phụ nữ. Có 1 trường ca, 10 đoản ca.

### Jômei Tennô:

Thiên hoàng Jômei (Thư Minh). Cháu nội Thiên hoàng Bidatsu (cha ông không làm vua) và chồng của Nữ thiên hoàng Kôgyoku (sau là Saimei). Cha hai thiên hoàng Tenji, Tenmu và công chúa Hashihito. Có thơ ngợi ca đất nước (núi Kaguyama, núi Kogura) để cầu mong đất nước có cuộc sống phong túc cũng như bảo chứng cho tính chính thống của mình. Có 1 trường ca và 4 đoản ca.

### **Hàng Ta (tên bắt đầu bằng các âm Ta, Chi, Tsu, Te, To, Zu, De, Do):**

#### Takata no Ôkimi:

Công chúa Takata. Dòng dõi Hoàng tử Naga, con trai Thiên hoàng Tenmu. Thơ đặc biệt mang tâm sự của người đàn bà đang yêu và mong đợi người yêu nên được gọi là onna-uta. Để lại 7 đoản ca.

#### **Takahashi no Muraji Mushimaro:**

Takahashi no Mushimaro. Thường gọi là Mushimaro. Có tập Mushimaro Kashuu (Ca tập của Mushimaro) viết nhiều về vùng Hitachi, lại có thơ tặng Fujiwara no Umakai nên có lẽ là thuộc hạ ông quan này (Umakai có thời cai trị vùng Hitachi). Ông là nhà thơ chuyên khai thác chủ đề truyền thuyết qua thể trường ca. Tiêu biểu là truyền thuyết về các nàng trinh nữ Tamana no Otome ở Kazusasue, nàng Mama no Otome và nàng Uhara Otome ở Katsushika, chàng ngư phủ Urashima Tarô ở Mizunoe... Ông còn làm thơ về những hội hè ca hát trên núi Tsukuba. Có vẻ là người đi nhiều. Để lại trong Man.yôshuu 1 trường ca 1 đoản ca nhưng trong ca tập riêng có 14 trường ca, 19 đoản ca và 1 triền đầu ca.

#### Takayasu no Ôkimi:

Tức vương Takayasu. Dòng dõi Hoàng tử Naga, là cha của Công chúa Takata (vừa nhắc đến bên trên). Làm quan án sát sứ, đến hàng tứ phẩm, được ban họ Ôhara. Thơ tặng đáp với phụ nữ hay thơ trên chiếu tiệc. Có 3 đoản ca.

#### Takechi no Miko:

Hoàng tử Takechi. Con trai Thiên hoàng Tenmu, “sống chung” với Công chúa Tajima. Có con trai là Hoàng thân Nagaya. Trong biến loạn năm Nhâm Thân, phò tá cha đánh đông dẹp bắc. Tham dự minh ước Yoshino. Làm quan Thái chính đại thần đầu triều Jitô. Lúc ông mất năm 43 tuổi (696), Kakinomoto no Hitomaro có làm thơ khóc ông. Tuổi lớn nhất trong các hoàng tử, có võ công hiển hách nhưng mẹ không phải là hàng quý tộc cao cấp nên trong thứ tự nối ngôi phải đứng sau các em như Kusakabe, Otsu. Có thơ khóc người chị em gái khác mẹ là công chúa Tôchi (Tochi no Himemiko) (con của Tenmu với quận chúa Nukata, vợ Thiên hoàng Kôbun tức Hoàng tử xấu số Ôtomo). Có 3 đoản ca.

#### Takechi no Muraji Kurohito:

Takechi no Kurohito. Thường gọi là Kurohito. Gia đình có thể thuộc giới hào tộc vùng Takechi thuộc Yamato. Thường theo xa giá Nữ thiên hoàng Jitô đi đó đây nên thơ có tính cách lữ hành về các miền xa từ Mikawa, Etchuu ở miền đông cho đến Settsu, Yoshino ở miền tây. Thường được nhắc nhở vì thi pháp “đi từ khung cảnh lớn trở về khung cảnh nhỏ”. Ngoài thơ vịnh cảnh còn có thơ yến tiệc và thơ hải hước. Để lại 18 đoản ca.

#### Tajima no Himemiko:

Công chúa Tajima. Mẹ là bà Hikami no Otome, con gái công thần của Tenji, Fujiwara no Kamatari. Nổi tiếng vì liên hệ tình cảm (ngoại tình) với Hoàng tử Hozumi khi đang “sống chung” với Hoàng tử Takechi. Hai người đều là anh cùng cha khác mẹ với bà nhưng Hozumi thì trẻ trung và đa tình hơn. Khi bà mất, Hozumi có làm thơ khóc. Tuy nhiên về xuất xứ các bài thơ tặng đáp giữa Hozumi và Tajima hãy còn nhiều nghi vấn (do người khác làm). Có 4 đoản ca.

#### Tachibana no Sukune Naramaro:

Tachibana no Naramaro. Con trai đại thần Tachibana no Moroe. Mẹ là con gái quyền thần Fujiwara no Fuhito. Làm quan tòng ngũ phẩm, đứng đầu quốc tử giám. Hay tháp tùng xa giá trong các cuộc ngự du. Sau mang tội mưu phản và chết năm 37 tuổi. Có thơ bày tỏ tâm sự và thơ trong yến tiệc. Thâm giao với gia đình Ôtomo. Có 3 đoản ca.

#### Tachibana no Sukune Moroe:

Tachibana no Moroe. Thường gọi suông là Moroe. Con trai Hoàng thân Mino. Mẹ là bà Agata no Inukai, sau tái hôn với Fujiwara no Fuhito. Nhân đó trở thành nhân thần, mang họ mới là Tachibana. Lấy con gái Fuhito và sinh ra Naramaro, người mắc vào tội mưu

phản (xem ở trên). Làm quan Tả Đại Thần, đứng đầu triều. Chết năm 74 tuổi. Có thơ trong yến tiệc, thơ tặng đáp, thơ ứng chiếu (họa thơ nhà vua). Có 8 đoản ca.

#### Tanabe no Fuhito Sakimaro:

Tanabe no Sakimaro. Hình như xuất thân là dân nhập cư chuyên về văn bút (do cái tên Fuhito). Có liên hệ mật thiết với gia đình Tachibana. Từng nhận mệnh Moroe đến thăm Yakamochi ở Etchuu, nhân dịp này có làm thơ yến tiệc và vịnh cảnh. Ngoài thơ lễ nghi cung đình có tính truyền thống còn làm thơ riêng tư, tình cảm, như thơ liên quan tới người chết trên đường lữ hành, truyền thuyết về người con gái ở Ashiya. Có thi tập Fukumaro Kashuu. Để lại 13 đoản ca nhưng trong thi tập riêng thì có 10 đoản ca và 21 trường ca.

#### Chinu no Ôkimi:

Tước vương Chinu. Con trai Hoàng tử Naga, từng làm quan tòng tứ phẩm. Nổi tiếng vì cho khắc thơ “chân Phật” (Bussokuseki) ở chùa Yakushiji để nhớ người vợ đã chết. Có thơ ứng chiếu, 1 đoản ca.

#### Tsuki no Omi no Obito:

Tsuki no Obito. Nhà thơ giai đoạn sau của Vạn Diệp. Có thơ về người chết trên đường (koroshininka = hành lộ tử nhân ca). Lại có trường ca về người du hành trên biển. Có 1 trường ca 4 đoản ca.

#### Tenji Tennô:

Thiên hoàng Tenji (hay Tenchi, Thiên Trí). Vua khai sáng triều Ômi, đóng đô ở Ôtsuu. Trước khi lên ngôi là Hoàng tử Naka no Ôe, đảo chánh họ Sôga để phục hồi vương quyền và cải cách chính trị nhà nước qua bộ luật năm Taika. Chồng của Hoàng hậu Yamato (người có thơ khóc ông) và anh của Tenmu, chồng sau của quận chúa Nukata. Chết năm 46 tuổi, con là Thiên hoàng Kôbun không giữ được ngôi sau cuộc biến loạn năm Nhâm Thân. Được coi như một gương mặt thơ thời trung kỳ của Vạn Diệp. Có thơ vịnh mối tình tay ba của Đại Hòa Tam Sơn và thơ tặng đáp quận chúa Kagami (chị Nukata), một trong những người vợ của ông. Có 1 trường ca và 3 đoản ca.

#### Tenmu Tennô:

Thiên hoàng Tenmu (Thiên Vũ), em ruột Tenji. Ông là vua khai sáng triều Asuka Kiyomigahara. Chồng của Jitô và cha của Kurasabe, Ôtsuu, Takechi, Tajima, Hozumi vv... Nổi tiếng vì bài thơ tặng đáp với người yêu cũ là quận chúa Nukata và thơ đối đáp bốn cột nhân ngày tuyết lớn với Hoàng phi Fujiwara. Từ Yoshino đã chiêu tập binh sĩ tranh ngôi với cháu là Otomo (Thiên hoàng Kôbun, cũng là con rể mình). Cũng như Tenji, ông là một vị vua lớn trong lịch sử Nhật Bản cổ đại, có công xây dựng cơ cấu nhà nước. Có 2 trường ca 3 đoản ca.

### Toneri no Miko:

Hoàng tử Toneri. Cũng là con trai Tenmu, mẹ là công chúa Niitabe, con gái của Tenji. Con trai ông sẽ lên ngôi hiệu là Junnin. Có công chủ trì việc soạn Nihon shoki (Nhật Bản Thư Ký). Làm đến bậc đại thần nhất phẩm, mất lúc 60 tuổi (năm 735). Thơ đăng cả trong thi tuyển của Hitomaro. Có 3 đoản ca.

### **Hàng Na (tên bắt đầu bằng các âm Na, Ni, Nu, Ne, No):**

#### Nagata no Ôkimi:

Hoàng thân Nagata. Làm quan đến tứ phẩm, có lần giữ chức trấn thủ vùng Ômi, rồi đò độc cận vệ. Một thời đứng đầu utagaki. Thơ vịnh phong cảnh, ca tụng đất nước. Có 6 đoản ca.

#### Nakatsusumera Mikoto:

Lệnh bà Nakatsusumera. Không rõ là ai. Có thuyết cho là Nữ thiên hoàng Kyôgoku (Hoàng Cực), có thuyết cho là Công chúa Mashihito, có thuyết cho là mẹ Thiên hoàng Jômei vv...Có 1 trường ca và 4 đoản ca.

#### Nakatomi no Asomi Kiyomaro:

Nakatomi no Kiyomaro. Từng làm quan địa phương (trấn thủ Obari) và trong triều (quan bộ Lễ, tham nghị). Sống đến 87 tuổi. Nhà thơ cuối thời Vạn Diệp. Chủ yếu là thơ chào hỏi chúc tụng trong yến tiệc hay thơ hoài cổ. Có 5 đoản ca.

#### Nakatomi no Asomi Yakamori:

Nakatomi no Yakamori. Vì mối tình cấm đoán với nữ quan Sano no Otogami no Otome mà bị đày ra xứ Echizen. Sau được ân xá hồi kinh. Làm đến tòng ngũ phẩm nhưng lại bị xoá tên trong sổ nhà quan sau cuộc biến loạn của Fujiwara no Nakamaro. Có 40 tanka thì 29 bài liên quan đến mối tình trắc trở của ông.

#### Naga no Imiki Okimaro:

Naga no Okimaro. Họ Naga của ông không biết có phải đến từ gốc Đông Hán hay không. Thuộc lớp thi nhân Vạn Diệp thế hệ thứ hai. Có thơ tòng giá Nữ thiên hoàng Jitô và các bài thơ ứng chiếu, thơ yến tiệc. Ngoài ra làm cả thơ vịnh vật. Có 14 đoản ca.

#### Naga no Miko:

Hoàng tử Naga. Con trai Thiên hoàng Tenmu, mẹ là Công chúa Ôe, con gái Tenji. Em trai cùng mẹ là Hoàng tử Yuge, Con là Hoàng tử Chinu. Thơ thường viết trong lúc tháp tùng ngự du hay trên chiếu tiệc. Có 5 đoản ca.

#### Nagaya no Ôkimi:

Hoàng thân Nagaya. Con trai Hoàng tử Takechi, làm đến bậc Tả Đại Thần, hàng nhị phẩm. Mẹ là Công chúa Minabe, con gái Tenji. Vợ cả của ông lại là con gái Hoàng thái tử Kusakabe. Vợ thứ là con gái Fujiwara no Fuhito. Tất cả liên hệ cốt nhục và hôn nhân tốt đẹp ấy không ngăn được việc ông bị kết tội mưu phản và phải tự vận vào năm 725, lúc 54 tuổi, nhường bước cho tập đoàn Fujiwara nắm chính quyền. Có thơ vọng hương, thơ vịnh cảnh, thơ điếu tang lẫn 3 bài thơ chữ Hán trong Kaifuusô. Có 5 đoản ca.

### **Nukata no Ôkimi:**

Quận chúa Nukata. Con gái Hoàng thân Kagami (không rõ là ai), trước ở với Tenmu (khi còn là hoàng tử Ôama) và có với ông một người con gái là công chúa Tôchi. Bà là nhà thơ cung đình dưới thời Saimei và Tenji, thường thay mặt triều đình làm thơ thúc quân (khi đi đánh Tân La) hay trấn yểm (thần núi Miwa), thơ điếu tang (Tenji). Sau hình như được nạp vào hậu cung của Tenji. Nổi tiếng nhất là bài thơ đối đáp về “vườn thuốc” với Tenmu. Có 3 trường ca 9 đoản ca.

### **Hàng Ha (tên bắt đầu bằng các âm Ha, Hi, Fu (Hu), E (He), Ho)**

#### **Hashihito no Muraji Oyu:**

Hashihito no Oyu. Không hiểu có phải là Nakatomi no Hashihito no Muraji Oyu, người từng đi sứ nhà Đường năm 654 không? Hay là Nakatsusumera Mikoto đã nhắc đến bên trên? Dù sao thơ có đặc điểm là nhiều tính cách đồng cốt, thiêng liêng. Có 1 trường ca và 1 đoản ca.

#### **Hinamishi no Miko no Mikoto:**

Hoàng tử Hinamishi. Tức Hoàng tử Kusakabe. Cái tên nói trên chỉ có ý xung tụng “sánh với mặt trời” mà thôi. Con trai Tenmu và Jitô. Vợ là Genmei, các con là Monmu, Genshō, đều là thiên hoàng trừ mình. Sức khỏe kém, tài năng không đặc biệt, chết sớm khi chưa làm được việc gì. Tương truyền có thơ tặng nàng Ishikawa no Iratsume làm cho việc tranh ngôi với Hoàng tử Ôtsu có thêm màu sắc tư tình. Hitomaro và Toneri đều viết thơ điếu tang ông. Có 1 đoản ca.

#### **Fujiwara no Asomi Umakai:**

Thông xưng là Umakai. Con trai Fujiwara no Fujhito, mẹ là con gái họ Soga. Anh chị em đều nổi tiếng và thay nhau nắm chính quyền: Muchimaro, Fusamaro, Maro, Miyako (Hoàng hậu của Monmu), Kômuyoshi (Hoàng hậu của Shōmu). Từng làm phó sứ sang nhà Đường. Chức Chinh Di đại tướng quân coi việc võ bị nhưng có lúc là quan khanh bộ Lễ (Shikibu). Có công chỉ đạo việc xây cất kinh đô Naniwa. Lên đến bậc chính tam phẩm. Mất năm 734, lúc mới 44 tuổi. Có thơ tụng giá, thơ làm lúc xây dựng cung điện, thơ hỏi thăm tin tức. Còn có 6 bài Hán thi trong Kaifuusô. Để lại 6 đoản ca.

#### **Fujiwara no Asomi Kamatari:**

Fujiwara no Kamatari. Người lập đại công giúp Tenji đảo chánh họ Soga và sẽ là thủy tổ của tập đoàn quyền thần Fujiwara. Tên ngày xưa là Nakatomi, một dòng họ chuyên việc tế lễ. Được Tenji ban cho tên mới là Fujiwara. Mẹ người họ Ôtomo. Vợ cả có lẽ là Quận chúa Kagami (chị Nukata và vợ cũ của Tenji), cũng do vua ban cho. Người con nổi tiếng nhất là Fuhito. Có thơ tặng đáp Quận chúa và thơ tỏ niềm vui khi được vua ban thêm nàng uneme Yasumiko xinh đẹp làm thiếp. Có 2 đoản ca.

#### Fujiwara no Asomi Nakamaro:

Fujiwara no Nakamaro. Con trai Muchimaro, cháu Kamatari. Sau khi ra ngoài làm trấn thủ Ômi, về triều giữ chức Dainagon. Được tứ danh Fujiwara no Emi no Oshikatsu. Sau mang tội mưu phản, bị tru diệt. Có thơ tiễn biệt sứ giả nhập Đường và thơ răn đe mọi người sau khi cuộc biến loạn của Tachibana no Naramaro xảy ra. Có 2 đoản ca.

#### Fujiwara no Asomi Hirotsugu:

Fujiwara no Hirotsugu. Con trai Umakai, mẹ là con gái Soga Ishikawamaro. Sau khi làm quan bộ Lễ kiêm trấn thủ đất Yamato, xuống Kuushuu nhậm chức ở phủ Dazai. Nhân chống hai nhà cải cách Genbô và Kibi no Makibi đang được triều đình tin dùng, mưu nổi loạn ở Tsukushi nhưng bị dẹp nhanh chóng. Có viết thơ tình gửi cho một người con gái không rõ tên kèm theo nhánh hoa đào. Có 1 đoản ca.

#### Fujiwara no Asomi Maro:

Fujiwara no Maro. Con trai Fuhito, mẹ là Ioe no Ttome, người em gái khác mẹ của Fuhito. Có thời cưới Ôtomo no Sakanoue no Iratsume và sinh được một con trai là Hamanari. Chết năm 43 tuổi khi đang làm đại diện triều đình ở vùng Mutsu (Đông Bắc). Để lại thơ tặng đáp với bà Sakanoue làm năm 27 tuổi. Có 5 bài thơ chữ Hán trong Kaifuusô. Trong Man.yôshuu thì có 3 đoản ca.

#### Fujiwara no Asomi Yasuo:

Fujiwara no Yasuo. Con trai Fusahito. Mẹ là con gái Hoàng thân Minô. Anh của Kiyokawa (sứ thần sang nhà Đường). Lúc đầu tước quan võ nhưng sau làm đến Dainagon. Có lần đứng đầu phủ Dazai. Mất lúc 52 tuổi. Còn được tứ danh là Matate. Thân thiết với Yamanoue no Okura. Có thơ vịnh cảnh và làm trên chiếu tiệc, rất khéo. Có 7 đoản ca và 1 thiên đầu ca.

#### Fujiwara no Ôkisaki:

Tức Hoàng hậu Kômýô (tên thật là Fujiwara no Kômýôshi), con gái Fuhito và bà Agata Inukai (cũng là mẹ của Moroe, con đời chồng trước). Vợ Shômu và mẹ của Kôken. Mất năm 60 tuổi (758) sau khi đã lập Thiên hoàng Junnin làm vua. Có thơ tặng đáp với chồng. Ba đoản ca.



### Hozumi no Asomi Oyu:

Hozumi no Oyu. Làm một chức quan nhỏ ở bộ Lễ. Vì phê bình thiên hoàng nên bị đày ra đảo Sado. Sau được ân xá. Mất lúc làm quan ở bộ Ôkura lo về tài chánh vật tư. Có 1 đoản ca.

### Hozumi no Miko:

Hoàng tử Hozumi. Ông là con trai Thiên hoàng Tenmu, mẹ người họ Soga. Vợ là nữ sĩ Ôtomo no Sakanoue no Iratsume (lúc đó ông đã già và bà mới lấy chồng lần đầu). Ông là anh Công chúa Ki (tiểu sử xem bên trên). Làm đại thần nhất phẩm dưới triều Jitô. Nổi tiếng với bài thơ khóc Công chúa Tajima, người yêu và em gái khác mẹ của ông, cũng như thơ đối đáp với bà hồi bà còn sống. Có 4 đoản ca.

### **Hàng Ma (tên bắt đầu bằng các âm Ma, Mi, Mu, Me, Mo) trở đi (Ya, Ra, Wa):**

#### Mikata no Sami:

Mới kết hôn xong với người vợ trẻ thì lâm bệnh, không đến với nàng được, ký thác tâm sự vào thơ. Không rõ đương sự là ai. Có 5 đoản ca.

#### Yamato no Ôkisaki:

Hoàng hậu Yamato, vợ của Tenji. Không có con. Có 4 bài thơ điếu tang chồng. Để lại 1 trường ca và 3 đoản ca.

### **Yamanoue no Omi Okura:**

Yamanoue no Okura. Thông xưng là Okura. Có nhiều xác xuất là dân nhập cư. Từng được bổ nhiệm vào đoàn sứ thần sang nhà Đường. Thơ ông có màu sắc Phật giáo. Khi vợ Tabito chết, ông có thơ ai điếu. Ngoài ra, còn làm thơ tụng giá, thơ thất tịch, thơ thương nhớ con, thơ than cảnh già, thơ nói về cuộc đời cùng khổ của dân chúng, thơ trên chiếu tiệc. Được xem như nhà thơ có khuynh hướng xã hội sâu sắc thời Vạn Diệp. Có tập Ruiji Karin (Loại tự ca lâm) thuật lại cảnh tượng làm thơ trong cung đình. Có 11 trường ca, 65 đoản ca và 1 thiên đầu ca.

### **Yamabe no Sukune Akahito:**

Yamabe no Akahito. Thường được gọi suông là Akahito. Thi nhân cung đình nửa trước thời Shômu. Nhiều thơ tụng giá và thơ vịnh cảnh. Có phong cách đặc biệt và mới mẻ so với người đương thời. Trường ca cũng đặc sắc nhờ sử dụng nhiều đối cú. Thơ thanh tân, tinh tế và đoan chính, tạo được phong cách cho thời kỳ thứ ba của thơ Vạn Diệp. Có 13 trường ca và 37 đoản ca.

#### Yuuryaku Tennô:

Thiên hoàng Yuuryaku, một ông vua bán thần thoại. Được phỏng đoán là con trai Thiên

hoàng Ingyô (Duẩn Cung) và cha của Thiên hoàng Seinei (Thanh Ninh). Có thơ cầu hôn người con gái hái rau và thơ nghe nai kêu trên núi Ogura. Có 1 trường ca, một đoản ca.

#### Yuge no Miko

Hoàng tử Yuge. Con trai Tenmu và Công chúa Ôe và như vậy là anh em ruột của Hoàng tử Naga. Cuối đời, có thơ trao đổi với Quận chúa Nukata. Lại có thơ tỏ lòng ái mộ công chúa Ki (Ki no Himemiko) dù bà được xem như vợ của Hoàng thân Iwata. Sống cuộc đời bất ngộ. Có 8 đoản ca.

#### Yuhara no Ôkimi:

Tước vương Yuhara. Con trai Hoàng tử Shiki. Anh hay em của Thiên hoàng Kônin (Shirakabe). Nhà thơ Vạn Diệp thế hệ thứ ba. Chủ yếu làm thơ thù tạc trên chiếu tiệc cũng như thơ than thở hận tình với phụ nữ. Có 19 đoản ca.

#### Yosami no Otome:

Tiểu thư Yosami. Vợ của Hitomaro hoặc chỉ đơn thuần là một người đàn bà đất Yosami. Có thơ biệt ly với Hitomaro, đăng đăng sau bài thơ thăm hỏi ở Iwami nhưng không có gì làm chắc Yosami với người vợ của Hitomaro ở Iwami là một người. Có 3 đoản ca.

#### Yo no Myôgun:

Mang họ Yo nên có thể là dân Kudara (Bách Tế) nhập cư. Có lẽ là một shijin (tư nhân, người tùy tùng trong xã hội luật lệnh cuxng như chức xá nhân), liên hệ thân thiết với gia đình Ôtomo no Tabito vì có thơ tặng Yakamochi, con trai ông. Có 8 đoản ca.

## Niên biểu thơ Vạn Diệp:

Niên hiệu	Năm	Sự kiện
Nintoku		Bốn bài thơ của Hoàng hậu Iwahime
Yuuryaku		Thơ ngự chế của Thiên hoàng Yuuryaku
Suiko	613	Ba bài thơ của Thái tử Shôtoku ở Tatsutayama
Jômei	629	Thơ thiên hoàng về Kaguyama, ngợi ca đất nước
Kôtoku	645	Cuộc cải cách năm Taika
Saimei	658	Cải án Hoàng tử Arima. Thơ than thân của hoàng tử
	661	Viễn chinh Triều Tiên. Naka no ôe vịnh Đại Hòa tam sơn
Tenji	663	Quân Nhật thua liên quân Đường-Shiragi.
	667	Dời đô đến Ômi. Thơ quận chúa Nukata gửi núi Miwa.
	668	Thơ tình vườn thuốc giữa Nukata và Hoàng tử Ôama
	671	Thơ hoàng hậu Yamato khóc Thiên hoàng Tenji
Niên hiệu	Năm	Sự kiện
Tenmu	672	Loạn Nhâm Thân. Thiên đô về Asuka Kiyomihara
	678	Thơ Hoàng tử Takechi khóc chị là Tôchi no Himemiko
	679	Thơ Tenmu lúc lập minh ước với các con ở Yoshino
Jitô	686	Thơ Jitô khóc chồng là Thiên hoàng Tenmu Thơ Công chúa Ôku tiễn em, Hoàng tử Otsuu Thơ tuyệt mệnh của Otsuu lúc bị hành hình Thơ Công chúa Ôku về kinh đô và nhớ em Thơ Công chúa Ôku về nơi chôn em
	689	Thơ Hitomaru trong tang lễ Hoàng tử Kusakabe
	690	Thơ Hoàng tử Kawashima làm lúc tháp tùng ngự du
	651	Thơ Hitomaru khóc Hoàng tử Kawashima
	652	Thơ Hitomaru về chuyến ngự du Ise mà ông vắng mặt
	694	Thơ dân phu khi đi xây cung Fujiwara Thơ Hoàng tử Shiki sau khi dời đô về Fujiwara
	696	Thơ Hitomaro trong lễ tang Hoàng tử Takechi
Monmu	700	Thơ Hitomaro trong lễ tang Công chúa Asuka
	701	Thơ thái thượng hoàng Jitô lúc ngự du Kii no kuni
	706	Thơ ngự du ở cung Naniwa
Genmei	707	Thơ ngự chế và xưởng họa của Thiên hoàng Genmei
	710	Thơ làm ra nhân dịp thiên đô về Heijôkyô.
	712	Ô no Yasumaro dâng Kojiki đã hoàn thành
	713	Thiên hoàng giáng chiếu cho soạn các Fudoki
Genshō	715	Thơ Kasa no Kanamura khóc Hoàng tử Shiki
	720	Hoàng thân Toneri dâng Nihon shoki đã soạn xong
	723	Thơ trong chuyến ngự du ở ly cung Yoshino Thơ thất tịch (vịnh mưa ngâu) của Okura
Shōmu	724	Thơ Ôtomo no Tabito trong chuyến ngự du Yoshino Thơ Kanamura và Akahito theo ngự du Kii no kuni

	725	Thơ tháp tùng ngự du của Kanamura ở Yoshino
	726	Thơ theo ngự du ở Harima của Kanamura và Akahito Thơ Fujiwara no Umakai lúc sửa dinh thự ở Naniwa Yamanoue no Okura xuống Chikuzen làm quan trấn thủ
	727	Ôtomo no Tabito xuống phủ Dazai nhậm chức
	728	Tabito trả lời thơ phúng điếu vợ chết Thơ phúng tang của Yamanoue no Okura
	729	Thơ thương khóc lúc hoàng thân Nagaya bị xử tội Thơ lưu biệt, tặng đáp của Tabito Thơ thất tịch của Okura
	730	Thơ làm trong tiệc hoa mơ ở phủ đệ Dazai của Tabito Thơ bà Sakanoue (em Tabito) lúc hồi kinh Thơ du hành và cảm thương của nhóm Tabito Thơ bày tỏ nỗi lòng của Okura
	731	Thơ tặng đáp của sa di Mansei và Tabito Thơ vọng hương của Tabito Thơ khóc Tabito lúc ông mất
<b>Niên hiệu</b>	<b>Năm</b>	<b>Sự kiện</b>
Shōmu	732	Thơ vắn đáp của Okura cảm thán cảnh người nghèo Thơ Takahashi no Mushimaro tiễn Umakai đi sứ
	733	Thơ Kanamaru tặng sứ bộ sang nhà Đường Okura mất (?) Thơ tế thần của bà Sakanoue no Iratsume Thơ chúc thọ cha (Aki no Ōkimi) của Hoàng tử Ichihara Thơ mừng trăng non (mikazuki) của Sakanoue và Yakamochi
	734	Thiên hoàng ngự xem utagaki hát đối đáp Thơ ngự du vùng Naniwa
	735	Thơ Sakanoue khóc ni sư Rigen
	736	Sứ bộ sang Shiragi khởi hành Thơ tháp tùng ngự du vùng Yoshino của Akihito Thơ ứng chế lúc ban họ Tachibana cho Hoàng tử Kashiragi và thơ ứng chiếu của Naramaro. Thơ yến tiệc ở phủ Kasai Hironari
	737	Thơ làm trong yến tiệc ở các phủ đệ
	739	Thơ Isonokami no Otomaro lúc phải phối lưu ở Tosa Thơ khóc thiệp yêu của Ôtomo no Yakamochi Thơ Tamura no Ô-otome gửi chị Sakanoue no Ô-tome. Xướng họa nhân buổi giãng kinh ở phủ hoàng hậu
	740	Thơ Yakamochi tặng Sakanoue no Ô-otome
	741	Thơ tình của Yakamochi khi ở Kuni gửi bà Ôiratsume Thơ Yakamochi tặng bà Ki no Iratsume Thơ Yakamochi tặng bà Abe no Iratsume
	743	Thơ Yakamochi ca tụng kinh đô Kuni

		Thơ Yakamochi trên chiếu tiệc Hoàng tử Asaka
	744	Thơ giữa Hoàng tử Ichihara và Yakamochi Thơ Yakamochi phúng điếu Hoàng tử Asaka
	746	Thơ Moroe nhân ngự yến Thái thượng hoàng Genshō Yakamochi ra trấn thủ xứ Etchuu Thơ Sakanoue no Iratsume tặng Yakamochi Thơ trong yến tiệc ở phủ Yakamochi Thơ Yakamochi khóc em trai Thơ Yakamochi trao đổi với bạn là Ikenushi Thơ Yakamochi gửi cho bà Heguri no Iratsume
	747	Thơ u uất của Yakamochi lúc lâm bệnh nặng Bài phú của Yakamochi về núi Futakamiyama Bài phú đi chơi Fuse của Yakamochi Thơ xướng họa của Yakamochi với Ikenushi Bài phú núi Tateyama của Yakamochi, Ienushi họa lại Thơ Yakamochi nhớ con chim ung bỏ đi mất
	748	Thơ Yakamochi lúc đi tuần du các địa phương
<b>Niên hiệu</b>	<b>Năm</b>	<b>Sự kiện</b>
Kōken	751	Tiệc đầu năm ở phủ Yakamochi Thơ Hoàng hậu Kōmyō tặng sứ Fujiwara no Kiyokawa Thơ yến tiệc tiễn đưa sứ bộ sang nhà Đường Thơ Yakamochi lúc đổi qua làm chức Shōnagon Thi tập Kaifuso (Hoài phong tảo) hoàn thành
	752	Thơ ngự chế khi tặng thức ăn sứ bộ sang nhà Đường Thơ làm trên chiếu tiệc ở phủ Tachibana no Moroe Thơ ứng chiếu vào dịp lễ mừng lúa mới
	753	Fumiya Chinu lập “bia chân Phật” nhớ vợ đã chết
	754	Thơ làm ở tiệc trong phủ Ōtomo. Ōtomo no Yakamochi chuyển sang làm quan bộ Binh
	755	Thơ lính thú (Sakimori no uta) tất cả 93 bài, có cả thơ Takamochi làm ra và sưu tập Thơ trên chiếu tiệc nhà Yakamochi và Naramaro
	756	Thơ Yakamochi hiểu dụ người trong thân tộc Thơ Yakamochi trên giường bệnh nói về lễ vô thường Thơ mong mỗi sống lâu của Yakamochi
	757	Cái án mưu phản của Tachibana no Naramaro. Ngưng việc mộ lính thú từ miền Đông Thơ Yakamochi than cảnh đời đổi thay Thơ Yakamochi làm trong các buổi yến tiệc
Junnin	758	Thơ Yakamochi làm ở các buổi yến nhà quan Thơ Yakamochi nhớ về ly cung Takamado.
	759	Thơ Yakamochi trong buổi yến vua ban ở sảnh đường Inaba no kuni. Từ đó không thấy có thơ ông nữa.
Kanmu	785	Yakamochi mất

## PhuLuc:

### BỐI CẢNH LỊCH SỬ NHẬT BẢN THỜI MAN.YÔSHUU

#### Nhà nước luật lệnh thành hình và phát triển.

#### 1- Chính trị triều Suiko và văn hóa Asuka:

##### 1.1 Tiến dần về thể chế trung ương tập quyền:

Giai đoạn từ thế kỷ thứ 5 cho đến giữa thế kỷ thứ 6 là lúc chính quyền Yamato bước những bước dài về mặt chính trị. Từ khóa của thời kỳ này là chính sách “trung ương tập quyền”. Ta hãy thử xem sự tập quyền hóa vào trung ương đã xảy ra như thế nào vào thời điểm đó? Khái niệm trung ương tập quyền cần được giải thích rõ ràng để hiểu lịch sử Nhật Bản bởi vì ta sẽ gặp nó một lần khác nữa vào Thời kỳ Meiji.

Trước hết, có một tổ chức, cụ thể trong trường hợp này là tổ chức chính trị của triều đình Yamato. Ở trung tâm của chính quyền đó và nơi cao hơn cả, có một đại vương (thiên hoàng) đứng đầu và mọi quyền lực sẽ phải tập trung vào người đó. Cả một hệ thống quan liêu chủ yếu thuộc thành phần hào tộc sẽ được tổ chức thành cơ cấu nhất trí ở bên dưới và xoay chung quanh quyền lực trung ương này.

Cho đến lúc đó, chính trị ở vùng Đông Á, từ bán đảo Triều Tiên cho đến quần đảo Nhật Bản đều ở trong một tình trạng dao động kéo dài. Trên bán đảo Triều Tiên, ta đã biết thế lực Kôkuri (Cao Cú Li) đang từ miền bắc lan dần xuống phía nam (Bình Nhưỡng và Hán Thành đều thuộc vào lãnh thổ Kôkuri). Miền đông của bán đảo –tay mặt- là vị trí của quốc gia Shiragi (Tân La). Bên phía tay trái chúng ta tức miền tây bán đảo, đó là Kudara (Bách Tân hay Bách Tế). Ở giữa và nằm ở cực nam bán đảo là một tập hợp gọi là các nước Kaya. Như thế, trên bán đảo Triều Tiên lúc ấy đang ở trong một tình trạng chia cắt với tất cả 4 thế lực chính trị.

Vào giữa thế kỷ thứ 5, thế lực Kôkuri bám chắc rẽ và càng ngày càng trở nên mạnh mẽ, bức bách Kudara và Shiragi. Thế nhưng qua đến thế kỷ thứ 6 thì hai nước bị áp bức dần dần chính đốn thể chế hòng quật ngược lại Kôkuri và cùng lúc, tiến xuống vùng cực nam. Đến năm 562 thì hai nước Kudara và Shiragi đã chi phối được tập hợp các nước Kaya, giải đất mà Nihon Shoki mệnh danh là Mimana (Nhiệm Na).

Cho đến lúc đó Nhật Bản cũng đã từng nói rộng ảnh hưởng của mình đến phía nam bán đảo nhưng mắc phải sai lầm là đem cắt nhường 4 huyện trong đất Mimana cho Kudara và vì lý do ấy mà buộc lòng phải rút khỏi bán đảo Triều Tiên sau đó.

Liên quan đến việc mất 4 quận Mimana này, người ta cho rằng đó là trách nhiệm của Ôtomo no Kanamaru bởi vì đại thần này đã nhận của đút từ tay người Kudara. Có lẽ đó là đầu mối cho sự mất hết thế lực trên chốn quan trường của ông ta.

Sau đó, ở Nhật bắt đầu thời cai trị của Thiên Hoàng Keitai (Kể Thê). Vào thời chính quyền Yamato, khoảng đầu thế kỷ thứ 6, chức Yakko của vùng Chikushi no Kuni (đảo Kyushuu) là Iwai đã cấu kết với những thế lực trên bán đảo Triều Tiên để mưu toan phản loạn. Mặt khác, chính quyền Yamato cũng đã thiết lập các vùng cai quản trực tiếp gọi là miyake (đồn thương) và củng cố việc phối trí các nông nô trực tiếp chịu lệnh của mình (những nashiro no be) ra khắp nơi gây ra những cuộc xung đột mãnh liệt giữa những tay hào tộc địa phương với nhau.

Như đã nói, họ Ôtomo từ sau hành động thất sách của Ôtomo no Kanamura trên bán đảo Triều Tiên đã mất thế đứng. Dưới thời Thiên hoàng Kinmei (Khâm Minh), thì họ Otomo bị họ Mononobe thay thế trong chức vụ Ômuraji vốn có thế lực to lớn trong hệ thống chính quyền Yamato. Họ Mononobe lại phải đương đầu với một thế lực mới lúc đó đang lên rất mạnh: đó là họ Soga vậy.

Họ Soga từ lâu đã biết liên kết với người nhập cư (độ lai nhân = toraijin). Hơn nữa, dòng họ này đảm nhiệm việc trông coi kho báu của hoàng gia. Ba kho ấy một là Imikura (trai tàng) gồm các món đồ quý, hai là Uchitsukuru (Nội tàng) gồm tài vật của hoàng thất, và ba là Ôkura, (Đại tàng), tài sản của chính phủ. , Ngoài việc trông coi Tam tàng (Mítu no kura), họ còn dính líu cả đến việc kinh doanh các miyake.

Nhận lãnh phần việc về tài vụ, họ Soga phải là những người có tài năng , tầm cỡ tương xứng. Ngoài ra, phải kể đến họ Mononobe là những người phụ trách quân sự cho triều đình Yamato.

Hai gia đình quý tộc nói trên đã đối chọi với nhau chung quanh một vấn đề tưởng chừng khá đơn giản. Nó xoay chung quanh cuộc tranh luận về sự tiếp nhận Phật giáo hay không. Họ Soga, qua người trưởng tộc Soga no Iname, muốn đón tiếp Phật giáo. Trong khi đó họ Mononobe –với Mononobe no Okoshi – thì lại phản đối. Phái này cho rằng nếu thờ một ông thần đến từ nước ngoài như thế thì các vị thần sở tại sẽ nổi giận và gieo tai ách cho cả nước.

Tại sao họ Soga lại đề nghị tiếp thu đạo Phật? Người ta cho rằng chung quanh căn cứ Asuka nơi họ Soga sống, vốn có rất nhiều cứ điểm sinh hoạt của người nhập cư. Nhân sự giao lưu giữa cánh nhà Soga và các nhóm người nhập cư vốn rất gần gũi thân mật nên họ ủng hộ lập trường của người nhập cư. Mặt khác, tinh thần của tập đoàn Soga phóng khoáng hơn, nhìn xa thấy rộng hơn, hiểu kỳ trước những điều mới mẻ chứ không bảo thủ, co cụm như cánh Mononobe.

Diễn tiến của cuộc tranh phong giữa hai nhóm hào tộc này hãy còn được nhắc tới trong những trang sau nhưng kết luận cho thấy ngay là họ Soga đã chiến thắng. Tộc Soga trở thành hào tộc đầu bảng và một người trong Hoàng tộc có mang dòng máu của họ, Shotoku Taishi (Thái tử Thánh Đức) sẽ dẫn đầu nền chính trị của triều đình Nữ thiên hoàng Suiko (Thôi Cổ).

## **1.2 Văn hóa và chính trị chịu ảnh hưởng Phật giáo:**

Vào thế kỷ thứ 6, đại lục Trung Quốc được thống nhất trở lại vào năm 589 sau 400 năm

chia cắt, nhờ vào công sức của nhà Tùy (kiến quốc năm 581). Cũng trong khoảng thời gian đó, vị nữ hoàng đế của Nhật Bản đã ra đời. Đó là nữ thiên hoàng Suiko. Thời bà trị vì, giao lưu chính trị giữa Nhật và nhà Tùy rất khởi sắc, nhất là kể từ năm 607, khi Nhật Bản gửi chính sứ Ono no Imoko (Tiểu Dã, Muội Tử) làm chuyến kenzuishi (khiển Tùy sứ).

Lúc đó, bên trong chính quyền Yamato, họ Soga âm thầm chuẩn bị cho cuộc tranh đoạt quyền hành. Thế rồi, cao điểm của âm mưu này là việc loại trừ thành công sự đối lập của Mononobe Moriya (Thủ Ốc) bởi bàn tay của Soga no Umako (Mã Tử) vào năm 587.

Như đã nói, hai họ Soga và Mononobe vốn tranh cãi với nhau về việc có tiếp thu Phật giáo từ nước ngoài vào hay không? Từ lâu, họ Soga đã lập được mối quan hệ mật thiết với nhóm người nhập cư, tín đồ của tôn giáo này. Sau khi đã loại trừ được thế lực chống đối là Mononobe, cánh Soga cùng với Thái tử Shotoku đã bắt đầu xây đắp trên mảnh đất Asuka (Phi Điền) một nền văn hóa Phật giáo đầu tiên của Nhật Bản. Đó là sự khai hoa của văn hóa Asuka.

Do đó, ngôi chùa được xem như biểu tượng cho thời kỳ này có tên là chùa Asuka (Phi Điền Tự), còn có tên khác nữa là Hôkôji (Pháp Hưng Tự). Ngôi chùa này được xây lên sau khi có sự phát nguyện (theo đạo) của nhà Soga. Ngoài ra còn có chùa Shitennoji (Tứ Thiên Vương Tự) và chùa Ikarugadera (Ban Câu Tự, cũng có tên khác là Hôryuuji (Pháp Long Tự), xây thêm sau khi Thái tử Shôtoku phát nguyện. Nó bắt đầu cho một trào lưu bởi vì từ đó về sau, lớp hào tộc sẽ đua nhau xây cất chùa riêng cho dòng họ mình (tục gọi là ujidera hay chùa họ).

Nhân nói về Hôryuuji thì theo lời ghi chép trong cuốn cổ sử Nihon Shoki, đã bị thần hỏa thiêu rụi vào khoảng năm 670. Từ thời Meiji trở đi, một cuộc bàn cãi kịch liệt đã mở màn giữa các sử gia và các nhà kiến trúc xem Hôryuuji cũ vẫn còn y nguyên hay chỉ được xây lại sau này. Mãi đến năm 1939, người ta mới tìm được trong khu vực gọi là Saien dấu tích một già lam (samghârâma) gọi là dấu tích già lam Wakakusa (Wakakusagaran.ato), nơi các tăng lữ cư trú. Cuộc điều tra cho thấy thực sự đã có một trận hỏa tai rất lớn xảy ra vào hậu bán thế kỷ thứ 7 và những tòa kim đường (kondô) hay tháp năm tầng (gojuutô) hiện hữu là những gì đã được xây lại sau đó.

Thế nhưng cách phối trí các già lam (gồm kim đường, tháp, giảng đường, trung môn, bộ lang, nam đại môn) dưới thời văn hóa Hyakuhô cũng có khác thời Nara đến sau.. Điều đáng chú ý hơn cả là ở chùa Asuka (văn hóa Hyakuhô) người ta xem tháp chứa xá lợi ( di cốt của Phật Thích Ca) như là trung tâm của tập thể kiến trúc bao quanh bằng 3 kim đường trong khi ở (chùa) Tôdaiji hay Daianji thì nơi hành lễ tức kim đường mới được xem như là trung tâm và tháp lại bị đặt ra ngoài khuôn viên chính. Trung tâm dĩ nhiên là nơi quan trọng nhất, như vậy ta biết mỗi thời, nhà chùa xem cái gì là quan trọng nhất đối với họ.

Tượng Phật đặt trong chùa thường là tác phẩm điêu khắc của nghệ nhân. Họ là những “Phật sư” (busshi) như Kuratsukurinotori (còn gọi là Tori-busshi). Ông ta rất nổi tiếng và tác phẩm Shaka Sanzonzoô (Thích Ca tam tôn tượng) đặt ở kim đường chùa



Hôryuuji với cách diễn tả trên khuôn mặt có nhiều điểm tương đồng với các tượng Phật tạc theo phong cách thời Bắc Ngụy, được xem như là kiệt tác. Trong khi ấy, tượng gỗ Hanka shuizô ngồi trầm tư (Bán già tư duy tượng) ở các chùa Chuuguuji (Trung Cung Tự) và Kô ryuuji (Quảng Long Tự) và Kudara Kannonzô (Bách Tế Quan Âm tượng) thì tròn trịa mềm mại hơn, theo một cung cách khác hẳn với Bắc Ngụy. Về mặt hội họa hay mỹ nghệ thì còn phải nói đến một đặc sắc của mỹ nghệ thời ấy: cái khám thờ (zushi) có tên là tamamushi no zushi, chuyên môn chứa đựng các tượng Phật cỡ nhỏ, đặt ở Hôryuuji. Từ mái che cho đến điện thờ nơi tượng Phật ngự tất cả chỉ có 230 cm.

Sau khi Soga đã dẹp được Mononobe rồi, vào năm 592, họ còn cả gan tổ chức thành công việc đâm chết Thiên hoàng Sujun (Sùng Tuấn, tại vị 587-592) ở Yamato no Aya no ataikoma, một người có thái độ phản đối việc làm của họ. Nhân đó Nữ thiên hoàng Suiko mới được dịp tức vị. Thành ra vị nữ hoàng kế đầu tiên của Nhật là người được thủ lĩnh họ Soga, Soga Umako, đưa lên. Giúp Suiko trị nước là người cháu gọi bằng cô của bà, Shôtoku Taishi (Thánh Đức thái tử), một hoàng thân có dòng máu Soga. Ông vừa có khả năng lên ngôi vua (vì là hoàng thái tử), vừa đóng vai phát ngôn viên của cô mình vừa giữ nhiệm vụ nhiếp chính. Cả 3 người nói trên đều mang chung tên bắt đầu bằng chữ S (Suiko, Soga, Shôtoku). Họ biết hiệp lực để gây dựng một trục 3 S hùng mạnh để ủng hộ thể chế trung ương tập quyền.

### 1.3 Chính trị nội bộ thời Thiên hoàng Suiko:

Xin bàn tiếp nơi đây về nội chính Nhật Bản dưới thời Nữ thiên hoàng Suiko, đặc biệt là quan chế đầu tiên được lập ra trên đất nước này vào năm 603. Hệ thống quan lại đó mang tên Kan.i juunikai (Chế độ quan lại mười hai cấp bậc).

Trong chế độ này quan lại trước tiên được chia theo 6 bậc dựa vào 6 đức tính: đức, nhân, lễ, tín, nghĩa, trí trong phạm trù luân lý Trung Quốc, sau đó 6 bậc này lại chia thành hai loại đại và tiểu để có tất cả 12 trật. Cùng lúc, mũ của các quan chia theo 6 sắc là tím, xanh, đỏ, vàng, trắng và đen. Tùy theo công trạng và tài đức cá nhân, các quan được cử vào những chức vụ ấy. Điều này ngược lại khuynh hướng trước đây là phong chức theo tập ấm, thế tập (chế độ thị tước). Từ đây, vì chỉ dựa vào năng lực cá nhân để tuyển dụng nên điều đó đã kích thích họ cho nên năng lực cá nhân cũng được phát triển mạnh mẽ. Chính sách dùng người theo năng lực đã mở ra được cánh cửa mà chế độ thế tập đã khép lại cho đến lúc đó.

Quan trọng thứ hai sau quan chế là bản Hiến pháp 17 điều (Kempô Juushichijô) ra đời vào năm 604. Nó là một loạt những chỉ thị để người được cử ra làm việc nước phải ghi nhớ trong lòng. Gọi là “hiến pháp” nhưng đối với người ngày nay nó chỉ là bộ luật qui tắc đạo đức luân lý mà tầng lớp công chức phải làm điểm tựa nơi theo khi làm việc đó thôi. Nó không thể xem như các bản hiến pháp mà chúng ta nói đến bây giờ.

Đến đây, chúng ta hãy từ trong các sử liệu xem hiến pháp (loạt chỉ thị) này có những điều gì người công chức ngày xưa cần phải ghi nhớ:

Trước hết, như trong điều 1 đã ghi: “Dĩ hòa vi quý” (Wa wo motte tattoshi to nashi), mọi người phải ăn ở với nhau một cách hòa thuận, không ai nghịch lại ai cả. Ngoài chữ Hòa,

còn phải giữ được Lễ và Tín Nghĩa nữa. Trong 17 điều của hiến pháp, ta thấy đòi hỏi tôn trọng đạo đức được xem như một việc ưu tiên.

Điều thứ 2 là “đốc kính tam bảo” (Atsuku sanpô wo uyamae). Điều này có nghĩa phải tưởng lệ Phật giáo. Tam bảo là Phật, pháp và tăng vậy. Ngoài ra, phải vâng phục chiếu chỉ của Thiên Hoàng cũng như không được phép lợc đoạt tài sản của nhân dân.

Việc tưởng lệ Phật giáo ở Nhật khá dễ hiểu vì Nhật là một quốc gia đã từng ra chiếu chỉ “hung long Phật pháp” vào năm 594. Trên thực tế, Shôtoku Taishi còn viết sách chú thích 3 kinh quan trọng như Hokekyô (kinh Pháp Hoa), Yuimakyô (kinh Duy Ma), Shômankyô (kinh Thắng Mạn) trong bộ sách có nhan đề là Tam Kinh Nghĩa Sớ (Sangyogisho). Điều ấy cũng chứng tỏ vào thời gian này, việc nghiên cứu đạo Phật ở Nhật rất phổ biến.

Ta cần phải nhắc đến việc Thái tử Shôtoku và đại thần Soga Umako đã ra chỉ thị soạn cho những cuốn sử như Tennoki (Thiên hoàng kỷ) và Kokki (Quốc ký). Điều đó cho thấy đã có một ý thức về quốc gia thành hình trong quá trình xây dựng một đất nước mà trung tâm là thiên hoàng và ước vọng muốn lưu truyền ý thức đó lại cho hậu thế.

Sở dĩ người Nhật có thể làm công việc ghi chép những sự kiện đã xảy ra trong dòng thời gian theo năm tháng là vì từ năm 602 đã có nhà sư người Kudara (Bách Tế) tên Kanroku (Quán Lạc) đã đem sách nói về thiên văn, lịch pháp và địa lý truyền vào, cũng như đã có tăng người Kokuri (Cao Cú Li) tên Danchô (Đàm Trung) du nhập giấy mực. Ngày nay chúng ta coi những chuyện ghi chép các sự kiện và biên soạn sách sử thế như một điều dễ dàng và hiển nhiên nhưng đối với người xưa, đó là một sự việc có tầm quan trọng lớn lao và không thể nào bỏ qua cho được.

#### **1.4 Gửi sứ giả sang nhà Tùy:**

Chúng ta đã bàn đến văn hóa (văn hóa Asuka) và chính trị đối nội của Nhật Bản, cũng thấy rằng trong hai lãnh vực nói trên, ảnh hưởng của đại lục thật lớn lao. Bây giờ hãy trở lại để kết thúc câu chuyện Nhật Bản đã gửi sứ giả sang nhà Tùy như thế nào.

Ta đã biết thế kỷ thứ 6 là thời điểm Nhật Bản có những biến chuyển đáng lưu ý về mặt đối ngoại. Chính sách đối ngoại ấy, vì những thất sách của đại thần Ôtomo no Kanemura mà Nhật đã mất đi ảnh hưởng ở vùng nam Triều Tiên (trên các tiểu quốc Kaya) mà họ đã giữ được cho đến năm 562 và bắt buộc phải triệt thoái khỏi bán đảo.

Đến khi triều đại Suiko bắt đầu, chính sách đối ngoại của Nhật Bản đã có một sự thay đổi rõ rệt. Chủ trương lớn của nhà nước là quốc giao với Tùy. Mục đích không gì khác hơn là hấp thu văn hóa xán lạn của Trung Quốc hòng tăng thêm uy thế cho triều đình của mình.

Do đó, Nhật Bản phái sứ giả Ono no Imoko sang bên đó và sự kiện này được ghi trong sử Nhật Bản là kenzuishi (khiển Tùy sứ). Thế nhưng nội dung cái quốc thư mà Ono no Imoko trình lên hoàng đế nhà Tùy đã tạo nên một sự cố ngoại giao.

Sách Tỳ Thư phần Nụy Nhân Truyện có chép về lời chào hỏi mào đầu trong quốc thư đó như sau: “Thiên tử nước mặt trời mọc gửi cho thiên tử nước mặt trời lặn để thăm hỏi ngài có mạnh khỏe không?”. Chỗ mặt trời mọc (nhật xuất xứ) dĩ nhiên dùng để chỉ Nhật Bản và thiên tử có nghĩa là thiên hoàng. Trong khi đó, nước mặt trời lặn (nhật một xứ) ám chỉ nhà Tỳ và thiên tử của họ không ai khác hơn là Dạng Đế.

Đọc thư xong, Dạng Đế nổi giận phán “Bọn man di thật vô lễ!”. Dĩ nhiên là như thế bởi vì trong quan hệ quốc tế với các nước ở Á Châu, Trung Quốc lúc nào cũng coi mình là thượng đỉnh, là trung tâm. Nhật Bản qua lá thư đó, muốn tạo cho mình một quan hệ bình đẳng thì việc hoàng đế Trung Quốc có giận dữ cũng là chuyện dễ hiểu.

Thế nhưng Tỳ Dạng Đế không phải là ông vua tâm thường. Tuy khó chịu về lời lẽ trong quốc thư, chỉ một năm sau khi Ono no Imoko về nước, ông đã gửi viên sứ thần Bùi Thế Thanh sang đáp lễ. Lại nữa khi Ono no Imoko đến Tỳ lần thứ hai, ông đã cho phép Takamuko no Genri (còn đọc là Kuromaro), Minabuchi no Shōan và tăng Min được giao lưu với người nước. Cuộc gửi sứ sang nhà Tỳ về sau vẫn còn được tiếp diễn cho đến lúc Tỳ bị diệt vong. Những điều các du học sinh Nhật Bản thu lượm lúc đó tại Trung Quốc sẽ là những tư tưởng chỉ nam cho cuộc cải cách xảy ra vào năm Taika (Taika no kaishin, 645).

## **2- Chế độ trung ương tập quyền thành hình. Cải cách năm Taika.**

### **2.1 Công cuộc phát triển của nhà Đường:**

Năm 618, khi nhà Tỳ đã bị diệt vong sau hai đời vua và khoảng non 40 năm chấp chính, nhà Đường lên thay là một triều đại mới mẻ, thống nhất được toàn quốc. Nhà Đường qui định luật lệ, hoàn thành một thể chế trung ương tập quyền chặt chẽ có tính pháp trị. Nhờ đó, thời gian trong niên hiệu Trinh Quán, xã hội thịnh trị và sức mạnh của quốc gia đạt đến chỗ sung mãn.

Sự phát triển của nhà Đường là liều thuốc kích thích mạnh mẽ đến các quốc gia trên bán đảo Triều Tiên. Ba nước Kôkuri, Kudara và Shiragi đều trở thành sân khấu của nhiều cuộc chính biến. Cả ba đều rắp tâm tập trung quyền lực vào trung ương và tranh giành ảnh hưởng với nhau, mong trở nên chủ nhân duy nhất của vùng đất này.

Giữa lúc đó, vào năm 645, Đường xua quân qua đánh Kôkuri vì họ không chịu phục tùng mình, gây căng thẳng cho khắp vùng Đông Á. Thành ra lúc ấy, ở nước Nhật cũng có nhiều biến đổi về mặt chính trị mà biến chuyển to lớn nhất chính là cuộc cải cách năm Taika.

### **2.2 Vụ đảo chánh đưa đến cuộc cải cách năm Taika:**

Sau khi Thái tử Shōtoku và đại thần Soga Umako chết rồi, con của Umako là Emishi lên cầm quyền ở Nhật. Đến đời Thiên hoàng Kōgyoku (Hoàng Cực), Emishi và con là Iruka cùng nhau nắm giữ trọn quyền lực trong triều. Họ tha hồ lộng hành theo ý muốn. Để quyền lực đó mãi mãi nằm trong tay mình một cách không suy suyển, hai cha con đã cho người tấn công một kẻ có hy vọng nối ngôi là hoàng tử Yamashiro no Ōe, con trai

của chính Thái tử Shôtoku, buộc hoàng tử phải tự sát. (Trong cách hiểu của người Nhật dưới chế độ luật lệnh thì hoàng tử nào mang tên Ôe (đại huynh) là kẻ có khả năng được nối ngôi).

Lý do hai cha con Soga Emishi và Iruka mưu trừ Hoàng tử Yamashiro no Ôe là bởi vì ông là một trong hai người có nhiều xác suất lên làm vua. Người thứ hai có thể dính vào cuộc tranh chấp địa vị đó không ai khác hơn là Hoàng tử Furuhiro no Ôe, vốn có dòng máu của họ Soga vì là con sinh ra giữa Thiên hoàng Jomei và một công nương con gái của Soga Umako. Trước đó, họ Soga đã kết tội mưu phản cho hoàng tử Yamashiro no Ôe, đui ông ra khỏi triều đình để cho người có liên hệ huyết thống gần gũi là Furuhiro có thể tức vị.

Với tình trạng chính trị ở quốc nội như thế, các du học sinh và du học tăng từ bên nhà Đường đã đưa về rất nhiều thông tin. Một thế lực phản-Soga đã được thành hình qui tụ cả những người mang kiến thức mới mẽ từ ngoại quốc về nước ấy. Thế lực này mưu đồ một cuộc đảo chánh lật đổ họ Soga và sau đó đã đi đến hành động. Người đóng vai trò trung tâm của nhóm chống đối họ Soga chẳng ai khác hơn là Nakatomi no Kamatari.

Cho đến lúc ấy, trong triều đình, vai trò của dòng họ Nakatomi hãy còn kém thua họ Soga những một bậc. Họ chỉ là những muraji giữ chức năng tế lễ cho nhà nước. Nhờ đảo chánh thành công mà một trăm năm sau, những người này đã kết hợp thành đại gia tộc Fujiwara đầy thế lực, nắm toàn quyền chỉ đạo vũ đài chính trị Nhật Bản.

Kamatari lắng nghe những điều các người đã xuất ngoại trở về thuật lại và cảm thấy cần thiết phải thành lập một chế độ chính trị pháp trị chủ nghĩa với thiên hoàng là trung tâm trong một quốc gia theo thể chế trung ương tập quyền. Năm 645, sau khi bàn luận cùng với người vốn chia sẻ quan điểm với mình là Hoàng tử Naka no Ôe, cả hai thực hiện cuộc đảo chánh lật đổ và tiêu diệt cha con Soga Emishi và Iruka. Cần nhắc thêm rằng Hoàng tử Naka no Ôe là em cùng cha khác mẹ với Hoàng tử Furuhiro no Ôe, người mang dòng máu Soga. Furuhiro đối với Naka thì như thấy được qua cái tên, Furuhiro đứng vào hàng anh.

Hôm đảo chánh, Nakatomi no Kamatari vội báo cáo rằng sẽ tổ chức nghi thức triều cống cho sứ giả 3 nước Triều Tiên đến yết kiến Thiên Hoàng ở Thái Cực Điện và mời Iruka tham dự. Ở đó, cánh đảo chánh trước hết ám sát Iruka. Theo sách sử, chính Hoàng tử Naka đã chủ động cầm thương đâm chết ông này khi thấy các kẻ cộng mưu với mình quá khiếp sợ không dám ra tay. Nghe được tin con chết, Emishi thấy mình có sống cũng bằng thừa nên ngày hôm sau đã cho phóng hỏa phủ đệ và tự sát.

Cuộc đảo chánh là một điểm chuyển hướng quan trọng trong lịch sử Nhật Bản vì nó sẽ được tiếp nối bằng những cuộc cải cách chính trị lớn.

### **2.3 Những tiến triển của cuộc cải cách chính trị:**

Hai hôm sau khi đảo chánh thành công, người em trai của nữ Thiên hoàng Kôgyoku (Hoàng Cực) là Thiên hoàng Kôtoku (Hiếu Đức) lên kế vị bà vì và lâm vào cảnh khó xử trước biến cố vừa xảy ra nếu tiếp tục giữ chính quyền. Chắc là hãy còn quá sớm để đưa

Hoàng tử Naka no Ōe lên ngôi vì ông vừa mới nhúng tay vào máu, không thể tránh khỏi tiếng đời dị nghị. Dù sao Naka cũng được tấn phong Hoàng thái tử và nắm vai trò lãnh đạo nhà nước.

Chính phủ mới của Naka trước tiên họp tất cả quân thần dưới một cây tsuki (zelkova)<sup>2</sup> ở chùa Asuka (Asukadera), bắt họ phải thề trung thành tuyệt đối với người lãnh đạo. Các chức daijin (đại thần) và ômuraji (đại liên) trong chế độ trước bị bãi bỏ, thay vào đó bằng sadaijin (tả đại thần) và udaijin (hữu đại thần), hai chức quan đứng đầu triều. Các người có thế lực trong nhóm hào tộc trung ương muốn tham dự vào chính quyền mới được bổ nhiệm vào chức này. Lúc đầu, người được chọn làm sadaijin là Abe no Uchimaro và udaijin là Soga no Kurayama no Ishikawamaro. Người thứ hai tuy con cháu nhà Soga nhưng là địch thủ của cánh Emishi và Iruka. Thực vậy, Soga no Ishikawamaro cũng gọi Soga no Umako bằng ông nội và vai anh em họ với Iruka. Vì một số mâu thuẫn, ông tách ra khỏi dòng chính của Soga và thành lập một chi nhánh riêng, hiệp lực đặc lực với Hoàng tử Naka trong cuộc đảo chính. Một người con gái ông cũng là vợ của Naka<sup>3</sup>. Nhờ mối quan hệ này mà ông trở thành một người duy nhất thuộc họ Soga có tên trong danh sách chính phủ mới.

Nakatomi no Kamatari được cử vào chức uchitsuomi (nội thần) đóng vai phụ tá cho thiên hoàng, còn hai người du học sinh từ bên nhà Đường trở về, nhà sư Min và Takamuko no Genji thì được phong kuni no hakase (quốc bác sĩ). Hai ông trở thành “bộ não” cố vấn cho chính quyền trong việc soạn thảo chính sách. Các yếu nhân cần thiết để làm cuộc cải cách chính trị như vậy đã tụ họp được đông đủ.

Cũng vào năm đó, Nhật Bản bắt đầu đặt niên hiệu là Taika (Đại Hóa, 645-650) theo cách thức Trung Quốc, thiên đô về Naniwa (Ōsaka bây giờ) và như thế, cắt đứt mối liên lạc với vùng đất Asuka, kinh đô cũ từ nhiều đời.

Tháng giêng năm Taika thứ 2 (646), tờ chiếu mang tên Kaishin no Mikotonori (Chiếu chỉ đổi mới) gồm 4 điều được công bố. Đây là một văn kiện nổi tiếng và có tầm quan trọng rất lớn về mặt sử liệu. Nội dung viết như sau:

Điều 1: Bãi bỏ chế độ chia tư hữu dân (nông nô) và tư hữu địa (nông địa) của hoàng tộc và hào tộc. Nếu trước đây, hoàng tộc làm chủ các tầng lớp dân chúng gọi là nashiro và koshiro, các kho đụn gọi là miyake; hào tộc làm chủ các tầng lớp dân chúng gọi là kakibe và các điền trang gọi là tadokoro, thì bây giờ tất cả chỉ còn là những vật sở hữu của nhà nước theo chế độ gọi là kôchi (công địa) và kômin (công dân). Thay vào đó, hào tộc cấp cao sẽ được cấp thực phong (jifikufu hay hehito tức một khoản lương tính theo số nóc gia) và các hào tộc cấp dưới sẽ được cấp fuhaku (bố bạch = vải lụa).

Điều 2: Qui hoạch lại các khu vực hành chính để thực thi trung ương tập quyền.

Điều 3: Lập sổ bộ hộ tịch và kế toán, tổ chức việc thu hồi và phân phát ruộng ban (hanten)<sup>4</sup>.

<sup>2</sup> Một loại cây cao đến 20m, tán rộng cỡ 3m, mọc trong núi, thuộc họ sồi, còn gọi là keyaki.

<sup>3</sup> Có tác giả cho rằng đây là một kế của Nakatomi no Kamatari để bảo đảm quan hệ đồng minh giữa hai người (xem Lịch sử biên của người Nhật)

<sup>4</sup> Ban điền (hanten) hay ruộng khẩu phần (khẩu phần điền = kubunden) là ruộng được đem chia cho

#### Điều 4: Áp dụng một chế độ tô thuế thống nhất.

Bốn điều nói trên phản ánh việc thực thi chế độ trung ương tập quyền vào nhà nước.

Tuy vậy, cần nhắc đến ở đây về một nghi vấn quan trọng: Sự hiện hữu của tờ chiếu nói đến việc đổi mới kia tuy về sau được khẳng định trong Nihon shoki nhưng không nhất thiết là vào thời đó, phép ban điền (handen) đã thực sự được áp dụng. Lại nữa, tuy việc qui hoạch khu vực hành chính và các chức tước như kokushi, gunshi cũng thấy trong sử sách nhưng “gun” (quận) lúc đó không được viết bằng chữ Hán “quận” mà lại được viết là “bình” (bộ ngôn+bình), đọc là Hyô hay Kôri<sup>5</sup> nếu ta dựa vào những chứng cứ hiện vật như thẻ gỗ đào lên được từ di tích cung Fujiwara.

Dù thế nào đi nữa, sau đó chính phủ cũng đã bãi bỏ chế độ shinabe (còn đọc là tomobe) vốn có tính cách thế tập và xúc tiến việc cải cách bằng cách lập ra một chế độ quan vị với chức danh. Việc tập quyền vào trung ương này đã được thực thi dưới thời Thiên Hoàng Kôtoke bằng một loạt sắc lệnh. Như thế, cải cách không thông qua bằng những cuộc binh biến nữa mà là một loạt cải cách được gọi với cái tên chung là Taika no kaishin (Đại Hóa cải tân). Dần dần đến cuối thế kỷ thứ 7 thì ở Nhật, thể chế trung ương tập quyền mô phỏng theo khuôn mẫu của nhà Đường đã hình thành.

Từ khi thời Taika bắt đầu cho đến 5 năm sau đó (Taika 5, 649), cuộc cải cách Taika đã tiến những bước dài. Sở dĩ được như vậy là vì những người như Soga no Kurayama no Ishikawamaro, dù có công trong vụ đảo chính diệt họ Soga và từng nắm chức Hữu đại thần nhưng ở trong nội bộ mà hay phê phán chính quyền nên bị thanh trừng thẳng tay.

Đến khi đổi niên hiệu thành Hakuchi (650, Bạch Trĩ nguyên niên) khí thế của cuộc cải cách bỗng bị nhạt đi. Trong những năm cuối cùng đời trị vì của Thiên Hoàng Kôtoke, Hoàng tử Naka no Ôe cũng như vây cánh của ông là mẹ và anh chị em<sup>6</sup> dẫn dắt quân thần bỏ kinh đô Naniwa mà sang ở vùng Asuka. Có thể hiểu là giữa ông và cậu mình, Thiên Hoàng đương nhiệm Kôtoke, có một mối bất hòa sâu sắc.

Lúc đó, trên bán đảo Triều Tiên, Tân La (Shiragi) mưu đồ thống nhất bán đảo. Năm 660, Tân La liên quân với nhà Đường, tiêu diệt Bách Tế (Kudara, đồng minh truyền thống của Nhật Bản). Hào tộc Bách Tế chinh đốn hàng ngũ để chống cự lại. Bọn họ gửi di thần Kishitsu Fukushin làm sứ giả sang Nhật cầu cứu và đón hoàng tử Hôshô (Phong Chương) đang lưu vong bên đó về lãnh đạo. Người phải giải quyết vấn đề ngoại giao trọng yếu này là Nữ Thiên Hoàng Saimei, vừa mới lên ngôi thêm một lần nữa. Trước đó bà là Nữ Thiên Hoàng Kôgyoku, đã nhường ngôi cho em (Kôtoke) để tránh tiếng trong vụ sát hại nhà Soga của con mình (Naka no Ôe).

---

người dân các hộ tùy theo số miệng ăn và số người lao động để họ canh tác để sinh sống và nộp thuế cho nhà nước.

<sup>5</sup> Thành phố Kôriyama nằm trong tỉnh Fukushima ngày nay có tên Hán là Quận Sơn.

<sup>6</sup> Mẹ ông là Nữ Thiên Hoàng Kôgyoku, trùng tộ (lên ngôi thêm lần nữa) để thành Nữ Thiên Hoàng Saimei sau cái chết của Thiên Hoàng Kôtoke. Còn Naka no Ôe sẽ trở thành Thiên Hoàng Tenji khi mẹ mất.

Nữ Thiên Hoàng Saimei chấp thuận lời yêu cầu của Bách Tế, năm 661, tự mình dẫn quân đi tiếp ứng. Đoàn chiến thuyền trước tiên ghé lại cung Asakura trên đảo Kyuushuu. Thế nhưng Nữ Thiên Hoàng vì mang bệnh nên băng ở đây. Suốt từ đó về sau trong bảy năm trời, Hoàng tử Naka no Ôe tuy xưng chế<sup>7</sup> chứ chưa tức vị vội nhưng trên thực tế là người điều khiển guồng máy chính trị.

Thế rồi, quân đội Nhật gồm khoảng 27.000 người dưới sự chỉ huy của Abe no Hirafu đã đổ bộ lên bán đảo Triều Tiên và giao tranh với liên quân Đường – Tân La. Trong trận đánh nổi tiếng năm 663 ở cửa sông Hakusonkô (Bạch Thôn Giang, Nhật gọi là Hakusuki no E). Abe no Hirafu, thực là là một tên tuổi lớn vì đã từng được cử đi dẹp giặc Emishi (Hà Di) trên miền Bắc.

Kết quả là quân Nhật bị liên quân Đường-Tân La đánh thua liểng xiểng đến nỗi họ phải rút binh về nước. Từ đó, Nhật Bản hoàn toàn triệt thoái khỏi bán đảo, không lo việc cai trị bên Triều Tiên nữa mà phải co cụm lại để giải quyết vấn đề quốc nội. Còn như Tân La thì sau khi liên kết với Đường, cũng đã đánh bại láng giềng của mình là Kokuryô (Cao Cú Lệ). Năm 676, họ thành công trong việc đẩy được quân nhà Đường về nước và thực hiện công cuộc thống nhất bán đảo.

Việc xuất quân sang Triều Tiên là một thất bại ngoại giao nhưng nói cho cùng, không phải là hoàn toàn không đem đến những hậu quả tốt đẹp.

Sau trận bại chiến ở Hakusonkô, Nhật Bản đã có dịp đón nhận vào nước mình nhiều nhân tài lưu vong trong đám vương hầu, quý tộc có văn hóa Trung Quốc xuất thân từ Bách Tế. Nhờ đó mà kể từ triều Thiên Hoàng Tenji (Hoàng tử Naka no Ôe) trở đi, việc sáng tác thi ca bằng chữ Hán trong cung đình trở thành một hiện tượng đáng chú ý. Những người như Hoàng tử Ôtsuu (một trong những con trai của Tenji) đã để lại nhiều vần thơ có giá trị. Không những thế, thơ quốc âm Waka (Hòa ca), phát xuất từ ca dao cổ đại, cũng nhờ nhận ảnh hưởng của Hán thi mà định hình được thể năm bảy chữ (ngũ âm thất âm) qua hai hình thức cơ sở của nó là chōka (trường ca) và tanka (đoản ca). Đó là thời kỳ hoạt động của các nhà thơ nam nữ tên tuổi như Kakinomoto no Hitomaro và Nakata no Ōkimi. Hai tác phẩm được đời truyền tụng của giai đoạn này là Kaifuusô (Hoài Phong Tảo, Hán thi) và Man.yōshuu (Vạn Diệp Tập, thơ Waka).

Lấy kinh nghiệm Hakusonkô, Hoàng tử Naka no Ôe lên thay mẹ là Nữ Thiên Hoàng Saimei lo củng cố việc quốc phòng để đối đầu được với Đường và Tân La. Đồng thời ông cũng dồn tâm lực vào nội chính. Ông đặt lính thú sakimori (phòng nhân), lập hệ thống đài phong hỏa (tobuhi) ở Kyuushuu, tổ chức phủ Dazai (Thái tử phủ) trên đảo ấy, xây thành bên bờ biển (mizuki = thủy thành) vào năm 664 ở phía bắc đảo để phòng thủ nó. Ông lại lợi dụng kỹ thuật của người Bách Tế để xây một loạt thành quách trên núi (yamajiro = sơn thành) từ đảo Tsushima ngoài khơi cho đến vùng Yamato trong nội địa. Hai thành trì nổi tiếng trong loại này là thành Ōnojō ở phía bắc phủ Dazai và thành Kijō phía nam phủ, đều được xây trên núi để ngăn giặc đến tấn công.

---

<sup>7</sup> Xưng chế là việc đảm nhận chức vụ trong buổi giao thời sau cái chết của hoàng đế, thường thấy ở Trung Quốc cũng như Nhật Bản.

Thế rồi năm 667, Hoàng tử Naka no Ôe thiên đô về cung Ôtsu vùng Ômi bên hồ Biwa. Năm sau (668), ông chính thức lên ngôi thiên hoàng lấy hiệu là Tenji. Đó là điểm kết thúc của một cuộc hành trình khá dài (23 năm) kể từ khi ông nhúng tay vào chính trị (diệt Soga no Iruka vào năm 645). Chính trị của triều ông bắt đầu bằng cái lệnh (ryô) gọi là lệnh Ômi (Ômiryô), qua nó, ông tuyên bố việc thiên đô về Ômi. Năm 670, ông lại cho lập sổ hộ tịch đầu tiên trên toàn quốc. Đó là Bộ hộ tịch năm Canh Ngọ (Kôgonennjaku = Canh Ngọ niên tịch) mà ông xem như cơ sở cho cuộc cải cách chính trị của mình. Trong bộ hộ tịch này, ông đặt trọng tâm vào việc xác nhận tên họ (shisei = thị tính) của mỗi người. Theo luật lệnh của nhà nước, những gì thuộc về đơn vị “hộ” (ko) đều được qui định rõ ràng. Lệnh ấy gọi là hộ lệnh (koryô) Các bộ hộ tịch thường thường đều có thể vứt bỏ sau thời gian là 30 năm nhưng lần này, nhà nước qui định là bộ hộ tịch toàn quốc sẽ được gìn giữ lâu dài.

## **2.4 Cuộc biến loạn năm Nhâm Thân:**

Khi Thiên Hoàng Tenji băng, triều đình Ômi trở thành sân khấu một cuộc huynh đệ tương tàn vì vấn đề thừa kế ngôi báu. Đó là nguồn gốc của chính biến gọi là Jinshin no ran (Cuộc biến loạn năm Nhâm Thân). Năm 672, em Thiên Hoàng Tenji là hoàng đệ Ôama từ Yoshino đã khởi binh để tranh đoạt quyền bính với con của Tenji (cũng là cháu trai và rể mình), Hoàng tử Ôtomo. Căn cứ Yoshino của Ôama là một nơi có địa thế rất quan trọng. Ở đây có một trong 3 cửa quan quan trọng là Suzukanoseki (hai cửa ải kia là Fuwa và Arachi). Ôama đã vượt được nó để vào vùng Mino và Owari, chiêu mộ binh sĩ cũng như kết giao với các tay hào tộc đất Yamato. Từ đó ông mới vượt ải Fuwa đến Ômi tranh chiến và tiêu diệt cánh Hoàng tử Ôtomo. Theo bộ sử Nihon shoki, Hoàng tử Ôtomo sau khi thất bại đã treo cổ tự sát ở Yamazaki (nay thuộc Kyôto)

## **3- Chính trị thời các Thiên hoàng Tenmu và Jitô. Văn hóa Hakuhô.**

### **3-1 Chính trị của Thiên hoàng Tenmu;**

Người nắm phần thắng lợi trong cuộc tranh đoạt ngôi báu năm Nhâm Thân, một sự kiện lịch sử có tầm quan trọng nhất thời cổ đại, chính là Hoàng tử Ôama, em trai Thiên Hoàng Tenji. Từ kết quả đó, ông đã làm một cuộc thay đổi lớn là bỏ Ômi để về kinh đô cũ ở Asuka, xây dựng cung Asuka Kiyomihara và lên ngôi, lấy hiệu là Tenmu (Thiên Vũ).

Để chiến thắng trong cuộc tranh ngôi, Thiên Hoàng Tenmu đã phải kết hợp được binh lực của các địa phương. Qua việc ấy, ông chứng tỏ mình là người có khả năng thống nhất các quyền lực địa phương. Đặc điểm của chính trị thời Tenmu là ông dựa vào sức mạnh tuyệt đại của hoàng tộc để thực thi chính sách trung ương tập quyền theo thiên hoàng chế. Các nhà viết sử Nhật bản gọi nó là kôshin seiji (hoàng thân chính trị) nghĩa là thay vì đặt quan lại vào các chức đại thần, ông cho 3 hoàng tử đáng tin nhiệm vì là các con trai của mình như Kusakabe, Ôtsuu và Takechi đảm nhiệm những công việc quan trọng đó.

Để thi hành chính sách trung ương tập quyền với mục đích kiến thiết quốc gia, Thiên Hoàng Tenmu đã làm những gì cụ thể để củng cố quyền lực? Trước tiên, ông ra lệnh bãi



bỏ các kakibe (khúc bộ, dân bộ)<sup>8</sup> tức là lớp thường dân bị xem như vật sở hữu của tầng lớp hào tộc. Khuynh hướng lập lại các kakibe đã xuất hiện trở lại phần nào dưới thời Tenji. Ông cũng bãi bỏ luôn cả những khoản lương gọi là thực phong (jikifu) một thời đã cấp cho giới hào tộc nữa. Như thế, ông đã gìn giữ được tính trung thực của tờ Chiếu tuyên bố đổi mới (Kaishin no mikotonori), thực hiện triệt để chế độ “công địa công dân” (đất cát và con người phải là của công), thắt chặt sự kiểm soát của nhà nước đối với nông địa và nông dân.

Từ đó, kể từ năm 681, Thiên Hoàng cho sửa soạn sắc lệnh (ryô) có tên là Lệnh Asuka Kiyomihara. Đáng lẽ có cả luật lẫn lệnh<sup>9</sup> nhưng phần nói về luật chưa hoàn tất, chỉ có 22 quyển nói về lệnh. Cho nên thay vì nói Luật lệnh, đành phải gọi nó là Lệnh Asuka Kiyomihara mà thôi. Phải đợi đến thời Nữ Thiên hoàng Jitô (Trì Thống), vợ và người nối ngôi ông) thì mới hoàn thành và đem ra ứng dụng.

Ngoài lệnh ấy, Tenmu còn đặt ra một hệ thống quan tước để áp dụng vào việc thăng tiến các quan lại. Ông bắt các những người xưa nay là hào tộc phải vào làm quan trong triều hòng đóng khung họ trong một tổ chức. Do đó, năm 684, ông mới đặt ra Yakusa no kabane (Bát sắc tước) tức là một qui định sắp xếp các giai tầng nằm bên trong thể chế trung ương tập quyền mà thiên hoàng là trung tâm. Như ta có thể hình dung được, yakusa là 8 thành phần với cách xưng hô riêng: mahito, asomi, sukune, imiki, michinoshi, omi, muraji và inagi vậy.

### 3.2 Chính trị Nữ thiên hoàng Jitô:

Sau khi Thiên Hoàng Tenmu băng hà, Hoàng hậu Uno (tên con gái là Uno no Sarara) và Hoàng thái tử Kusakabe đứng ra tiếp tục sự nghiệp ông để lại. Chẳng ngờ năm 689 Hoàng thái tử lại mang bệnh và mất ở giữa tuổi trai tráng. Tháng giêng năm sau, Hoàng hậu chính thức tức vị. Đó là Nữ Thiên Hoàng Jitô (Trì Thống, có nghĩa là gìn giữ giềng mối).

Đối với nữ hoàng để mới lên ngôi, việc quan trọng phải làm trước tiên là tổ chức đô thành theo kiểu Trung Quốc qua hình ảnh kinh đô mới Fujiwara-kyô nằm ở phía bắc vùng Asuka. Kinh đô này sẽ là trung tâm hành chính của Nhật Bản suốt 16 năm (690-715) qua ba đời Thiên Hoàng Jitô (Trì Thống), Monmu (Văn Vũ) và Genmei (Nguyên Minh). Monmu là cháu nội còn Genmei là con dâu của Jitô và là mẹ Monmu.

Như ý nghĩa của tên bà, Jitô kế tục các chính sách của chồng, ra sức hoàn chỉnh chế độ luật pháp (ritsuryô) đã có. Năm 690 (Canh Dần) bà hoàn thành Bộ hộ tịch Canh Dần (Kôinnenseki). Từ khi có nó cứ mỗi 6 năm nhà nước lại cho cập nhật hoá. Đó là nền tảng để thiết lập chế độ cấp phát ruộng đất Handensei (Ban điền chế). Như vậy, Bộ hộ tịch năm Canh Ngọ (670) tưởng là giữ được lâu dài đã phải nhường chỗ cho bộ hộ tịch mới này. Hiện nay người ta chỉ giữ lại được Bộ hộ tịch xưa nhất xuất phát từ bộ năm Canh Dần được cập nhật vào năm Taihō thứ 2 (702).

<sup>8</sup> Người thuộc hạ của họ Soga hay Ôtomo mang họ Sogabe hay Ôtomobe.

<sup>9</sup> Thông thường, luật là từ để chỉ hình luật và lệnh chỉ luật hành chính. Chế độ luật lệnh bắt đầu từ thời Tùy Đường bên Trung Quốc và đến Nhật khá sớm.

### 3.3 Văn hóa Hakuhô:

Trải qua hai triều Tenmu và Jitô, chế độ trung ương tập quyền để kiến thiết quốc gia mạnh nha từ cuộc đổi mới năm Taika (Taika no kaishin, 645) hầu như đi đến chỗ hoàn thành. Chế độ này phản ánh xu thế của thời đại nghĩa là ý hướng tiếp nhận văn hóa Sơ Đường bắt đầu vào đời hai vị này, từ từ kéo dài đến mãi đến buổi đầu thế kỷ thứ 8. Nó sẽ triển khai thành văn hóa Hakuhô (Bạch Phượng) mà đặc điểm là sự tươi mới. Hakuhô không có gì khác hơn là “chim phượng trắng” (trước đó đã có Hakuchi hay “chim trĩ trắng”) niên hiệu của hai triều Tenmu và Jitô, bao trùm giai đoạn hậu bán thế kỷ thứ 7 (672-702).

Giữa lòng văn hóa Hakuhô, sự kiện nổi bật hơn cả là việc thiên hoàng Tenmu coi trọng việc cúng tế tổ thần của dòng họ mình ở các đền thần nhất là ngôi đền gốc: Thần cung Ise (Ise Jinguu). Thế nhưng Phật giáo cũng được sùng kính và bảo vệ. Chính quyền đã cho kiến thiết các “quan tự” (chùa nhà nước) như các ngôi chùa lớn Daikandaiji (Đại quan đại tự) và Yakushiji (Dược sư tự).

Yakushiji khởi thủy được xây trên đất kinh đô Fujiwara, sau được chuyển về kinh đô Heian. Ngày nay, nó nằm ở phía tây thành phố Nara. Tháp phía đông (Tôtô) của nó là một tòa tháp 3 tầng, có kiến trúc rất đẹp và cân đối. Có thể suy đoán rằng nó đã xây lại, phỏng theo kiến trúc buổi đầu ở kinh đô cũ Fujiwara.

Về mặt điêu khắc, Yakushiji sanzonzô tức tượng 3 vị Phật tôn quý<sup>10</sup> đặt trong tòa kim đường (kondô =gian chính thờ Phật) của chùa Yakushi là một tác phẩm nổi tiếng. Nó là những pho tượng bằng đồng dát vàng (kondôzô = kim đồng tượng) thuộc loại cao cấp nhất được thấy trên thế giới. Tuy nhiên, việc người ta đã mang nó từ kinh đô cũ Fujiwara đến hay mới làm ra ở kinh đô Heian vẫn còn trong vòng bàn cãi. Ngoài ra, các pho tượng như tượng Quan Âm ở Đông Viện Đường ở chùa Yakushi này và tượng đầu Phật (Buttô) ở chùa Hưng Phúc (Kôfukuji) <sup>11</sup> cũng ở Nara đều là những tác phẩm điêu khắc tiêu biểu. Một bằng chứng khác của sự trong vọng đạo Phật là việc nhà nước đã đánh giá kim Kim Quang Minh (Konkômyô-kyô) như một “kinh điển hộ quốc”.

Vì triều đình kính trọng Phật giáo như thế nên các địa phương cũng bắt chước theo. Nhờ các chức quan gunji đốc thúc, các địa phương cũng có khuynh hướng xây dựng chùa chiền. Như thế tư tưởng “Phật giáo hộ quốc” đã thành hình. Thế nhưng mặt khác, xin lưu ý rằng, đồng thời với sự kiện này, người ta bắt đầu kiểm soát chặt chẽ giới tăng lữ.

Danh xưng thiên hoàng cũng được bắt đầu biết đến vào thời gian này. Nói chính xác hơn là dưới triều Tenmu. Trước đó chỉ có danh xưng Ôkimi (đại vương) mà thôi. Trong

---

<sup>10</sup> Dược Sư Tam tôn tức ba vị Phật Dược Sư: trung ương có Dược Sư Như Lai, hai bên tả hữu là Nhật Quang và Nguyệt Quang Bồ Tát. Dược Sư Như Lai, theo kinh Dược Sư, là giáo chủ thế giới phương đông.

<sup>11</sup> Tượng đầu đức Phật ở Kôfukuji nguyên là vật sở hữu của chùa Yamada, một ngôi chùa do đại thần Soga no Kurayama no Ishikawamaro phát nguyện lập ra cho dòng họ mình. Tượng đó là Yakushisanzon của chùa ấy. Sau bị đoạt lấy đem về an vị tại Kôfukuji. Năm 1411, tòa kim đường nơi đặt nó bị sét đánh phát hỏa. Tượng bị thất lạc, đến năm 1937 mới tìm thấy lại một phần như hiện có bên dưới nền tòa kim đường.

thi tập Man.yôshuu, người ta thấy có bài thơ của Kakinomoto no Hitomaro nói về bậc “đại quân” mà vị trí thiêng liêng của người đó còn “ở trên cả mây mưa sấm chớp”. Như thế, ta thấy rằng đối với người dân trong xã hội thời đó, hai thiên hoàng Tenmu và Jitô đã có một quyền uy hầu như là tuyệt đối, đối tượng của mọi sự sùng bái rồi. Nói cách khác, nhân vật gọi là thiên hoàng đã được quốc dân thần thánh hóa.

Ngoài những kiến trúc và điêu khắc, bức bích họa (tranh vẽ trên vách) ở tòa kim đường chùa Hôryuujii (Pháp Long Tự) bị tổn hại vì hỏa hoạn năm 1949 cũng như bức bích họa khám phá được trong ngôi mộ cổ trên gò Takamatsu (Takamatsuzuka no kofun) năm 1972 đều là sản phẩm của thời này. Đặc biệt bức họa trên tường ở chùa Hôryuujii, có qui mô rộng lớn do ảnh hưởng đến từ Trung Quốc và Ấn Độ.

Như thế, qua những trang nói trên, ta đã hiểu qua về chính trị và văn hoá dưới hai triều Tenmu và Jitô.

#### **4- Nhà nước luật lệnh thành lập.**

##### **4.1 Luật lệnh là gì ?**

Đến đây, nhà nước luật lệnh (ritsuryô kokka) – xin hiểu là nhà nước pháp trị, vận hành theo pháp qui chứ không theo cảm tính và liên hệ huyết thống – đã thành hình. Trong xã hội cổ đại, sự ra đời của nó là một bước tiến vô cùng quan trọng. Đó cũng là lúc Nhật Bản bước vào thời trị vì của Thiên hoàng Monmu (Văn Vũ), cháu nội hai ông bà Tenmu và Jitô.

Năm Taihō nguyên niên (701), thế kỷ thứ 8 bắt đầu, là năm đáng ghi nhớ của lịch sử Nhật Bản vì nó đang mở ra cho người dân một kỷ nguyên mới. Một sự kiện quan trọng xảy ra trong năm ấy là việc ban hành bộ luật Taihō (Taihō Ritsuryō, Đại Bảo luật lệnh), công trình hợp soạn giữa thân vương Osakabe (một người con trai của Tenmu) và Fujiwara Fuhito, con thứ 2 của công thần thời Taika là Nakatomi (Fujiwara) no Kamatari. Chính trị luật lệnh của chính quyền Yamato bắt đầu có một văn bản pháp lý khá đầy đủ để thi hành.

Cơ sở luật lệnh của Nhật Bản là luật pháp nhà Đường dựa trên thông tin các sứ giả trong những chuyến Kentōshi (Khiển Đường sứ) mang về. Đặc biệt, phần luật (ritsu = hình pháp) hầu như hoàn toàn mô phỏng luật nhà Đường (Đường luật). Riêng phần lệnh (ryō = tổ chức hành chính, tô thuế, lao dịch, qui định phục vụ của giới quan lại, các điều khoản tất yếu về qui định chính trị của nhà nước...) thì mới thấy dấu hiệu có sự châm chước để chúng được hợp với tình cảnh thực tế trong nước.

Ngày nay ta hay đánh gộp luật với lệnh nhưng chính ra cần phân biệt hai thứ. Nói một cách đơn giản thì luật là hình pháp, còn lệnh là các pháp lệnh bao gồm cả các thủ tục hành chính. Chúng ta vừa nói về Bộ luật Taihō (701) như một cái gì có thực chắc chắn như khôn nổi, ngày nay chẳng thấy nó nằm ở đâu cả. Muốn tìm dấu vết của nó, phải gở lại những tác phẩm cổ xưa như Ryō no shuukai (Lệnh Tập Giải, hậu bán thế kỷ thứ 9), Shoku Nihongi (Tục Nhật Bản Kỷ, 797) tức tác phẩm thứ hai trong lục quốc sử sau Nihon shoki (Nhật Bản Thư Kỷ) nhưng mà cũng chỉ thu lượm được từng phần thôi chứ

đâu phải là tất cả. Thế nhưng ít lâu sau khi Bộ luật Taihō ra đời, đã có thêm một bộ luật mới là Bộ luật Yōrō (Đường Lão luật lệnh, năm Yōrō 3 tức 718 ) và lần này, công việc biên soạn được Fujiwara Fuhito đứng ra chủ trì. Nếu đem so sánh Bộ luật Yōrō với những phần tìm thấy lại được của Bộ luật Taihō trước đây thì nội dung không mấy khác. Luật Yōrō được đem ra thay thế Luật Taihō trên thực tế là vào năm 757 (Tenpyō Hōji nguyên niên). Bộ luật Yōrō đến thế kỷ thứ 9 đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà giải thích luật. Kiyohara no Natsuno trong Ryō no Gige (Lệnh Nghĩa Giải) chú thích nó từ cách nhìn của người ở cửa công, còn Koremune no Naomoto trong Ryō no Shuuge (Lệnh Tập Giải) đã giải thích từ cái nhìn cá nhân. Nhờ họ mà chúng ta có thể hiểu biết thêm luật lệnh thời xưa nhất là khi tổng hợp được hai lối nhìn khác biệt ấy.

#### 4.2 Cấu tạo của xã hội luật lệnh:

Tổ chức chính trị của chế độ luật lệnh có thể tạm hiểu như sau:

Về cơ cấu trung ương, có thể tóm gọn trong mấy chữ: nhị quan, bát tỉnh, nhất đài, ngũ vệ phủ.

Nhị quan (Nikan): Nằm ở vị trí trung tâm có hai người (nhị quan), một chủ trì việc tế tự là Jingikan (Thần kỳ quan), một trông coi chính trị nói chung là Daijōkan (Thái chính quan).

Jinjikan lo việc cúng tế chư thần và trông coi các thần xã trong nước. Vai trò ông ta rất quan trọng vì lúc đó người ta xem thiên hoàng như một vị thần sống nên việc tế tự là đầu mối của quốc gia. Nhiệm vụ của ông (lo việc thần trời thần đất) chẳng kém phần quan trọng so với Daijōkan (lo việc con người).

Dưới tay Daijōkan là các ông Daijōdaijin (Thái chính đại thần), Sadaijin (Tả đại thần), Udaijin (Hữu đại thần) và Dainagon (Đại nạp ngôn). Những chức vụ này thường do các hào tộc lớn đảm nhiệm và trên nguyên tắc, họ phải bàn luận với nhau trước khi quyết định điều gì quan trọng. Người ta thường gọi họ là kugyō (công khanh) hay kandachime (thượng đạt bộ). Thực ra Daijōdaijin, Sadaijin và Udaijin mới đáng gọi là ku (công), còn Dainagon, Chuunagon (Trung Nạp Ngôn), Sangi (Tham Nghị) ba chức thì chỉ được gọi là gyō (khanh). Hợp cả hai mới thành kugyō hay công khanh. Nên nhớ là ban đầu không có chức Chuunagon. Nó là một chức đứng ngoài pháp lệnh (lệnh ngoại quan = ryōge no kan) và chỉ mới được thêm vào sau này. Lúc trước, nó là chức Shōnagon (Thiếu nạp ngôn).

Bát tỉnh (Hasshō): Đứng dưới nhị quan là bát tỉnh tương đương với 8 bộ (ministry ngày nay), chúng được sắp đặt theo nhóm tùy ở việc chúng thuộc vào các quyền quản hạt của biện quan tả hay hữu (Sabekan và Ubenkan). Các biện quan là cấp thấp chịu sự chỉ đạo của nhị quan nhưng cao hơn bát tỉnh.

Tùy thuộc vào Sabekan có 4 “tỉnh”: Nakatsukasa (Trung vụ tỉnh lo việc soạn thảo sắc chiếu), Shikibushō (Thức vụ tỉnh lo việc giáo dục), Jibushō (Trị vụ tỉnh lo Phật sự, ngoại giao), Minbushō (Dân vụ tỉnh lo hành chính, tô thuế).

Tùy thuộc vào Ubenkan có 4 “tỉnh”: Hyôbushô (Binh bộ tỉnh lo quân sự), Gyôbushô (Hình bộ tỉnh lo việc hình án, trừng phạt), Ôkurashô (Đại tàng tỉnh lo việc tài chánh), Kunaishô (Cung nội tỉnh đảm nhiệm các việc lớn nhỏ trong cung).

Có thể cách sắp xếp này đến từ cách phân công theo lục bộ (rikubu) của Trung Quốc: lại, lễ, hộ, công, hình, binh...hình thành dưới hai triều Tùy Đường nhưng đã có nguồn gốc xa xôi từ hệ thống lục quan (rikukan) đời nhà Chu. Nakatsukasa (trung vụ tỉnh) lại tựa như Trung thư tỉnh của nhà Đường.

Nhất đài (Ichidai): chức vụ lo việc kiểm soát xem việc thực hành chính sự của các quan có đúng đắn không. Nhiệm vụ có họ là đàn hặc nên có tên Danjôdai (Đàn chính đài). Đến đầu thế kỷ thứ 9, nhân vì nhà nước đặt ra chức Kebiishi (Kiêm phi vi sứ) như tổng quản cảnh sát công an thì trên thực tế, chức Danjôdai không còn ý nghĩa gì để tồn tại nữa.

Ngũ vệ phủ (Goefu): Bộ phận canh giữ kinh thành gọi là Emonfu (Vệ môn phủ) kèm theo hai phủ tả hữu vệ sĩ phủ (Sauejifu) nơi các vệ sĩ (eji) túc sự. Ngoài ra còn hai tả hữu binh vệ phủ tập trung các binh vệ (hyôe) vốn là tử đệ của các gunji (quận ty) các nơi.

Đó là tổ chức nhị quan, bát tỉnh, nhất đài, ngũ vệ phủ ở trung ương. Quan chế địa phương lại khác. Vào thời đó, khu vực hành chính toàn quốc được chia làm ngũ kỳ<sup>12</sup>, thất đạo (goki, shichidô). Bên dưới chúng thì có các kuni (quốc) và trong mỗi kuni lại có các quận (gun), trong các quận lại có nhiều làng tức lý (ri, sau đổi thành hương hay gô). Tất cả có 66 kuni. Ở mỗi kuni (quốc), nhà nước đặt chức kokushi (quốc ti). Chỗ kokushi làm việc hành chánh thì gọi là quốc nha (kokuga). Quận có quận ty (gunji). Đơn vị hành chánh nhỏ nhất là làng hay lý (ri) thường gồm khoảng 50 nóc gia (hộ hay ko). Đứng đầu ri là một lý trưởng, âm Nhật đọc là satoosa.

Kokushi là quan do trung ương điều động đến nhưng gunji là những viên chức được các tay hào tộc địa phương như kunitsuko (kuni no miyakko) bổ nhiệm để trợ lực các kokushi thi hành chính trị địa phương.

Lại có những chức vụ dành cho các địa khu đặc biệt. Ở kinh đô thì có hai Kyoshiki (Kinh chức) tả và hữu, ở vùng Naniwa trong xứ Settsu thì có Settsushiki (chức quản hạt xứ Settsu). Nhân vì có cung điện và bến cảng ở Naniwa nên nơi này được đánh giá là địa thế trọng yếu trong việc ngoại giao, cần bổ nhiệm một nhân vật đặc biệt coi sóc. Riêng Kyuushuu từ xưa vẫn được xem là cứ điểm quan trọng về mặt quốc phòng và ngoại giao nên ở đây có đặt Dazaifu (Đại tể phủ, vẫn hay bị viết nhầm là Thái) giống một phủ thủ hiến, chính quyền Yamato xem nó là “triều đình ở phương xa” (tô no mikado).

### **Hành chính địa phương thời luật lệnh:**

Nơi hiểm yếu: Dazaifu ở Kyuushuu (dưới có ty Sakamori trông coi lính thú), Settsushiki,

---

<sup>12</sup> Kỳ : khu vực gần nơi vua ở (hoàng cư), chỉ những kuni nằm cạnh kinh đô.

Sakyôshiki và Ukyôshiki ở kinh đô (dưới có hai Ichi no tsukasa coi hai khu chợ Đông và Tây, ngoài ra ở các phường (bô) trong thành phố thì có chức bôryô hay phường lệnh, giống như phường trưởng).

### 4.3 Đặc quyền của giới quý tộc và quan lại:

Những người làm việc ở các công sở cấp trung ương và địa phương, ngày nay gọi là công chức hay công nhân viên, như thế, theo ước tính của nhà nghiên cứu Naoki Kojirô, có vào khoảng 8.117 người trong các nha sảnh trung ương. Bậc cao hơn ngũ phẩm (gọi) chỉ khoảng 125 người, còn cỡ họp bàn nội các thì chỉ ngoài 10 người. Trong hàng quan lại cấp cao thì có 4 đẳng cấp: kami (trưởng quan), suke (thứ quan), jô (phán quan) và sakan (chủ điền)

Trong chế độ luật lệnh, người cai quản công việc các Bộ (tỉnh = shô) thì được gọi là kami (trưởng quan). Phụ tá cho người ấy là suke (thứ quan). Người chấp hành công vụ gọi là jô (phán quan), bên dưới có sakan (chủ điền) như thư ký giúp việc. Mhifn cách việc chữ Hán các thứ bậc ấy, không khỏi liên tưởng đến các ông tham, ông phán, chủ sự bên ta vào thời trước.

#### Bốn đẳng cấp trong quan trường:

Quan chức	Bộ (tức tỉnh, trung ương)	Phủ Dazai (địa phương Kyuushuu)	Kuni (quốc, các địa phương khác)	Gun (quận, địa phương)
Kami (Trưởng quan)	Kyô (Khanh)	Sui (Súy)	Kami (Thủ)	Tairyô (Đại lĩnh)
Suke (Thứ quan)	Daisuke, Shôsuke (Đại, Thiếu phụ)	Daini, Shônî (Đại, Thiếu nhị)	Suke (Giới)	Shôryô (Thiếu lĩnh)
Jô (Phán quan)	Daijô, Shôjô (Đại, Thiếu thừa)	Daikan, Shôkan (Đại, Thiếu giám)	Daijô, Shôjô (Đại, Thiếu duyệt)	Shusei (Chủ chính)
Sakan (Chủ điền)	Dairoku, Shôroku (Đại, Thiếu lộc)	Daiten, Shôten (Đại, Thiếu điền)	Daimoku, Shômoku (Đại, Thiếu mục)	Shuchô (Chủ trưởng)

Tuy nhiên, khác với cách trình bày ở trên, Aida Yasunori cho rằng trong các nha sở, tuy các chức vụ có thể viết theo những tự dạng chữ Hán khác nhau nhưng cách đọc tên và vai trò quản lý công việc hầu như giống nhau cả.

Trong bọn họ từ địa vị cao nhất (chính nhất phẩm) xuống đến địa vị thấp nhất (thiếu sơ hạ vị) có tất cả 30 bậc. Nhà nước lại đặt ra một chế độ so sánh các chức tương đương để sắp xếp các quan vào chức vụ tùy theo ngạch trật gọi là Kan.i sôtô no sei (Quan vị tương đương chế). Tương ứng với chức vụ và ngạch trật của mình, bọn họ được ấn định sẽ có bổng lộc (phong hộ =fuko và lộc = roku), ruộng đất như thế nào.Họ cũng được miễn đóng các thứ thuế dung, thuế điền và khỏi đi phải làm tạp dịch (tạp đao). Nếu nắm chức vụ cao thì họ còn nhiều đặc quyền về kinh tế và giai cấp (danh vọng) hơn nữa. Con

nhà quý tộc từ ngũ phẩm trở lên (hay cháu các nhà từ tam phẩm trở kên) có thể được bổ nhiệm vào một chức tước tương đương nào đó của cha hay cụ nội mình. Đó là chế độ bổ nhiệm quan chức tương đương, nói cách khác đi là có địa vị nhờ tập ấm (tiếng Nhật gọi là “chế độ ấm vị” hay on.isei ). Nó cho phép con cháu thừa hưởng âm đức hay vinh quang của ông cha.

Chính là những gia đình đại hào tộc có trước thời đổi mới năm Taika là thành phần độc chiếm những vị trí quan trọng. Như thế, dưới chế độ luật lệnh, nhờ chế độ tập ấm mà cuộc sống của giới này an định hơn , địa vị và tài lực của họ vững vàng hơn.

Về chế độ tư pháp thời luật lệnh thì hình phạt được chia làm năm loại chính: đài (chi), trượng (jô), đồ (zu), lưu (ru), tử (shi). Nói chung là ngũ hình (gokei). Xin trình bày cụ thể hơn như sau:

Đài (chi): Đánh vào mông bằng roi làm từ thân cây trúc từ 10, 20, 30, 40 đến 50 lần.

Trượng (jô): Đánh bằng trượng, một loại gậy chắc chắn và to hơn roi. Hình phạt có thể từ 60 đến 10 trượng.

Đồ (zu): trừng dịch (khô sai) từ 1 đến 3 năm.

Lưu (ru): cưỡng bách phối lưu, còn gọi là đày đi xa. Đi gần khoảng Echizen hay Aki thì gọi là konru (cận lưu). Đi vừa vừa (đối với kinh đô) cỡ Shinano, Iyo thì gọi là chyuuru (trung lưu). Bị đày đi xa như đến các vùng Izu, Awa, Hitachi, Sado, Oki, Tosa... thì gọi là enru (viễn lưu).

Tử (shi) có hai loại: thắt cổ (kôshu) hoặc xử trảm (zanshu).

Ngoài ra, để duy trì trật tự của xã hội và quốc gia, những hình phạt liên quan đến các tội phạm với nhà nước, với thiên hoàng và tôn thất đặc biệt nghiêm khắc. Những hành vi như thế xếp vào hạng hachigyaku (bất nghịch) hay tám tội nặng: mưu phản (bôhen, muhen, nổi loạn phá rối trị an), mưu đại nghịch, mưu bạo (muhon, nhằm lật đổ chính quyền), ác nghịch, bất đạo, đại bất kính, bất hiếu, bất nghĩa. Ngay cả quý tộc và quan lại, hề phạm vào “bất nghịch” cũng khó lòng được dung thứ, giảm miễn. Tuy vậy, khi không mang trọng tội thì quý tộc và quan lại có cái đặc quyền là chỉ bị bãi chức hay phạt tiền mà thôi.

## **5- Chế độ ruộng đất và thuế má của nhà nước luật lệnh.**

### **5.1 Chế độ cấp phát ruộng (Handen):**

Trong một thời gian dài, các hào tộc đã được quyền có đất riêng và nông dân phục vụ riêng cho mình. Đến khi nhà nước luật lệnh thành lập, chính phủ ngăn cấm họ không cho sở hữu đất đai và dân chúng nữa. Ngược lại, nhà nước đổi nguyên tắc, xem những thứ đó là công địa công dân, đặt tất cả dưới sự kiểm soát của mình để dễ bề thu thuế. Như thế, cả đất đai và con người đều trở thành của công, cấm buôn đi bán lại. Đây là một hệ thống tài vật mới dưới quyền quản lý của nhà nước. Nói cách khác, đó là chế độ “công điền công dân” xử lý công điền công thổ mà bộ luật cấp phát ruộng đất cho dân làm ăn gọi là Handen shuujuuhô (Ban Điền Thu Thụ Pháp<sup>13</sup>) đã dựa lên trên.

---

<sup>13</sup> Thụ tức là cấp phát (ban cho) để được thụ hưởng. Thu là rút lại nếu đối tượng của sự cấp phát

Để có thể thực hiện một cách triệt để phương sách này, trước tiên chính phủ phải soạn sẵn một bộ hộ tịch (koseki) và sổ sách để ghi chép những con tính (keichô) trong đó mỗi người dân đều được đăng ký. Chính phủ tổ chức những đơn vị làng xã (gọi là ri hay lý, mỗi ri gồm 50 hộ nóc gia), như vậy chính trị luật lệnh sẽ được áp dụng đến hàng cùng ngõ hẻm vì họ biết cả nơi cư trú của từng mỗi một người dân. Hộ tịch thì cứ 6 năm được làm lại một lần. Nam nữ một khi đã trên 6 tuổi đều phải được mỗi chủ hộ (kosu) khai báo để được hưởng một phần ruộng gọi là “ruộng khẩu phần” (kubunden = khẩu phần điền). Người nào chết nhà nước sẽ thu lại phần ruộng khẩu phần của người ấy.

Ruộng khẩu phần là ruộng được cấp phát cho, chia cho, nên mới có tên là handen (ban điền). Như vậy hộ tịch được lập thành là để ghi chép cách chia ruộng đất cho dân.

Tuy rằng mỗi một người “lương dân” bất luận nam nữ, cứ trên 6 tuổi sẽ được cấp ruộng khẩu phần nhưng việc ấy đã xảy ra cụ thể như sau: con trai thường dân mỗi người được 2 “dan”, con gái được 2/3 “dan”. “Dan” được tính ra là 360 bộ tương đương với 11,7 sào tây (are). Như thế, đàn ông con trai mỗi người được 720 bộ và đàn bà con gái 480 bộ vậy.

Hai chữ lương dân (ryômin) ám chỉ người thường dân nói chung. Theo nhà nước luật lệnh thì đó là những công dân thường, không thuộc vào hạng người có một kỹ năng gì đặc biệt để có thể trực thuộc vào một shinabe (phẩm bộ) hay zakko (tạp hộ) tức người giúp việc cho nhà sở nào đó triều đình và cũng không thuộc vào hạng tiện dân (senmin), đối tượng của sự kỳ thị. Tuy bị đặt bên dưới những người thường dân khác, tiện dân cũng được cấp đất canh tác kiếm sống nhưng chỉ là 1/3 đất dành cho lương dân mà thôi. Như vậy, ruộng khẩu phần của một nam tiện dân là 720 bộ /3 hay 240 bộ. Người nữ chỉ vốn vẹn có 160 bộ.

Tiện dân lại chia ra làm 5 hạng, gọi là năm loại tiện dân (goshiki no sen) Không phải tất cả bọn họ đều được cấp 1/3 số ruộng so với lương dân. Cùng là tiện dân với nhau nhưng lại phân chia theo thứ hạng. Ba hạng đầu gồm những kẻ lo canh gác, trông coi lăng mộ cho hoàng tộc (ryôko =lăng hộ), những kẻ phục dịch cho nhà quan và đủ số người để thành một hộ (quan hộ = kanko), nô tì nhà quan nhưng không đủ số người để thành hộ (kunihî = công nô tì), thì vì là nô bộc ở cửa công nên tuy là tiện dân nhưng được đối xử không khác lương dân. Chỉ riêng 3 hạng sau gọi là kenin (gia nhân) và shinuhi (tư nô tỳ) làm việc cho tư nhân thì mới bị giảm số ruộng khẩu phần chỉ còn 1/3 của lương dân. Với cách phân phối chặt chẽ như thế, nhà nước thời đó có thể nắm được con số thống kê về các hộ, số ruộng đất chia và nguồn thuế của từng địa phương một. Nó cũng giúp người nghiên cứu ngày nay tạo lập lại hình ảnh của xã hội lúc ấy và tìm thấy những dữ kiện khá chính xác để hiểu cuộc sống của nông dân Nhật Bản thời cổ.

Dĩ nhiên, khi một người chết đi thì đến lần lập hộ tịch sau (cứ 6 năm là đến hannen hay “ban niên” hay năm ban phát), đất sẽ bị nhà nước sung công (hồi thu) và đưa cho người khác. Đó là nguyên tắc cơ bản của luật handen (ban điền) cung cấp và hồi thu ruộng đất này Bên cạnh khẩu phần điền dành cho mọi người còn có các qui chế iden (vị điền) và

---

không còn nữa.



shikiden (chức điền) ban phát cho quan lại theo địa vị và chức tước của họ.

## 5.2 Qui chế xử lý:

Khi thực hiện luật handen, nhà nước còn cần phải có một qui chế giúp họ xử lý luật ấy một cách tốt đẹp. Qui chế nói ở đây là jōrisei (điều lý chế), dùng vào việc qui hoạch đất đai và được tổ chức với hình thức như sau:

Trước hết, đất đai được chia thành nhiều khu vực hình vuông mỗi bề dài là 6 chô (đỉnh). Vì 1 chô là 60 bu (bộ) tương đương với 108m, cho nên bề dài 6 chô có nghĩa là 468m. Một bề của miếng đất được gọi là jō (điều), bề kia được gọi là ri (lý). Miếng đất khung giữa hai được vây bọc bởi jō và ri cũng được gọi là ri. Diện tích của ri (lý) khi phân chia thành từng ô một với chiều dài mỗi bên 1 chô được gọi là tsubo (quốc tự viết với chữ thổ+ bình). Mỗi tsubo còn được chia thành 10 phần bằng nhau gọi là dan (đoạn). Như thế, đơn vị cơ sở của đất đai là dan. Cách chia tsubo thành dan có thể thực hiện theo 2 phương pháp: Hoặc chia theo hình thù một vạt đất dài (chōchigata): 60 bu x 6 bu = 360 bu (= 1 dan); hoặc chia theo hình thù một vạt đất ngắn (han.origata): 30 bu x 12 bu = 360 bu (= 1 dan). Như thế, người ta sẽ biết một cách rõ ràng diện tích miếng đất rộng bao nhiêu jō, bao nhiêu ri, bao nhiêu tsubo.

Cách tính toán, phân chia như thế này còn ảnh hưởng đến ngày nay. Người Nhật bây giờ khi hỏi chuyện về nhà cửa đất cát với nhau vẫn tính toán diện tích theo tsubo.

## 5.3 Các thứ tô thuế phụ đảm bởi nông dân:

Nhờ có chế độ handen (ban điền) cấp ruộng để làm ăn như thế mà người nông dân Nhật Bản thời xưa được bảo đảm mức sống tối thiểu. Ít nhất đó là chủ ý của nhà làm luật buổi đầu. Trên nguyên tắc, đã có ruộng nhà nước cấp không bồi hoàn như thế thì chỉ cần chịu khó đổ mồ hôi ra lao động thì khả dĩ sẽ có miếng ăn.

Thế nhưng xã hội luật lệnh không chỉ nhắm mỗi mục đích vô vụ lợi đó. Nó cho tay này nhưng cũng lấy lại tay kia (give and take). Chúng ta nên hiểu rằng nhà nước có thu thuế cũng là chuyện đương nhiên.

Trước tiên, kẻ được hưởng ruộng khấu phần phải trả tô (so). Theo qui định thì cứ một dan (đoạn) hay công đất, nông dân phải nộp 2 bó (soku) và 2 nắm (wa) lúa. Tính ra thì cứ 10 wa thì thành một soku. Nó tương đương với 3% số lúa thu hoạch được.

Do đó, một người đàn ông thuộc tầng lớp lương dân (ryōmin) và được cấp 2 dan ruộng khấu phần thì sẽ phải đóng cho nhà nước 4 soku 4 wa. Số địa tô này nhà nước giao phó cho địa phương giữ lại để mai sau chi dùng cho những kinh phí của nhà nước.

Một tài nguyên khác của chính quyền trung ương là hai thứ thuế điệu (chō) và dung (yō). Để có thể thu thuế điệu và dung, nhà nước mỗi năm phải lập đình bạ để kiểm kê dân số (keichō) rồi cứ theo đầu người mà đánh thuế. Thuế điệu thu bằng vải, tơ hay lụa... tùy theo sản vật của địa phương còn thuế dung là thuế sưu dịch (gọi là tuế dịch hay saieki), người dân phải lên làm việc ở kinh đô 10 ngày một năm.

Tuy nhiên thời đó, giao thông còn khó khăn, không phải cứ muốn đi đâu thì đi. Từ địa phương ra đến kinh đô, hành trình đã dài lại cực khổ. Do đó có lệnh cứ nạp 2 jô 6 shaku (8m) vải là coi như đóng đủ thuế dung (yô). Chỉ còn đặt ra vấn đề là làm thế nào chuyển vận sản phẩm lấy từ thuế điền và thuế dung lên đến kinh đô. Người ta phải cậy vào tay nông dân và loại lao động này gọi là unkyaku (vận cước). Ngoài ra, còn phải nhắc đến một hình thức lao động khác gọi tạp dao (zôyô) là một loại lao động cưỡng bách theo mệnh lệnh của quan cai trị (như các gunji) trong một khoảng thời gian có giới hạn để đi làm các việc liên quan đến thủy lợi và kiến thiết hoặc lao dịch tạp nạp ở các nha sở.

### Bốn hình thức phụ đảm thuế của công dân (dựa trên Luật Yôô)

Phân loại	Chính đình (Nam 21-60 tuổi)	Thứ đình (lão đình) (Nam 61-65 tuổi)	Trung nam (thiếu đình) (Nam 17-20)	Bị khảo
Tô (So)	Một dan nộp 2 soku 2 wa	Cũng vậy	Cũng vậy	Thuế điền, 3% số thu hoạch
Điền (Chô)	Một lượng nhất định sản vật của địa phương đương sự: tơ, lụa, vải vóc, thùng vv...	Cũng vậy nhưng 1/2 chính đình	Cũng vậy nhưng 1/4 chính đình	Chính đình còn phải nộp thêm màu để nhuộm
Dung (Yô)	Lao dịch 10 ngày 1 năm ở kinh đô hay nộp 2 jô 6 shaku ( 2 trượng 6 thước = 8m ) vải	Cũng vậy nhưng 1/2 chính đình	Chưa phải là đối tượng	Người kinh đô và lân cận được miễn
Tạp dao (Zôyô)	Tạp dịch ở địa phương 60 ngày cho mục đích công ích	Cũng vậy nhưng 1/2 chính đình	Cũng vậy nhưng 1/4 chính đình	Sau giảm còn một phân nửa

Có một loại thu nạp tuy không gọi là thuế nhưng trên thực tế không khác gì mấy, đó là hình thức suiko (xuất cử). Theo định nghĩa, mùa xuân nhà nước đem thóc lúa cho nông dân vay, mùa thu nhà nước lấy lại cả vốn lẫn lời (thu nhập của nhà nước gọi là ritô = lợi đạo hay gạo thóc sinh lãi). Thực ra đây là một chế độ giúp nhà nông có thóc lúa ăn trước vụ mùa và do các tư nhân như hào tộc địa phương đảm nhận (gọi là shisuiko (tư xuất cử). Nhưng khi chính nhà nước đảm nhận thì việc này có tên là kusuiko (công xuất cử). Lợi tức này là một nguồn thu nhập thật không nhỏ chút nào đối với công khô. Nó đáng được coi như là một thứ thuế phụ thu. Nhà nước ấn định khi nhà nước cho vay thì lãi suất phải dưới 5% và nếu tư nhân cho vay thì lãi suất phải dưới 10%. Thêm vào đó, nông dân còn phải có nghĩa vụ đóng góp cho các kho liên đới (gisô) dự trữ kê (awa) dùng vào việc phát chẩn những khi mất mùa. Nhìn chung mới thấy trong xã hội luật lệ, cuộc sống của người nông dân không dễ chịu chút nào.

Về binh dịch thì cứ 3 đến 4 người đàn ông thành nhân thì 1 người bị trưng binh. Các địa

phương tổ chức lính thành gundan (quân đoàn) và chịu trách nhiệm huấn luyện họ. Một bộ phận được đưa lên kinh đô để bảo vệ cung điện và kinh thành. Họ được gọi là các eshi (vệ sĩ). Ngoài ra, người bị trưng binh cũng có thể gửi đi làm lính thú tức sakimori (phòng nhân) để giữ các đảo và vùng duyên hải phía bắc Kyushuu.

Lính thú sakimori thường xuất thân ở miền Đông vì vùng đất này vốn sinh ra những chiến sĩ dũng cảm. Tuyển tập thơ Man.yôshuu (Vạn Diệp Tập) còn chép lại trên 100 bài thơ liên quan đến cuộc sống của họ. Đó là những vần thơ ai oán nói lên tình cảm gắn bó với gia tộc và làng nước và tả lại cuộc sống gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng nên nhớ rằng những gia đình phải gửi con ra lính cũng phải nhận một phần phụ đảm quan trọng. Tuy người lính được miễn những hình thức sưu dịch nhưng vũ khí, trang phục và lương thực thì họ phải tự túc lo. Nhà có người đi lính dĩ nhiên mất đi một nguồn lao động quan trọng. Còn có những thảm cảnh như người cha đi lính bỏ lại lũ con thơ không người chăm sóc vì mẹ chúng vừa mới chết:

Lũ con nắm chặt áo cha,  
Ta bỏ chúng lại để ra cõi ngoài,  
Mẹ đâu còn nữa, bay ơi!  
(bài Karagoromo, Suso ni toritsuki...)

## 6- Kinh đô Heijô và chính trị thời Nara sơ kỳ:

### 6.1 Việc gửi sứ sang nhà Đường (Kentôshi) và sự kiến tạo kinh đô Heijô::

Sau khi bộ luật và sắc lệnh hành chánh Taihō được áp dụng kể từ năm Taihō nguyên niên (701), nhà nước chuẩn bị việc thiên đô từ Fujiwarakyō (Đảng Nguyên Kinh) về Heijōkyō (Bình Thành Kinh) vào năm 710 (Wadō thứ 3). Giai đoạn từ đó cho đến 80 năm về sau được gọi là thời Nara. Trong thời đại Nara, có một chính sách được các sử gia đánh giá là vô cùng quan trọng: việc gửi các sứ giả qua nhà Đường hay Khiển Đường Sứ (Kentôshi). Chính sách này sẽ ảnh hưởng lớn lao đến việc tổ chức nhà nước Nhật Bản.

Thời đại Nara lúc kinh đô mới Heijōkyō được xây dựng theo mô hình kiến trúc Trường An, quốc đô của nhà Đường là một thời kỳ chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa nhà Đường. Lúc ấy nghĩa là giai đoạn thế kỷ thứ 7 và thứ 8 ở Trung Quốc nhà Đường phát triển vô cùng mạnh mẽ trên một bình diện rộng lớn. Người Trung Quốc lúc ấy đã giao lưu rộng rãi với các quốc gia vùng Tây Á và tạo được cho mình một nền văn hóa phong phú màu sắc quốc tế.

Nhà Đường kiến quốc năm 618 sau khi nhà Tùy bị diệt vong nhưng mãi đến năm 630 thì mới có sứ thần Nhật Bản được phái đến. Từ đó không còn những đợt Kenzuishi (Khiển Tùy Sứ) mà thay vào đó là những phái bộ Kentôshi (Khiển Đường Sứ). Vị sứ thần Nhật Bản đầu tiên sang nhà Đường là Inukami no Mitasuki. Từ đó trở đi, tính có đến 20 lần, người Nhật có kế hoạch gửi sứ thần qua bên đó. Tính ra cứ khoảng mỗi 20 năm thì có một chuyến đi sứ như thế, chẳng những Nhật Bản học hỏi được những tiến bộ của nhà Đường mà còn khỏi bị bỏ quên trong mối quan hệ quốc tế ở Châu Á. Nhờ đó Nhật Bản đã trở thành một thành viên trong khu vực rộng lớn có văn hóa chung của

vùng Đông Á mà Đường đóng vai trò chủ đạo.

Tuy có lệnh tổ chức 20 chuyến Kentôshi nhưng trên thực tế, chỉ có 16 chuyến được thực hiện. Bốn lần kia bắt buộc phải đình chỉ vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Chuyến đi cuối cùng được lên kế hoạch vào năm 894 (Kanpyô thứ 6). Sugawara no Michizane đã được bổ nhiệm làm chánh sứ nhưng lúc đó ông nhận thấy nhà Đường không còn đủ hấp dẫn so với những hiểm nghèo của cuộc hành trình sứ bộ sẽ gặp phải, ông đã dâng kiến nghị xin hủy bỏ nó. Lờn tầu của ông được triều đình chấp nhận và các cuộc đi sứ sang nhà Đường bị cắt đứt từ đó sau khi đã có một lịch sử kéo dài hơn hai thế kỷ rưỡi (630-894).

Nói đến văn hóa thời Nara thì phải nói đến văn hóa giai đoạn niên hiệu Tenpyô (Thiên Bình) dưới triều Thiên Hoàng Shômu (Thánh Vũ). Đó là “văn hóa Tenpyô”, một nền văn hóa giàu tính quốc tế vì nó đã thu nhận ảnh hưởng của giai đoạn văn hóa thời toàn thịnh của nhà Đường.

Cụ thể mà nói, về mặt văn nghệ, ta thấy văn thơ chữ Hán được các nhà quý tộc thời Nara sáng tác rộng rãi và nó đóng vai trò không nhỏ trong việc tu dưỡng tri thức của lớp người này. Thi tập thơ chữ Hán tối cổ của Nhật Bản, Kaifuusô (Hoài Phong Tảo) tiếp nhận rất nhiều ảnh hưởng của thi ca Lục Triều và Sơ Đường đến từ Trung Quốc. Về hội họa mà nói, những bức tranh Phật (Butsuga) như tranh vẽ tượng tiên nữ Kichijô (Cát Tường Thiên)<sup>14</sup> ở chùa Yakushi hay những bức tranh thế tục (sezokuga) kiểu bức Chômôryuujo- byoubu tức tranh trên bình phong vẽ mỹ nhân đứng bên gốc cây, đều thấy chịu ảnh hưởng của tranh nhà Đường. Lại nữa, cây đàn tì bà (biwa) năm giây làm bằng gỗ tử đàn cần xa cừ (raden shitan gogen no biwa) và chiếc bình hình bầu thếp sơn (shikkohei, bình kiểu Ba Tư để đựng nước) còn tàng trữ như bảo vật trong bảo tàng viện tối cổ của Nhật là Shôsôin (Chính Thương Viện) cho ta thấy trình độ sản phẩm công nghệ thời ấy. Những món đồ quý giá đó (và có khi là vật duy nhất còn lưu lại được như cây đàn tì bà vừa kể) tương truyền là do Hoàng thái hậu Kômmyô, vợ của Thiên hoàng Shômu đã hiến nạp như di phẩm chồng mình để lại. Nhìn chúng, ta thấy được nghệ thuật thiết kế của các nghệ sĩ bậc thầy của vùng Đông La Mã, Tây Á và Ấn Độ đã đi xuyên qua Trung Quốc thời nhà Đường để đến Nhật Bản như thế nào.

Sang bên nhà Đường thời ấy để tiếp nhận văn hóa của họ là cả một thử thách gian nan đối với người Nhật. Kỹ thuật hàng hải cũng như kỹ thuật đóng thuyền chưa cao, nhất là trong những chuyến về sau, các sứ bộ không men theo bờ mà chọn con đường vượt biển khơi nên rất hiểm nghèo.

Người đi sứ thường tổ chức thành đoàn từ 100 đến 250 người. Đoàn đông nhất lên đến 500. Đoàn thuyền của sứ bộ gồm 4 chiếc cho nên về sau khi nói về sứ bộ, người ta thường dùng chữ yotsu no fune hay “đoàn thuyền bốn chiếc”. Về hành trình trên biển, họ theo hai con đường, hoặc bắc, hoặc nam. Lúc đầu, họ chọn đường phía bắc<sup>15</sup> nhưng vào thế kỷ thứ 8 và thứ 9, khi mối liên hệ giữa Nhật Bản và Shiragi (Tân La, Shilla) xấu

<sup>14</sup> Cát Tường Thiên tức Sri-Mahâdevi trong thần thoại Ấn Độ, sau đi vào trong văn hóa Phật giáo thế tục. Tượng trưng cho sắc đẹp diễm lệ và đức hạnh, đem hạnh phúc cho con người.

<sup>15</sup> Gọi là bắc lộ. Từ Hakata trên đảo Kyuushuu men theo phía tây bán đảo Triều Tiên để đến Đãng Châu, Thanh Châu hay vượt Hoàng Hải để đến Sở Châu.

đi (Shilla trước đó đã dựa vào thế lực nhà Đường để thống nhất bán đảo Hàn), họ đành phải chọn con đường phía nam<sup>16</sup> nhiều sóng gió hơn. Cho đến lúc đó, hai nước Nhật và Shiragi vẫn giữ một quan hệ bình đẳng. Chỉ đến khi Shiragi muốn coi Nhật Bản như một thuộc quốc thì quan hệ đó mới trở nên căng thẳng.

Trong những điều kiện như thế, có những người đi sứ không có cơ hội trở về trông thấy quê hương như Abe no Nakamaro và Fujiwara no Kiyokawa. Họ phải tiếp tục ở lại và phụng sự triều đình nhà Đường cho đến ngày cuối cùng. Quả là những người đã hy sinh cả cuộc đời mình cho việc đi sứ.

Mặt khác, vào cuối thế kỷ thứ 7, ở vùng đông bắc Trung Quốc xuất hiện một quốc gia tên là Bokkai (Bột Hải). Họ có những liên hệ đối nghịch với Đường và Shiragi nên thường gửi sứ giả sang Nhật Bản giao hiếu. Sứ bộ ấy có tên là Bokkaishi (Bột Hải Sứ) Sứ thần Bột Hải thường ghé lại quán xá Kôrokan (Hồng Lô Quán) ở kinh đô hay nhà khách Matsubara (Matsubara Kyakuin) ở vùng Echizen (tỉnh Fukui bây giờ) hay nhà khách Noto ở Noto (tỉnh Ishikawa bây giờ) và được đãi ngộ hậu hĩ. Fukui và Ishigawa đều nằm ở miền trung nước Nhật, về phía biển Nhật Bản.

Thế nhưng, kể từ hậu bán thế kỷ thứ 8 trở đi, quan hệ giữa Nhật Bản với Shiragi và Bokkai dần dần chuyển qua lãnh vực mậu dịch và các sứ bộ khi đến Nhật thường mang theo những phẩm vật hiếm có đến từ lục địa và gây được sự chú ý của tầng lớp quý tộc.

Trãi qua bao nhiêu gian khổ, các sứ bộ (gồm cả du học sinh và du học tăng) đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng khi đem văn vật nhà Đường về nước Nhật. Trong bọn họ có hai nhân vật lỗi lạc là Kibi no Makibi và tăng Genbô. Chúng ta rồi sẽ thấy ai ông ấy đã giữ những vai trò trọng yếu thế nào trong chính quyền Tachibana no Moroe dưới triều Thiên Hoàng Shômu.

## **6.2 Việc thiên đô về kinh đô mới Heijôkyô:**

Như đã nhắc đến ở đầu chương, năm 710 (Wadô thứ 3) dưới triều Nữ thiên hoàng Genmei, kinh đô đã được dời từ cung Fujiwara về Heijô ở Nara. Lý do của việc thiên đô là vì Fujiwara nằm ở phía đông nam thung lũng Nara là một địa điểm hơi khuất và bí. Nó nằm giữa ba ngọn núi nhỏ Ama no Kaguyama, Unebiyama và Miminashiyama, giống như bị chung bao vây. Chỉ có phía bắc thung lũng Nara là thông thoáng, thuận tiện cho việc kiến tạo một kinh đô có diện tích rộng rãi xứng đáng với cuộc cải cách chính trị có tầm vóc và cần được bố cáo cho trong biết ngoài hay. Đó là sự thành lập một chế độ trung ương tập quyền dưới sự chỉ đạo của thiên hoàng.

Công cuộc khai quật di tích hoàng thành Heijôkyô hiện đang được nhà nước xúc tiến. Lần lượt người ta tìm thấy vô số dấu tích các khu vực cung điện, quan sảnh và cả những mộc giản. Những thẻ gỗ (mộc giản, mokkan) này gần đây đã trở thành bằng chứng khảo cổ học giá trị. Ngày xưa khi giấy còn là sản phẩm quý, người ta đã dùng nó làm vật ghi chép. Trong khi di tích vật chất được đào bới lên nhiều mà văn kiện có chữ viết không

<sup>16</sup> Gọi là nam lộ. Cũng đi từ Hakata nhưng vượt biển Đông để đến Tô Châu, Hàng Châu hay Minh Châu. Cũng có thể ghé các đảo Tanejima, Yakushima, Amamijima ở phía Nam Kyushuu trước khi vượt biển Đông.

được bao nhiêu thì những mokkan chính là những tài liệu vô cùng quý giá. Ta có thể phân các mokkan ra làm 4 loại:

- 1) Mokkan dùng để ghi chép công việc hoặc thông tin giữa các quan.
- 2) Mokkan dùng để ghi chép vật dụng trong nhà tiện cho việc quản lý chúng.
- 3) Mokkan dùng để ghi chép vật cống nạp hoặc thu thuế.
- 4) Mokkan dùng để tập viết lách (tenarai) và viết đùa nghịch (rakugaki)<sup>17</sup>.

Có nhiều mokkan có thể cho ta những thông tin quan trọng. Ví dụ trước năm 701, theo những gì ghi trên mokkan đào được ở kinh đô Fujiwara thì khi bộ luật Taiho chưa được đem ra áp dụng thì chữ đơn vị hành chánh gọi là Kôri không viết bằng chữ Hán “quận” mà viết là “bình” với bộ “ngôn”. Điều thích thú khác là mokkan đào ở di tích nhà cũ của Hoàng tử Nagaya<sup>18</sup> cho thấy có chép tên họ một người đàn ông với kakushi (hoạch chỉ, dấu tay của đầu ngón và các lông ngón tay trở) thay cho chữ ký của người ấy, chứng tỏ các mokkan có khi dùng như giấy chứng minh căn cước.

Trong kinh đô Heijôkyô, ở khu vực kinh thành, người ta đã tìm thấy các khu vực cung điện, dinh thự của hoàng tộc và quý tộc cũng như di tích nhà cửa của người bình dân. Nhờ vào những di tích đó mà càng ngày, người ta càng hiểu biết thêm ra về sinh hoạt của mọi tầng lớp dân chúng.

Vì xây theo kiểu kinh đô Trường An của nhà Đường nên kinh đô Heijô được qui hoạch theo một bàn cờ thật lớn ngay hàng thẳng lối theo 4 hướng đông tây nam bắc. Đô thành xây dựng theo chế độ điều (đường lớn) và phường (xóm lớn) (điều phường chế = jôbôsei). Nam bắc có tất cả 4 phường (bô) và đông tây có tất cả 9 điều (jô)

Phần trung tâm của kinh đô thì phía bắc của nó có cung thành (kyujô) hay nội lý (dairi). Từ đó trải dài xuống phía nam là đại lộ Chu Tước (Suzaku Ôji). Cánh cổng thành cuối đại lộ là La Thành Môn (Rashômon). Đó là cánh cổng chính vào kinh đô. Giữa kinh đô, cách bởi đại lộ Suzaku có hai khu vực. Nhìn từ phía bắc xuống, một bên là Tả kinh (Sakyô), một bên là Hữu kinh (Ukyô) theo đúng nguyên tắc “Thiên tử nam diện (Đức vua ngoảnh mặt về hướng nam) từng thấy trong sách vở Trung Quốc. Phần trung ương của khu vực phía bắc hoàng thành được gọi là dairi (nội lý) nơi thiên hoàng sinh hoạt hằng ngày, còn có khu vực triều đường và các quan sảnh nghĩa là trung tâm của sinh hoạt chính trị Nara.

Trong kinh đô còn có khu vực dành cho nhà cửa quý tộc và quan lại cũng như các chùa chiền. Các chùa như Daianji (trước có tên Daikandaiji), Yakushiji, Gangôji (trước có tên Asukadera) phần nhiều đã được nhà nước cho dời từ kinh đô cũ Asuka đến. Tất cả tạo cho kinh đô mới một vẻ đẹp và trang nghiêm theo phong cách đại lục, hoành tráng chưa từng có. Trong tuyển tập Man.yôshuu ghi lại hình ảnh đương thời cũng đã có thơ nói đến “nét đan thanh” (aoniyoshi...) của kinh đô Nara thấy qua màu ngói xanh, màu cột sơn son và những khung tường trắng.

<sup>17</sup> Thơ Man.yôshuu cũng được chép trên mokkan. Đó là một công dụng khác của mokkan.

<sup>18</sup> Cháu nội Thiên Hoàng Tenmu và con trai của Hoàng tử Takechi. Có văn tài, từng làm quan nhị phẩm, tả đại thần. Vì tranh chấp với dòng họ Fujiwara mà phải đi đến chỗ tự sát. Sự chép là cuộc biến loạn của Hoàng tử Nagaya (684-729).

Sở dĩ nhà nước đã ra sức xây dựng đô thành một cách đại qui mô như vậy có lẽ vì muốn biểu dương sức mạnh và của cải của một nền chính trị trung ương tập quyền đã được chinh đốn dưới sự lãnh đạo của các thiên hoàng và quý tộc, cho bên trong bên ngoài đều biết. Về mặt địa lý thì khu vực phía bắc thung lũng Nara, nơi tọa lạc kinh đô mới Heijôkyô, diện tích khá rộng rãi, có khả năng phô trương được hết uy thế quốc gia. Nó lại có cái tiện lợi vô cùng vì là địa điểm kết nối được hai trục giao thông Đông Tây.

Dưới triều nữ Thiên Hoàng Genmei, quyển Kojiki (Cổ Sự Ký) đã được cho biên soạn vào năm 712 (Wadô thứ 5), tiếp theo đó là Fudoki vào năm 713. Thiên hoàng đã ra lệnh cho bầy tôi là Ono no Yasumaro sao chép những chi tiết lịch sử mà (một nhân vật có lẽ là cô đồng có tên) Hieda no Are đã thuộc lòng và đọc lại cho nghe. Riêng về Fudoki, nó là sách ghi chép địa danh, sản vật, phong thổ, truyền thuyết...của từng địa phương trong nước. Fudoki vùng Izumo (ven biển Nhật Bản, tỉnh Shimane bây giờ) còn được giữ hầu như là nguyên vẹn. Ngoài ra, cũng còn lưu lại được Fudoki các vùng Hitachi, Harima, Bungo, Hizen nữa. Ý chí muốn biên soạn địa chí vùng miền, qua đó nguyên lai của sự thành lập quốc gia được sáng tỏ hơn, hẳn không phải là không liên quan gì đến việc phát triển thể chế nhà nước trung ương tập quyền.

### **6.3 Bắt đầu việc đúc tiền:**

Cả nước lúc ấy được chia thành 5 kỳ và 7 đạo nhưng giữa kinh đô Heijôkyô và các địa phương đã hoàn tất một hệ thống gồm những trục giao thông chính. Hơn nữa, trên những đoạn đường chủ yếu, cứ cách 30 ri (lý), ước độ 16km, thì có đặt một dịch trạm, (umaya =dịch gia). Chúng được dùng để các nha lại chạy công việc cho thông suốt và nhanh chóng.

Ở kinh đô có hai khu chợ (ichi) do nhà nước quản lý. Chợ họp từ giữa trưa cho đến xế chiều. Nơi đây dân chúng đem sản vật địa phương, các quan lại đem vải lụa, bông lộc của họ đến trao đổi. Tất cả hoạt động đó đặt dưới sự giám sát của một viên chức gọi là quan coi chợ (ichi no tsukasa).

Dưới thời Nara, người Nhật đã bắt đầu biết sử dụng hóa tệ. Đó là những đồng tiền đúc gọi là Càn Nguyên Thông Bảo được đem nhập vào từ nhà Đường. Năm 708 (Wadô nguyên niên), nhà nước dựa lên khuôn mẫu của Càn Nguyên Thông Bảo để đúc tiền sử dụng trong nước, gọi là tiền Wadô (Wadô kaichin = Hòa Đồng Khai Trân). Việc xây ra vào tháng 2 sau khi nữ Thiên Hoàng Genmei tức vị được một năm. Số là vào tháng giêng năm bà lên ngôi, vùng Musashi no kuni Chichibu (tỉnh Saitama, gần Tôkyô bây giờ) đem tiến cống triều đình đồng loại tốt nên tháng 2 năm sau người ta đem đúc hai loại tiền Wadô kaichin bằng bạc và bằng đồng.

Đồng bằng bạc hay ginsen (ngân tiền) được đúc trước tiên. Lý do là vì cho đến lúc đó, bạc vẫn được dùng với vải và lúa gạo như vật đổi chác. Thế nhưng chính sách của nhà nước lúc đó là dùng dôsen (đồng tiền) theo mẫu nhà Đường làm đơn vị hóa tệ duy nhất, nên đồng bằng bạc chẳng mấy chốc bị cấm sử dụng..Sở dĩ người ta xác nhận được sự tồn tại của đồng ginsen niên hiệu Wadô là vì nó đã được thấy lại sau đó ở Trung Quốc.

Để kỷ niệm việc đúc tiền đồng này, nhà nước đã đổi niên hiệu thành Wadô (Hòa Đông) Chữ đồng trên niên hiệu có cài bộ kim, chữ khác với chữ ghi trên đồng tiền. Thời đại ấy, khi có gì tốt hay xấu, nhà nước đều lấy làm cơ để thay đổi niên hiệu.

Chứng cứ xưa nhất của lịch sử tiền đúc ở Nhật Bản có lẽ là đồng tiền tên Fuonsen (Phú bản tiền) khai quật được ở một di tích gọi là ao Asuka nằm phía đông nam ngôi chùa cổ nhất của Nhật, Asukadera. Thực ra, Fuhonsen đã được tìm thấy ở nhiều nơi trước đó ở các di tích thuộc hai kinh đô Fujiwara và Heijô, thế nhưng niên đại chưa hề được xác định xem nó thuộc đời nào nên bị coi là tiền dùng như bùa chú trừ tà (majinaisen). Thế nhưng khi người ta đào lên rất nhiều đồng tiền như thế cũng như các vật dụng bằng thủy tinh, bằng kim thuộc và dấu vết các lò đúc, cùng với các đồng Fuhonsen và mảnh vỡ của nó cũng như các mảnh vỡ của các khung đồ kim loại để đúc tiền (igata) ở tầng địa tầng thuộc thế kỷ thứ 7 thì nó mới được thực sự chú ý đến. Điều này phù hợp với điều thấy chép trong Nihon shoki (Nhật Bản thư kỷ) vào năm 683 dưới thời Thiên Hoàng Tenji “ Từ nay về sau, nhất định phải dùng tiền đồng”. Như vậy ta có thể phỏng đoán Fuhonsen là đồng tiền nói đến trong sắc lệnh ấy, được đúc dưới triều Tenji và nó là hóa tệ tồi cổ trong lịch sử Nhật Bản.

Cơ quan phụ trách đúc tiền gọi là Chuusenshi hay Ty đúc tiền (Chú Tiền Ty), từ ấy, đảm nhận đúc 12 loại tiền khác nhau. Chúng được gọi chung là Kôchô (hay Honchô) Juunisen nghĩa là Hoàng triều (Bản triều) thập nhị tiền. Sau đó, vào năm 958 (niên hiệu Tentoku 2), dưới triều Thiên hoàng Murakami thì đồng tiền được đúc cuối cùng là đồng Kengen Taihō (Càn Nguyên đại bảo).

Ý muốn của nhà nước khi cho đúc tiền và dùng đồng tiền duy nhất là để thống nhất và thúc đẩy sự lưu hành tiền tệ nhưng rốt cuộc, chuyện đã không dễ dàng như thế. Lý do là cho đến lúc đó, người Nhật vẫn dùng vải, lúa gạo hay bạc làm công cụ trao đổi. Nói cách khác đó là hình thức lưu hành hàng hóa thay cho tiền tệ đã bắt rễ sâu trong dân chúng. Dùng một cái bất chỉ dùng tiền Wadô để trao đổi thì khó lòng được họ nghe theo nhất là khi người dùng tiền không nhận thức được giá trị tương xứng với món hàng của đồng tiền trong khi trao đổi. Do đó, lúc đầu, ngay cả đồng tiền Wadô kaichin do nhà nước đúc cũng chưa được chấp nhận rộng rãi.

Năm 711 (Wadô 4), để tiền đúc Wadô được lưu hành mọi nơi, chính phủ đã ban lệnh Chikusenjoirei tức lệnh tích trữ tiền thặng cấp thì mới có phong trào chuộng tiền đồng hơn là bạc. Theo lệnh đó, quan lại để dành tiền nhiều bao nhiêu thì sẽ theo lượng tiền đó mà ban tước vị. Từ tưng ngũ phẩm trở xuống, nếu để dành được 10 quan thì sẽ được thăng một cấp. Mười quan ở đây tương đương với 10.000 đồng tiền. Thế nhưng chế độ này cũng không đưa đến kết quả bao nhiêu và khi sự lưu hành hóa tệ đã phổ cập thì nó trở thành vô nghĩa.

#### **6.4 Mở mang lãnh thổ và bình định bộ tộc Emishi:**

Thời đại này, chúng ta thấy có thêm một bằng chứng nữa về sức mạnh của nhà nước Nhật Bản, đó sự mở mang lãnh thổ và bình định các bộ tộc ở biên giới địa dư sẵn có.

Bước vào thời đại Nara, sự sử dụng các nông cụ bằng sắt đã được phổ cập, thêm vào đó,



kỹ thuật tưới tiêu cũng tiến bộ hơn. Diện tích trồng trọt (nông địa) của nhà nước luật lệnh nhờ thế cũng gia tăng. Như ta đã biết, ruộng đất thời ấy là ruộng công được cấp phát cho nông dân làm ruộng khấu phần như phép handen (ban điền) đã qui định. Xã hội từ từ phát triển, dân số cũng nhiều hơn xưa nên số ruộng không còn đủ để cấp phát. Bất buộc người ta phải tìm cách khai khẩn thêm.

Vì có ấy, thời Nara là một thời kỳ mà công việc mở mang lãnh thổ là một hoạt động rất mạnh mẽ. Thêm vào đấy, có tin rằng vùng Suô (còn gọi là Phòng châu, phía Đông tỉnh Yamaguchi) có mỏ đồng, vùng Mutsu (đông bắc đảo Honshuu, nay là tỉnh Aomori và Iwate) lại có mỏ vàng. Nhân vì nhà nước lại gửi người chuyên việc nuôi tằm và dệt sợi về địa phương cho nên hai hoạt động này, trước kia chỉ giới hạn trong khuôn khổ cung đình, nay đã trải rộng ra mọi nơi. Địa phương bắt đầu sản xuất các mặt hàng đặc biệt của vùng mình và tiến công lên kinh đô.

Nói cách khác, vào thời Nara, sức mạnh của Nhật Bản rất là sung mãn, cùng lúc, nhà nước luật lệnh cũng muốn dựa vào sức mạnh đó để mở rộng khu vực mình chi phối.

Điều ấy có nghĩa là thời ấy nhà nước luật lệnh vẫn chưa có một phạm vi ảnh hưởng như ngày nay. Chẳng hạn, miền Tôhoku (tức đông bắc đảo Honshuu) vẫn nằm trong tay tộc Emishi (Hà Di). Họ khoong chịu vào khuôn khổ của nhà nước luật lệnh cho nên đã trở thành đối tượng của những cuộc chinh phạt vào thế kỷ thứ 7.

Vùng Tôhoku là một địa phương được thiên nhiên ưu đãi, nhất là về săn bắn, đánh cá và hái nhặt. Vào cuối giai đoạn văn hóa đồ gốm với hoa văn kết thừng (Jômon), Tôhoku đã có một văn hóa khởi sắc, đó là văn hóa Kamegaoka. Đến thời Yayoi tiền kỳ đã có chứng cứ là ở khu vực Aomori và Tsugaru, có một nền văn minh lúa nước qua biển Nhật Bản mà vào đến tận đó.

Thế nhưng, chính quyền Yamato thành lập ở vùng Kinki mới là thế lực đã thu gồm tất cả các địa phương thành một quốc gia. Với thời gian, những người sinh sống ở vùng Tôhoku đã trở thành những dân tộc khác lạ có một nền văn hóa khác lạ. Theo cách nghĩ của Trung Quốc lấy mình làm trung tâm (trung hoa) và kẻ khác là di địch (tứ di), những người cư dân miền Đông Bắc đã được chinh quyền trung ương gọi bằng một cái tên kỳ dị, khinh thị: Emishi (Hà Di, mà Hà có nghĩa là con tằm).

Sau cuộc cải cách năm Taika, vì muốn có cứ điểm để cai trị các bộ tộc Emishi, chính quyền Yamato đã thiết lập các đơn vị hành chính ở vùng Hokuriku (Bắc Lục, (trương đương với 4 tỉnh bên biển Nhật Bản là Fukui, Ishikawa, Toyama và Niigata) mang tên Nutari no saku, Iwafune no saku (saku: sách, đơn vị hành chính ở miền núi, có thể hiểu như trại)<sup>19</sup>. Đến đời Nữ Thiên Hoàng Saimei thì chính quyền Yamato kể từ năm 658 đã nhiều lần cho tướng Abe no Hirafu dẫn quân viễn chinh để bắt người Emishi ở vùng Akita và Tsugaru phải thần phục.

Bước vào thế kỷ thứ 8, chính quyền Yamato tiến thêm một bước nữa trong việc khống chế người Emishi. Năm 712 (Wadô thứ 5), nhà nước thiết lập Dewa no kuni, một vùng lãnh thổ (kuni) ở phía biển Nhật Bản (nay là Akita, Yamagata). Năm 724 (Shinki

---

<sup>19</sup> Trong lịch sử Việt Nam cũng dùng các từ sách, động khi nói về các vùng miền núi.

nguyên niên), lại cho xây thành Taga (Tagajô, nay thuộc tỉnh Miyagi) phía bờ biển Thái Bình Dương, ở đó nhà nước lập phủ trần thủ (võ) và quốc phủ (văn) để kiểm soát phần lãnh thổ gọi là Mutsu no kuni (Michinoku) tức vùng cực bắc đảo Honshuu.

Đồng thời nhà nước Yamato tiến hành việc kiểm soát sắc dân bản địa vùng Kyuushuu vốn có tên là những người Hayato. Ở phía nam đảo ấy, chính quyền thiết lập phần lãnh thổ gọi là Ôsumi no kuni. Từ khi ấy, các vùng từ đảo Tanenoshima cho đến quần đảo Satsunan (phía nam Satsuma) dần dần qui thuận triều đình. Nhờ thế, phạm vi mà nhà nước muốn áp đặt chế độ luật lệnh đã được bành trướng thêm nhiều.

## **7- Thời thịnh trị dưới triều Shômu. Văn hóa Tenpyô.**

### **7.1 Biên soạn sử thư và địa chí nhằm nâng cao uy tín quốc gia:**

Vào đầu thế kỷ thứ 8, lúc thời đại Nara vừa mới có chưa được bao lâu thì giữa hoàng tộc và các tay hào tộc trung ương, thế quân bình về quyền lực giữa họ vẫn còn được giữ một cách tốt đẹp. Một thể chế cho phép hai bên hợp tác với nhau đã được xây dựng lên giúp cho sự vận hành nhà nước luật lệnh được thông suốt trơn tru. Vừa khi thể chế quốc gia đã ổn định và sức mạnh của nhà nước đến hồi sung mãn thì những người trong cuộc bỗng cảm thấy có nhu cầu ghi chép ký sự về sự hình thành và phát triển của quốc gia để truyền lại cho những thế hệ mai sau. Đó chính là lý do mà nhà nước đã cho soạn những sử thư và địa lý chí rất độc đáo theo cách thức Nhật Bản.

Như đã nói đến bên trên, về các sử thư ra đời thời đó phải kể đến việc biên soạn các cuốn Kojiki (Cổ Sự Ký, 712, Wadô 5) và Nihon shoki (Nhật Bản thư kỷ, 720, Yôrô 4) là những hành động cụ thể. Kojiki dựa trên hết trên những Teiki (Đế kỷ) hay truyền thuyết kể lại từ xưa trong cung đình về sự nghiệp các thiên hoàng và sự kế thừa trong hoàng tộc. Nó còn dựa lên những Kyuuji (Cựu từ) tức là những thần thoại lập quốc và các bài ca dao cổ đại. Hai sáng tác này hình như đã được truyền lại dưới triều Thiên Hoàng Kinmei. Một người xá nhân (kẻ theo hầu vua hay bậc tôn quý) trong đám người chuyên nghề kể chuyện gọi là Kataribe có trí nhớ thật tốt tên là Hieda no Are đã thuộc lòng chúng. Nữ Thiên hoàng Genmei mới nghĩ rằng phải cố nhớ những điều đó cho thật kỹ để có thể lưu truyền cho hậu thế, và theo đó, đến năm 711 (Wadô 4) thì bà hạ lệnh Hieda no Are đọc lại tất cả để chức quan là Ono no yasumaro lấy bút ghi. Kojiki nhân đó mới hoàn thành. Về Nihon shoki thì nó được biết như công trình biên soạn của nhóm người chung quanh hoàng thân Toneri. Họ đã viết bộ sử ấy theo lối phân chia đề tài và cách thức biên niên như ở Trung Quốc. Hai cuốn Kojiki và Nihon shoki được gọi với một tên chung là Kiki (Kỷ ký).

Việc biên soạn sử thư được đi kèm với việc biên soạn các địa chí. Năm 713, chính phủ trung ương ra lệnh cho các địa phương phải báo cáo về địa thế đất đai, sản vật và sự tích trong vùng. Những tập ghi chép đó có tên là Fudoki (Phong thổ ký). Fudoki hiện còn được bảo tồn là của 5 vùng Hitachi, Izumo, Harima, Bungo, Hizen.

Trong khi văn hóa phát triển như thế thì xã hội cũng trải qua nhiều cuộc biến động, trong đó có sự bành trướng thế lực của dòng họ Fujiwara và sự đề kháng đến từ thế lực đối lập mà hoàng tộc là trung tâm. Dần dần chính trường không còn được ổn định và

cuối cùng, nó trở thành sân khấu cho một cuộc tranh giành quyền bính xấu xa. Đặc biệt dưới thời Thiên Hoàng Shōmu trị vì kể từ khi ông tức vị vào đầu niên hiệu Jinki (724-729)<sup>20</sup> mà chúng ta sẽ khai triển sau đây, mức độ hỗn loạn trên chính trường đã lên tới cực điểm. Những cuộc tranh chấp nhiều vô kể, không thể trình bày hết. Chỉ đưa ra vài sự kiện quan trọng nhất để hiểu được vấn đề.

## 7.2: Hỗn loạn trên chính trường:

Năm 647 (Taika 3), người có công hàng đầu trong chính biến mở đầu cuộc cải cách niên hiệu Taika là Nakatomi no Kamatari được triều đình ban họ Fujiwara cùng với chức Taishokkan (có nơi đọc Taishokukan, Đại Chức Quan), một danh hiệu đứng trùm lên hết 16 bậc quan và chỉ dùng để cấp cho mỗi một mình Kamatari. Cho nên Taishokkan đã trở thành cái tên người ta dùng để nói về ông.

Từ đó, con trai Kamatari là Fuhito (659-720) cũng như cháu chắt ông đều mang họ Fujiwara. Dòng họ này đã ra sức củng cố và phát triển nhà nước luật lệnh, đồng thời tìm cách tiếp cận hoàng gia để bành trướng thế lực cho vây cánh. Cụ thể là Fuhito đã đưa con gái mình là Miyako (Cung tử) vào làm vương phi cho Thiên hoàng Monmu và hạ sinh người nối ngôi ông tức Thiên hoàng Shōmu.

Sau khi Fuhito chết rồi, bốn người con trai ông thừa kế sự nghiệp và trở thành thế lực khuynh đảo chính trường. Được mệnh danh “Fujiwara tứ tử” là bốn người lãnh đạo 4 bunke (phân gia, chi nhánh) sau đây: Muchimaro (cầm đầu Nanke tức Nam gia), Fusasaki (Hokke tức Bắc gia), Umakai (Shikikei tức Thức gia) và Maro (Kyōkei tức Kinh gia)<sup>21</sup>.

Lại nữa, vợ Fuhito là bà Agata Inukai no Michiyo từng giữ chức nữ quan trong hậu cung và rất có thế lực. Con gái của hai người là Kōmyōshi (Quang Minh tử) lại trở thành hoàng hậu của Thiên hoàng Shōmu. Đây là một biến cố vượt khỏi khuôn phép hoàng tộc. Vì việc này mà trong hoàng tộc xảy ra nhiều vấn đề.

Việc lập bà Kōmyōshi, một người xuất thân từ gia đình thần dân làm hoàng hậu, phá vỡ tập quán cho rằng hoàng hậu phải là người trong hoàng tộc. Thế nhưng tại sao có tập quán đó? Bởi vì hoàng hậu là người trên nguyên tắc sẽ tạm thời chấp chính khi thiên hoàng vừa mới băng hà, có khi lại lên ngôi luôn nữa. Đó là sự khác nhau giữa hoàng hậu (kōgō, chính thất) và hậu (kisasi, trác thất). Thế nhưng tập quán lâu đời của triều đình cũng không ngăn chặn nổi thế lực nhà Fujiwara. Hoàng tộc phản đối kịch liệt, Chức Tả Đại Thần là Hoàng thân Nagaya vì có ý định lật đổ nhà Fujiwara nên đã bị Muchimaro đem quân bao vây nhà và đồn đến bước đường cùng, phải tự sát. Sự chếp là cuộc biến loạn của Hoàng thân Nagaya (Nagayaō no hen, 729, năm Tenpyō nguyên niên). Kết quả là bà Kōmyōshi, con của nhân thần (jinshin) tức là bầy tôi mà lại được leo lên tới địa vị

<sup>20</sup> Năm Thân Qui, đổi niên hiệu từ Yōrō sang sau khi bắt được một con rùa trắng (bạch qui) và cho đó là điềm lành.

<sup>21</sup> Về lý do tên của các chi nhánh thì Nam gia của trưởng nam Muchimaro có dinh thự nằm ở phía nam đối diện Bắc gia của em trai ông là Fusasaki. Còn Shikikei là vì người cầm đầu làm quan cao bộ Lễ (Shikibu) và Kyōkei vì người cầm đầu làm quan khanh trông coi Tả Kinh (Sakyō, khu vực phía tả của kinh đô).

tối cao là hoàng hậu. Bà là người có lòng tin sâu sắc vào Phật giáo nên chỉ một năm sau khi trở thành Komyô Kôgô (Quang Minh Hoàng Hậu), bà đã lập viện Hiden-in (730) làm nơi cứu trợ người bần cùng và cô nhi trong xã hội cũng như mở Seyaku-in, cơ sở cấp thuốc men và chữa trị cho họ.

Thật ra, lúc đó nơi hang cùng ngõ hẻm, dịch đậu mùa đang hoành hành. Người trong vòng thân tộc của hoàng hậu cũng không thoát cảnh khổ đó. Bốn ông con trai nhà Fujiwara đều vì bệnh ấy mà nối tiếp nhau qua đời. Thế lực của tập đoàn Fujiwara nhân vậy thành ra suy yếu, cánh thiên hoàng vùng lên trấn áp được họ. Điều đó đã được chứng tỏ qua việc nhà quý tộc Tachibana no Moroe được thăng Tả đại thần vào năm 738 (Tenpyô 10) và gom lại hết quyền lực nhà nước trong tay mình.

Tại sao lại gọi cánh Tachibana là hoàng tộc? Nhất là khi hoàng tộc không hề có tên họ. Thực ra, Tachibana là cái họ mà gia đình bà Agata Inukai no Michiko (vợ Fuhito) được triều đình ban cho. Bà trước đã kết hôn với một người trong hoàng tộc là Hoàng tử Mino và sinh được một con trai cũng là hoàng tử, Katsuragi. Đến năm 736 (Tenpyô 8) thì Hoàng tử Katsuragi được lệnh trở thành dân (chế độ gọi là shinseki kôka, thần tịch giáng hạ) nghĩa là không còn là người thuộc hoàng tộc nữa (có thể vì mẹ ông tục huyền với Fuhito). Ông lấy họ Tachibana của mẹ và đổi tên thành Tachibana no Moroe (như vậy ông là anh cùng mẹ khác cha với Hoàng hậu Komyô).

Trong thời gian này, cô vấn chính trị cho đại thần Moroe là hai cựu du học sinh từng qua bên nhà Đường: tăng Genbô (? - 746)<sup>22</sup> và nhà quý tộc Kibi no Mabiki (695-775).<sup>23</sup> Hai ông cũng được sự tín nhiệm của Thiên Hoàng Shômu và đã truyền đạt lại cho những người trong nước những kinh nghiệm học hỏi được trong thời gian theo phái bộ Kentôshi của mình. Một sự kiện khác đáng chú ý lúc đó là nhân nạn đói và dịch lệ làm cho xã hội mất yên ổn, ở Kyuushuu có những người cho rằng thời cơ đã đến nên nổi lên chống phá chính quyền Moroe.

Đó là việc xảy ra vào năm 740 (Tenpyô 12) khi con trai Umakai thuộc chi Shikike đang làm chức phó tướng ở phủ Dazai tên là Fujiwara no Hirotsugu (Đặng Nguyên Quảng Tự) mưu việc lật đổ Moroe, đuổi cặp bài trùng Genbô-Kibi no Makibi và phục hồi quyền lực cho gia đình Fujiwara. Ông ta hợp được hơn một vạn người gồm hào tộc và nông dân trên đảo và nổi dậy nhưng liền bị tướng của triều đình gửi ra là Ono no Azumahito dẹp được. Tuy loạn bên ngoài đã yên nhưng trong triều đình, tranh chấp vẫn kéo dài và Thiên hoàng Shômu chưa hết được mối lo.

Đứng trước hoàn cảnh đó, Thiên hoàng Shômu không biết cách gì hơn là mỗi lần có biến lại thiên đô. Chỉ trong vòng có vài năm mà ông đã chuyển kinh đô từ cung Kuni sang cung Naniwa rồi cung Shigaraki, cuối cùng trở về kinh đô cũ Heijô...nhưng việc đó chỉ gây ra sự hao tổn sức lực và tiền của mà không giải quyết được gì.

---

<sup>22</sup> Tăng lữ tông Pháp Tướng, sang nhà Đường từ năm 717 đến năm 735. Có tài chữa bệnh và trừ tai cầu phúc nên được trọng dụng. Là lý do đưa đến cuộc nổi loạn của Hirotsugu. Sau loạn đó, bị tá thiên xuống chùa Quan Âm ở Tsukushi trên đảo Kyuushuu.

<sup>23</sup> Văn quan và văn nhân. Qua nhà Đường từ 717 đến 735. Dem về nhiều sách vở. Sau cũng bị tá thiên xuống Kyuushuu. Để lại nhiều sách về luật lệ.

Cũng vì tình thế xấu đi như vậy mà con người sùng đạo như Thiên hoàng Shōmu đã phải bắt đầu tìm cách dựa vào triết lý Phật giáo hộ quốc để trấn an mọi người, từ giới chính trị đến thường dân. Do đó, năm 741 (Tenpyō 13), ông hạ chiếu lập những ngôi chùa ở mỗi địa phương gọi là Kokubunji (chiếu ấy tên là Kokubunji Konryū no Mikotonori). Lúc ấy, kinh đô Nhật Bản đang nằm ở cung Kuni.

Theo chiếu chỉ, khắp nước Nhật người ta cho xây dựng những chùa địa phương (kokubunji) và chùa sư nữ địa phương (kokubun niiji). Tên chính thức của nó rắc rối hơn nhiều: Konkōmyō shitennō gokoku no tera (Kim quang minh tứ thiên vương hộ quốc tự) và Hokke mezzai no tera (Pháp hoa diệt tội tự). Chú ý hai chữ “hộ quốc” và “diệt tội”. Nhà sư hoạt động mạnh mẽ dưới thời ấy là tăng Gyōki (Hành Cơ)<sup>24</sup>. Ông đã góp công lớn trong việc dựng pho tượng Phật khổng lồ gọi là Đại Phật (Daibutsu).

Năm 743 (Tenpyō15), từ cung Shigaraki ở Ōmi, Thiên hoàng Shōmu đã giáng chiếu dựng tượng Phật khổng lồ (Daibutsu Zōryū no Mikotonori) bằng hợp kim đồng tạc gọi là tượng Rushanabutsu (Lô Xá Na Phật)<sup>25</sup>. Thế rồi, khi thiên hoàng trở về kinh đô cũ Heijō thì công sự dựng tượng cũng dời về chùa Tōdaiji (Đông Đại Tự) ở Nara. Năm 752 (Tenpyō shōhō 4), vào thời người 4 năm trước đó đã lên kế vị Shōmu là nữ Thiên Hoàng Kōken (Hiếu Khiêm), lễ khánh thành (khai nhân cúng dường) của tượng đã được cử hành trọng thể (với sự có mặt của các danh tăng Trung Quốc và Phật Triệt<sup>26</sup>, một nhà sư đến từ Việt Nam (lúc đó là phần đất Chiêm Thành)).

Một năm trước đó tức năm 751, đã xuất hiện tập thơ chữ Hán nhan đề Kaifuusō (Hoài phong tảo) đại ý có nghĩa là “Những áng thơ đẹp”, tập thơ tối cổ còn giữ được, thu thập những vần Hán thi đẹp nhất do người Nhật viết sau khi nhận ảnh hưởng của thơ Trung Quốc từ đời Lục Triều cho đến đời Đường. Những người biên tập nó đều là thi nhân xuất sắc thời đó như Ōmi no Mune, Itonokami no Yakatsugu. Chính Ihino kami là người đã dùng nhà cũ của mình để dựng nên Untei, cơ sở được xem như thư viện đầu tiên của Nhật Bản. Thiên hoàng Shōmu cũng đã cho mời từ Trung Quốc những danh tăng sang dạy giới luật. Sau khi tải qua muôn ngàn cực khổ, có một nhà sư mù đã đặt chân đến Nhật Bản. Người đó là Ganjin (Giám Chân).<sup>27</sup>

Chùa Tō Shōdaiji<sup>28</sup>, nơi người Nhật dựng lên cho ông tu là tổng bản sơn của Luật Tông (Rishū). Nơi đây có đặt môn pho tượng của Ganjin làm bằng lõi gỗ đắp đất, phủ lên một lớp bột bằng tơ gai và thép sơn theo kỹ thuật kanshizō (can tất tượng hay tượng sơn khô) của Trung Quốc. Về kiến trúc chùa này thì tiêu biểu nhất là tòa kim đường

<sup>24</sup> Gyōki (Hành Cơ, 668-749) người vùng Kawachi, là nhà sư hay vân du để giáo hóa dân chúng, xây dựng cầu đường và thiết bị thủy lợi. Lúc đầu bị bắt bớ vì vi phạm qui luật tăng ni do tự tiện nhúng tay làm công tác xã hội nhưng sau được triều đình hiểu cho và tôn vinh.

<sup>25</sup> Còn gọi là Biruhanabutsu (Tì Lô Già Na Phật), phiên âm chữ Phạn trong kinh Hoa Nghiêm.

<sup>26</sup> Tương truyền ông đã dạy những vũ khúc Chiêm Thành mà ngày nay người ta vẫn còn diễn trong các buổi lễ.

<sup>27</sup> Tăng Ganjin (688-763), người Dương Châu (tỉnh Giang Tô), đã được mời sang dạy cho người Nhật giới luật Phật giáo. Chịu đựng sóng gió và cảnh mù lòa, ông cất công đến được nước Nhật. Thiên hoàng Shōmu rất kính trọng nên quy y với ông và lập chùa Tō Shōdaiji để ông tu. Còn được gọi là Quá hải đại sư, Đường đại hòa thượng.

<sup>28</sup> Shōdai (chiêu đề) dịch từ âm tiếng Phạn caturdisa có nghĩa là “tăng vân du bốn phương” những cũng để chỉ “tu viện”.

(nơi đặt các pho tượng Phật) và giảng đường (nơi giảng kinh) của nó.

### 7.3 Nhân vật đương thời: Từ Nakamaro đến tăng Dôkyô:

Sau khi Thiên hoàng Shômu thoái vị, ngôi báu về tay Nữ thiên hoàng Kôken (Hiếu Khiêm, 718-770) con gái thứ hai của ông. Tuy công chúa lên nối ngôi như nhưng thực quyền vẫn nằm trong tay mẹ là Hoàng thái hậu Kômyô (tức bà Fujiwara Kômyôko) và người cháu trai của bà ta là Fujiwara no Nakamaro (con trai Muchimaro thuộc Nanke). Đả thắng tiến của Nakamaro dẫn đến sự suy thoái của cánh nhà Tachibana no Moroe. Phải nói là người cháu trai này được Hoàng thái hậu hết sức tín cẩn vì bà đã bổ nhiệm ông vào chức trưởng quan của Shibi chuudai (Tử vi trung đài) một nha sở mới được hai bác cháu đặt ra để lo về những việc kề cận thiết thân của Hoàng thái hậu

Thấy Nakamaro nắm được quyền cao, con trai Tachibana no Moroe là Naramaro sinh ra bất mãn. Sau khi Moroe lui về ẩn dật (năm 756) rồi qua đời vào năm sau đó thì Naramaro mới tụ tập tất cả các thành phần hào tộc chống đối như họ Otomo, họ Saeki, họ Tajii làm một cuộc đảo chánh mưu trừ cánh Nakamaro. Thế nhưng âm mưu bị kẻ khác mật báo nên bất thành. Naramaro bị bắt giam rồi chết trong ngục.

Sau khi trừ khử xong Naramaro, Nakamaro được Thiên hoàng Junna (con trai thứ 7 hoàng thân Toneri và do Nakamaro lập lên sau khi Kôken nhường vị) ban cho tên mới là Emi no Oshikatsu. Ông mặc tình thao túng chính trường. Thế nhưng từ khi có một tăng sĩ tên Dôkyô (Đạo Kính) - người được Thái thượng hoàng Kôken tín nhiệm - xuất hiện thì giữa Emi và Dôkyô có một quan hệ đối lập. Năm 764 (Tenpyô Hôji 8), Emi Oshikatsu bèn cử binh mưu phản nhưng bị đánh dẹp và chết. Sử chép đó là cuộc loạn Emi Oshikatsu.

Sau đó, Thái thượng hoàng Kôken lại “trùng tộ” (chôso, jôso) nghĩa là lên ngôi thêm một lần nữa. Đó là Nữ thiên hoàng Shôtoku (Xứng Đức). Dôkyô được đặt vào một chức vụ đặc biệt tên là Dajôdaijin Zenshi (Thái chính đại thần thiên sư), có quyền lực của một vị tể tướng kiêm giáo chủ (Hôô = pháp vương). Lúc đó, Nữ thiên hoàng lấy cớ là có lời của thần ở đền Usa Hachiman Jinguu thác lời mà mưu tính đưa cả Dôkyô lên ngôi Thiên hoàng. Đó là một việc hi hữu trong ngoài đều khó chấp nhận. Sau may nhờ có nhóm các đại thần như Wake no Kiyomaro hiệp lực ngăn cản cho nên ước vọng phi lý đó mới không thành. Dù sao, từ trước cho đến lúc đó và từ đó trở về sau, không có tăng nhân nào có thể đạt được tối địa vị của Dôkyô.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, cuộc tranh chấp chung quanh chiếc ngai vàng vẫn tiếp tục xảy ra trong vòng hoàng tộc và quý tộc. Thêm vào đó những công trình xây dựng tu tạo cung điện và tự viện đã làm cho công quỹ thâm thụt gây nên tình trạng bất ổn. Vì lý do đó, nhóm quý tộc có thế lực là họ Fujiwara – sau khi Nữ thiên hoàng Shôtoku chết đi và tăng Dôkyô bị đuổi về chùa Yakushiji ở Shimotsuke no kuni (tức vùng Tochigi gần Tôkyô bây giờ) – mới lập người cháu (gọi bằng ông nội) <sup>29</sup> của Thiên hoàng Tenji lên ngôi nhằm lập lại thể chế nhà nước luật lệnh. Tân thiên hoàng hiệu là Kônin (Quang

<sup>29</sup> Ông vốn tên là Hoàng tử Shirakabe (Bạch Bích), con trai thứ 6 của Hoàng tử Shiki thuộc dòng Tenji. Cho đến lúc đó, cánh nhà em là Tenmu đã giữ ngôi báu từ sau cuộc loạn năm Nhâm Thân (672) loại bỏ được Thiên hoàng Kôbun, con trai Tenji..

Nhân). Sự thay bậc đổi ngôi này là một dịp may vì nó đưa đến sự ổn định chính trị để cho một nền văn hóa mới mang tên là văn hóa (niên hiệu) Tenpyô, có thể ra đời.

Nhìn chung, ảnh hưởng của Phật giáo rất quan trọng đối với xã hội Nhật Bản thời cổ. Hầu như mỗi nền văn hóa trong giai đoạn này đều đi song đôi với việc xây dựng một ngôi chùa nổi tiếng. Trong trường hợp này, ngôi chùa ấy là Tôdaiji (Đông Đại Tự) vậy.

Nếu nói đến Tôdaiji của văn hóa Tenpyô tức là nói đến sự tồn tại của nó như trung tâm Phật giáo (tổng bản sơn) tông Kegon (Hoa Nghiêm). Nó còn có vai trò sôkokubunji (tổng quốc phân tự) tức ngôi chùa vai vế cao nhất trong hệ thống kokubunji (chùa nhà nước ở địa phương) trên toàn quốc. Ngoài ra, vào thời điểm này, ngoài tông Kegon ra, còn có các tông phái khác như Sanron (Tam Luận), Jôjitsu (Thành Thực), Hossô (Pháp Tướng), Kusha (Câu Xá), Ritsu (Luật) nữa. Sáu tông phái này (gọi là Nam bộ lục tông) là những học phái đã ra đời qua quá trình nghiên cứu giáo lý.

Về mặt văn học, ngoài thơ chữ Hán (Kanshi) vốn là công cụ nằm trong khuôn khổ giáo dục kiến thức cho giới quý tộc, thơ waka cũng được lưu hành rộng rãi. Bằng có là thi tuyển Man.yôshuu (Vạn Diệp Tập) thu thập ước chừng 4500 bài thơ từ trước đó cho đến thời Nara đã ra đời. Tập thơ được ghi lại dưới dạng văn tự đặc biệt Nhật Bản là man.yôgana đã giữ lại dấu vết đời hoạt động và cá tính của các nhà thơ lớn như Yamanoue no Okura, Yamabe no Akahito, Ôtomo no Tabito và Otomo no Yakamochi.

Nói đến giáo dục thì vào thời ấy, nhà nước đã thành lập các cơ sở như Daigaku (Đại học) ở trung ương và Kokugaku (Quốc học) ở các địa phương (koku). Chủ yếu, giáo trình là kinh điển Nho giáo nhưng cũng dạy cả pháp luật, Hán văn, toán số, thư đạo vv...nữa. Để được theo học nơi đây, phải là con em của quý tộc hoặc quan lại địa phương (các gunji). Con nhà thường dân không có quyền tham dự.

### **Tư Liệu Tham Khảo Chính:**

- 1) Aida Yasunori, Newbigetaa Nihonshi B, quyển I, (Hướng dẫn đọc lịch sử Nhật Bản, Yamakwa xuất bản, Tôkyô.
- 2) Đại học Virginia, USA (Virginia Library Electronic Text Center), Ấn bản điện tử nguyên tác Man.yôshuu (theo bản tàng trữ ở chùa Nishi Honganji, Kyôto), bảng 3 kiểu chữ, hiện có thể truy cập tự do trên mạng (không rõ năm).
- 3) Hanai Shiori, 2009, Manyôshuu Ichinichi Isshu (Vạn Diệp Tập nhất nhật nhất thủ), Chichi xuất bản, Tôkyô.
- 4) Haitani Kanji, 2005-2007, Manyôshuu Hyakuten (Vạn Diệp Tập Bách Tuyển, Man'yôshu Best 100 with explanation and translation), qua Google, Internet.
- 5) Kônoshi Takamitsu, 2010, Man.yôshuu Ranshô Jiten (Từ điển thường thức Vạn Diệp Tập), Kodansha, Tôkyô.
- 6) Miyasaka Shizuo, 2009, Kigo no tanjô (Khi "chữ theo mùa" ra đời), Iwanami Shinsho 1214, Tôkyô.
- 7) Okano Hirohiko, 2005, Manyô no kajin tachi (Những nhà thơ thời Vạn Diệp), NHK xuất bản, Tôkyô.
- 8) Sakaguchi Yumiko, 2001, Man.yôshuu (Vạn Diệp Tập), Beginners Classics,

- Kadokawa Shoten, Tôkyô, ấn bản lần thứ 24 năm 2010.
- 9) Sakurai Michiru, 1988, Man.yôshuu I. II. III (Vạn Diệp Tập, đối dịch cổ kim, ba quyển thượng trung hạ), Ôbunsha, bản trùng san năm 1993, Tôkyô.
  - 10) Sakamoto Masaru, 2009, Manyôshuu (Vạn Diệp Tập), Seishun Shuppansha, ấn bản lần thứ 3, tháng 5 năm 2009, Tôkyô.
  - 11) Tada Kazuomi biên, 1999, Manyôshuu Handbook (Cẩm nang để đọc Vạn Diệp Tập), Sanseidô, ấn bản lần thứ năm 2008, Tôkyô.
  - 12) Uemura Etsuko, 1981, Manyôshuu Nyuumon (Nhập môn Vạn Diệp Tập), (nguyên tác Man.yôshuu chép theo bản của hai ông Sasaki Hirotsuna và Nobutsuna), Kôdansha Shinsho, ấn bản lần thứ 21 năm 2008, Tôkyô.
  - 13) Yamaguchi Nakami, 2006, Nihongo no Rekishi (Lịch sử tiếng Nhật), Iwanami Shinsho1018, Iwanami xuất bản, ấn bản lần thứ 13, 2008, Tôkyô.



